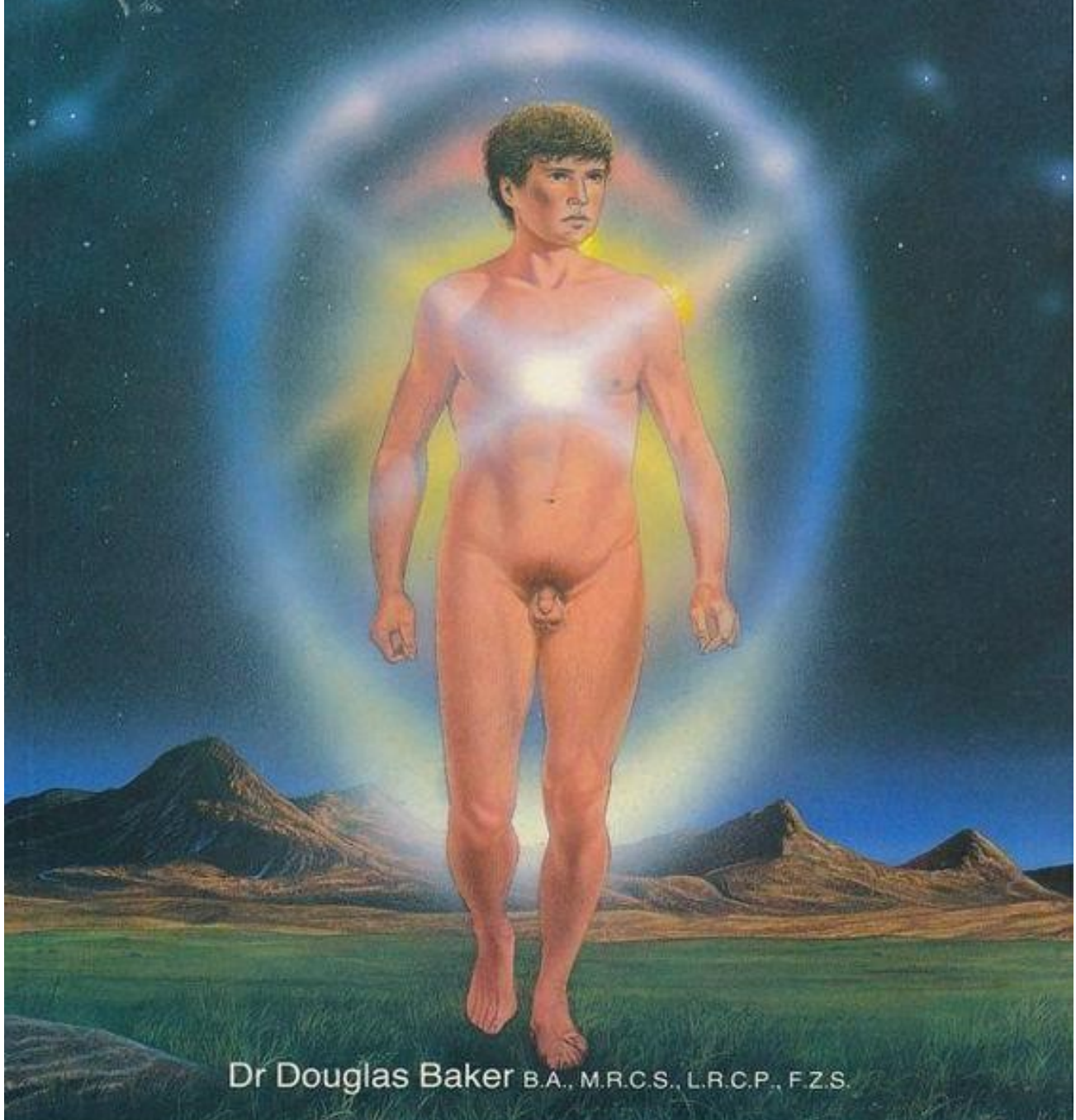


The
Human Aura
A Study of Human Energy Fields



Dr Douglas Baker B.A., M.R.C.S., L.R.C.P., F.Z.S.

THE HUMAN AURA

A Study of Human Energy Fields

by

Dr. DOUGLAS M. BAKER

B.A., M.R.C.S., L.R.C.P., F.Z.S.

© Dr. DOUGLAS M. BAKER 1986

'Little Elephant'

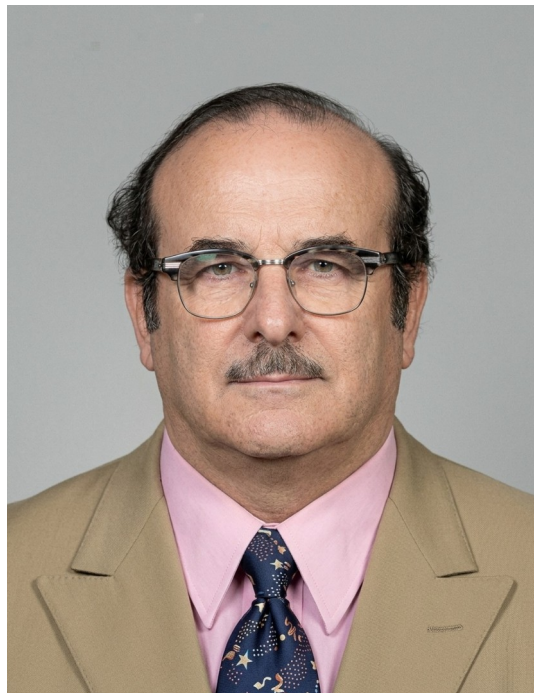
High Road, Essendon,

Hertfordshire AL9 6HR

England

Printed and bound in Great Britain

ISBN 0-906006-73-2



Introduction—Giới thiệu

Dr. Douglas Baker graduated in medicine at Sheffield University in 1964 and has consistently brought to the attention of the public those aspects of Man's holistic nature which constitute the borderlands of scientific knowledge. He is a prolific author who lists scientific explanations as well as examples from ordinary life to bring home the truth of the most complex and abstract metaphysical teachings in the words of today.

In this authoritative study of human energy fields, Dr. Baker clearly defines the nature and function of the human aura and how it can be used to enhance the quality of our lives, and of those around us. Combining his medically trained research with 45 years of metaphysical orientation, the author is able to dispel the existing confusion and gross misconception about the aura. The reader is introduced to new and exciting features of the human aura, and numerous examples—both historic and contemporary—of the vast range of its attributes are presented in away that is both fascinating and instructive.

Bác sĩ Douglas Baker tốt nghiệp ngành y tại Đại học Sheffield vào năm 1964 và đã không ngừng đưa ra trước công chúng những khía cạnh về bản chất toàn diện của Con người vốn tạo thành vùng biên của tri thức khoa học. Ông là một tác giả vô cùng phong phú, người liệt kê các giải thích khoa học cũng như các ví dụ từ đời sống thường nhật để làm nổi bật chân lý của những giáo lý siêu hình phức tạp và trừu tượng nhất bằng ngôn ngữ của thời đại ngày nay.

Trong nghiên cứu có thẩm quyền này về các trường năng lượng của con người, Bác sĩ Baker xác định rõ ràng bản chất và chức năng của hào quang con người và cách nó có thể được sử dụng để nâng cao chất lượng cuộc sống của chúng ta và của những người xung quanh. Kết hợp nghiên cứu được đào tạo về y khoa của mình với 45 năm định hướng siêu hình, tác giả có thể xua tan sự nhầm lẫn hiện có và quan niệm sai lầm thô thiển về hào quang. Người đọc được giới thiệu những đặc điểm mới và thú vị của hào quang con người, và vô số ví dụ—cả lịch sử và đương đại—về phạm vi rộng lớn các thuộc tính của nó được trình bày vừa hấp dẫn vừa mang tính hướng dẫn.

Part One—The Nature of the Aura
Phần 1—Bản Chất của Hào Quang

1. The Structure of the Aura—Cấu Trúc của hào Quang

The Auric Egg—Noãn Hào Quang

It is not difficult to imagine different states of matter interpenetrating each other. We have such obvious examples of it. Pick up a handful of mud and you are immediately aware of three states of matter in it. There is the sand of the mud which we call the “solid”; there is the water interpenetrating the sand which we call the “liquid”; and there is the air contained in solution within the water of the mud and this we call the “gaseous”. Three states of matter interpenetrating a handful of mud. Is it then so difficult to imagine other states of matter, subtler, more tenuous than the gaseous? Can we, at the same time, suppose that these subtler states of matter may also interpenetrate the three states of matter we have already examined?

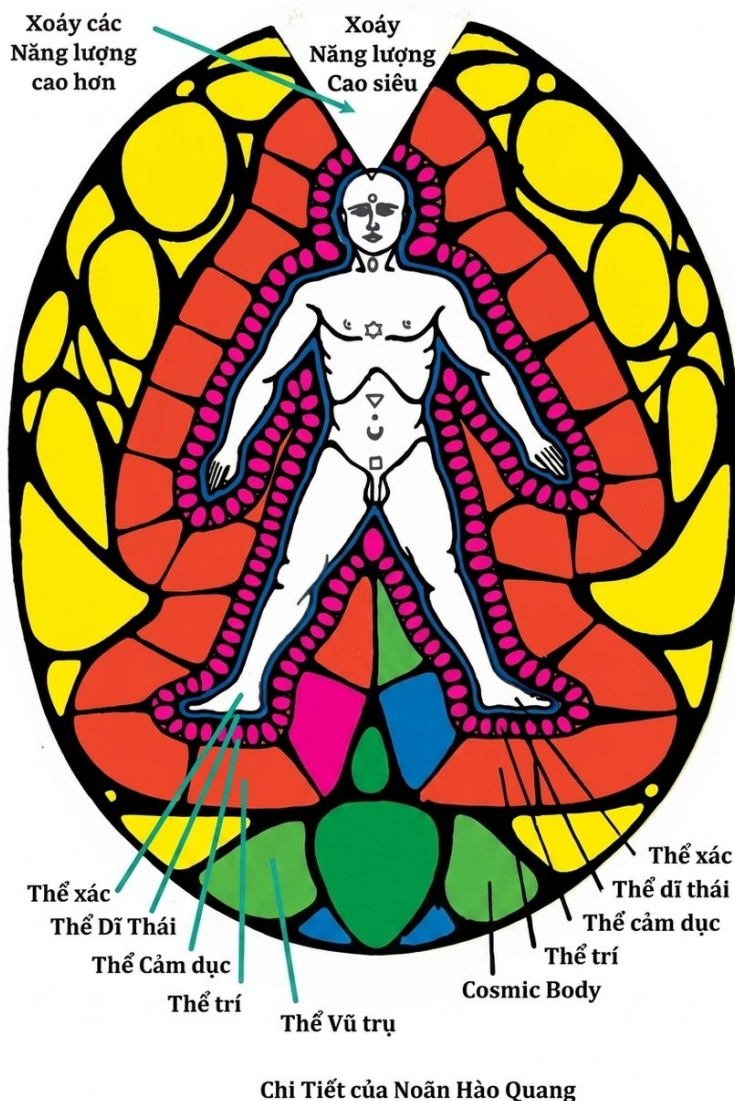
If this is not too difficult a proposition then we can come to grips with the nature of the aura, for the aura is an energy unit made up of very refined matter and it forms a sort of cloud or nimbus shaped something like a large globule or “egg” interpenetrating our bodies. It arises through pressure exerted in form in all of its myriad expressions on the many planes of substance, ranging from the positive or spiritual to the negative or material. We walk around with it, sleep with it, and are sustained by it. It has a north pole which is almost coincidental with the vertex of the skull and into which there pours the life force in great quantities. We call this the vortex of the auric egg (see illustration overleaf). There is a south pole, too, which begins in the aura about the site of the sacrum bone at the base of the spine and continues downwards to its termination through the soles of the feet. This exit for energy from the aura is called the torrent. In primitive Man the auric egg is accentuated

Không khó khăn để tưởng tượng các trạng thái khác nhau của vật chất xuyên thấu nhau. Chúng ta có những ví dụ rõ ràng như vậy. Lấy một nắm bùn và bạn ngay lập tức nhận ra ba trạng thái vật chất trong đó. Có cát bùn mà chúng ta gọi là “rắn”; có nước thấm vào cát mà chúng ta gọi là “chất lỏng”; và có không khí chứa trong dung dịch trong nước bùn và điều này chúng ta gọi là “khí”. Ba trạng thái vật chất thấm vào một nắm bùn. Liệu có quá khó khăn để tưởng tượng các trạng thái khác của vật chất, tinh tế hơn, mỏng manh hơn nhiều so với khí? Liệu chúng ta có thể, cùng một lúc, giả sử rằng các trạng thái tinh tế của vật chất này cũng có thể xuyên thấu ba trạng thái vật chất mà chúng ta đã kiểm tra?

Nếu đây không phải là một đề nghị quá khó khăn thì chúng ta có thể nắm bắt bản chất của hào quang, vì hào quang là một đơn vị năng lượng được tạo thành từ vật chất cực kỳ tinh tế và nó hình thành một dạng đám mây hoặc quang sáng có hình dạng giống như một khối cầu lớn hoặc “quả trứng”, thấm nhập vào thân thể chúng ta. Nó phát sinh thông qua áp lực được tạo ra bởi hình tướng trong tất cả muôn vàn biểu lộ của nó trên nhiều cõi của vật chất, trải dài từ cực dương hay tinh thần đến cực âm hay vật chất. Chúng ta mang theo nó khi đi lại, ngủ với nó, và được duy trì nhờ nó. Nó có một cực bắc gần như trùng với đỉnh đầu, nơi sinh lực đổ vào với số lượng lớn. Chúng ta gọi đây là xoáy điểm của noãn hào quang (xem minh họa ở trang bên). Cũng có một cực nam, bắt đầu trong hào quang khoảng vị trí của xương cùng ở đáy cột sống và tiếp tục kéo dài xuống dưới cho đến khi kết thúc qua lòng bàn chân. Lối thoát năng lượng từ hào quang này được gọi là dòng thác. Ở Con người nguyên thủy, noãn

around the lower hemisphere and in the spiritually advanced it is emphasised in the upper hemisphere. It constantly pulsates in a sort of breathing motion and is, indeed, related to the breathing mechanisms. Each intake of air swells the aura with an energy called prana. Energy may enter the aura not only through the vortex but directly from all parts of its periphery. There are several additional sites of entry at the neck just below the lobes of the ears, over the region of the spleen, and through the palms of the hands.

hào quang được nhấn mạnh quanh bán cầu dưới, còn ở những người tiến hóa tâm linh thì được nhấn mạnh ở bán cầu trên. Nó liên tục dao động trong một dạng chuyển động giống như hô hấp, và thực ra, có liên quan đến các cơ chế hô hấp. Mỗi lần hít vào sẽ làm hào quang trương nở với một loại năng lượng gọi là prana. Năng lượng có thể đi vào hào quang không chỉ qua xoáy điểm mà còn trực tiếp từ tất cả các phần của chu vi hào quang. Có một số điểm vào bổ sung tại vùng cổ ngay dưới dải tai, vùng lá lách, và qua lòng bàn tay.



The major port of entry for prana is through

Cổng chính để prana đi vào là qua không khí

the air we breathe. It should never be forgotten that this entry is under our control and can be enhanced through practising rhythmic breathing which can be made to coincide with the natural pulsations of the aura. Generally speaking, the aura becomes positive and outgoing when we breathe out and negative and absorptive when we are breathing in.

The Etheric Body—Thể dĩ thái

The aura should not be confused with the etheric body which is a physical structure of subtle matter of a semi-permanent nature. It develops from the moment of conception, racing ahead of the fast-forming physical tissues in the embryo and fetus. The etheric body acts as a matrix to the developing tissues and as a framework through which prana can be distributed to them. After accepting the prana from the atmosphere we breathe, the etheric body distributes it, at first along minute silvery filaments which we call the nadis and, thereafter, in much larger quantities through the etheric tracts. Three major tracts are related to the spinal column. The Hindus called them Ida, Sushumna and Pingala. These three tracts form a stem on the spine and related to them are flower-like structures called chakras which store the distributed prana. The chakras open progressively from the base of the spine upwards in each life and again, more powerfully, through the whole cycle of our lives in this planetary scheme. The degree to which they open is dependent upon the spiritual growth of the individual.

The number of chakras available for awakening throughout our many lives is seven. However, in average Man not more

mà chúng ta hít thở. Không bao giờ quên rằng việc hấp thu này nằm trong sự kiểm soát của chúng ta và có thể được tăng cường thông qua việc thực hành hô hấp nhịp nhàng, có thể đồng bộ với những nhịp đập tự nhiên của hào quang. Nói chung, hào quang trở nên dương tính và phát tỏa khi chúng ta thở ra và trở nên âm tính và thu nhận khi chúng ta hít vào.

Trường hào quang không nên bị nhầm lẫn với thể dĩ thái, vốn là một cấu trúc vật lý được hình thành từ chất liệu vi tế có bản chất bán vĩnh cửu. Thể dĩ thái phát triển ngay từ khoảnh khắc thụ thai, vượt trước nhanh chóng các mô thể lý đang hình thành trong bào thai và thai nhi. Thể dĩ thái hoạt động như một khuôn mẫu cho các mô đang phát triển và như một khung cấu trúc thông qua đó prana có thể được phân phối tới các mô ấy. Sau khi hấp thụ prana từ bầu không khí mà chúng ta hít thở, thể dĩ thái phân phối nó, ban đầu dọc theo các sợi dây nhỏ li ti màu bạc mà chúng ta gọi là nadis, rồi sau đó với lượng lớn hơn nhiều thông qua các mạch dĩ thái. Ba mạch chính liên quan đến cột sống. Người Ấn Độ gọi chúng là Ida, Sushumna và Pingala. Ba mạch này tạo thành một trục dọc theo cột sống và liên quan đến chúng là các cấu trúc giống như bông hoa được gọi là các luân xa, nơi lưu trữ prana đã được phân phối. Các luân xa mở dần từ đáy cột sống đi lên trong mỗi kiếp sống và hơn nữa, một cách mạnh mẽ hơn, xuyên suốt toàn bộ chu kỳ các kiếp sống của chúng ta trong hệ hành tinh này. Mức độ mở rộng của chúng phụ thuộc vào sự phát triển tinh thần của mỗi cá nhân.

Số lượng các luân xa có thể được đánh thức trong suốt nhiều kiếp sống của chúng ta là bảy. Tuy nhiên, ở con người trung bình, không

than five function at any one time. As Man advances, more and more of these centres of energy open in the highest regions of his etheric body. Eventually, in a Buddha or a Christ, the major energy output is through the three Head centres and the Heart centre. The unfoldment of the psychic powers of Man are exactly correlated to the opening of the chakras. As we use up the prana flowing into the etheric body it is emitted as an effluence of energy from the surface of the various bodies. Mental prana is emitted from the mental body, emotional prana is emitted from the astral body and physical prana is emitted from the etheric body. These three layers, of varying subtlety and strength, form layers of energy interpenetrating each other and they jut out into the space around us in the auric egg.

có quá năm luân xa hoạt động cùng một lúc. Khi con người tiến bộ, ngày càng nhiều trung tâm năng lượng này được mở ra ở các vùng cao nhất của thể dĩ thái. Cuối cùng, ở một vị Phật hay một Đấng Christ, nguồn năng lượng chính yếu được phát xuất thông qua ba trung tâm ở Đầu và trung tâm Tim. Sự khai mở các quyền năng thông linh của con người tương ứng chính xác với sự khai mở của các luân xa. Khi chúng ta sử dụng hết prana chảy vào thể dĩ thái, nó được phát tỏa ra như một luồng năng lượng từ bề mặt của các thể khác nhau. Prana thể trí được phát ra từ thể trí, prana cảm xúc được phát ra từ thể cảm xúc, và prana thể xác được phát ra từ thể dĩ thái. Ba lớp này, với mức độ vi tế và sức mạnh khác nhau, tạo thành các lớp năng lượng xuyên thấm lẫn nhau và vươn ra không gian xung quanh chúng ta trong noãn hào quang.

The Nature of Prana—Bản chất của Prana

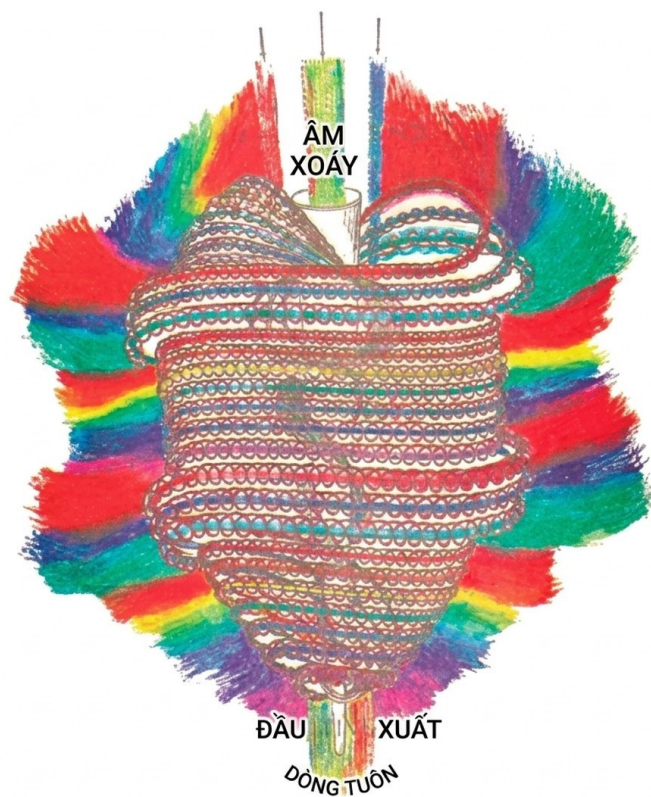
Prana is the natural energy of the planet. The amount of prana decides the fertility of the planet and, therefore, the degree of life that will develop on that planet. It is the vehicle for the life force. Our earth is hugely endowed with prana and is able to carry a multitudinous variety of forms and some of them, in quantity. Prana exists freely in the atmosphere of the earth but is increased in the presence of sunlight. When prana has reached a level of saturation of the atmosphere it forces its way into physical particles. The ultimate physical particle, or anu, is a spheroid of energy in motion. The motion forms spirals and these constitute its walls. From the point of view of prana, the anu is a vessel which fills with prana. With an electrical charge it builds into the various states of matter providing, ultimately, all the varieties of atoms and subatomic particles we know.

Prana là năng lượng tự nhiên của hành tinh. Lượng prana quyết định độ màu mỡ của hành tinh, và do đó, mức độ sự sống sẽ phát triển trên hành tinh đó. Prana là phương tiện chuyên chở sinh lực. Trái đất của chúng ta được ban tặng một lượng prana khổng lồ và có khả năng nâng đỡ vô số dạng hình tướng, và một số trong đó tồn tại với số lượng lớn. Prana tồn tại tự do trong bầu khí quyển của trái đất nhưng được gia tăng khi có sự hiện diện của ánh sáng mặt trời. Khi prana đạt đến mức độ bão hòa trong khí quyển, nó buộc phải xâm nhập vào các hạt vật lý. Hạt vật lý tối hậu, hay anu, là một hình cầu năng lượng đang vận động. Sự vận động này tạo thành những đường xoắn ốc và chúng cấu thành các bức tường của nó. Xét từ góc độ prana, anu là một bình chứa prana. Khi nhận một điện tích, nó sẽ kết cấu thành các trạng thái vật chất khác nhau, cuối cùng tạo nên tất cả các dạng nguyên tử và hạt hạ nguyên tử mà chúng ta

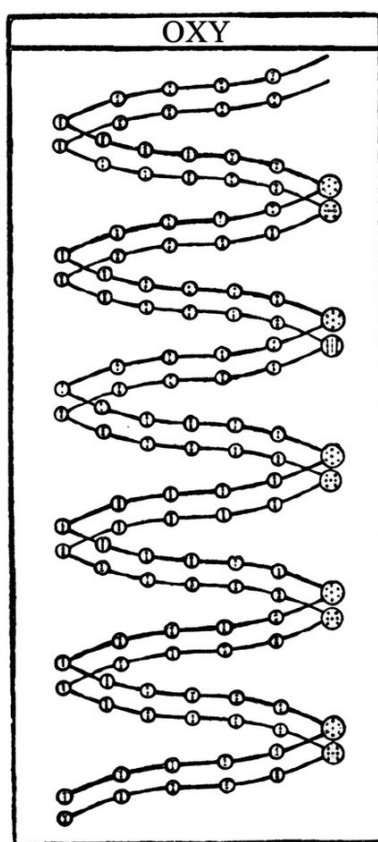
When the atmosphere reaches further saturation with prana, a group of anu, some say seven of them coalesce to form a globule—a scintillating point of light bursting with the energy of life. We call this the vitality globule. It is found in the atmosphere and can be seen with the naked eye at times, especially when one flies above the clouds in an aeroplane or when the eyes are put very slightly out of focus on a sunlit morning. Vitality globules are seen only for a split second at a time while they are positively orientated and then they disappear only to reappear later. They themselves are like an eye that is occasionally open and then we see the light streaming from them; then the eye closes and we see them no more.

biết.

Khi bầu khí quyển đạt đến mức độ bão hòa cao hơn với prana, một nhóm các anu, một số người nói là bảy hạt, hợp lại thành một sinh khí cầu—một điểm sáng lấp lánh đầy ắp năng lượng sự sống. Chúng ta gọi đây là sinh khí cầu. Nó được tìm thấy trong bầu khí quyển và đôi khi có thể được nhìn thấy bằng mắt thường, đặc biệt khi con người bay trong máy bay trên các đám mây, hoặc khi mắt được điều chỉnh hơi mất nét vào một buổi sáng đầy nắng. Sinh khí cầu chỉ được nhìn thấy trong khoảnh khắc ngắn ngủi khi chúng đang ở trạng thái định hướng dương và sau đó biến mất, rồi lại xuất hiện sau đó. Chúng giống như một con mắt thỉnh thoảng mở ra, và khi đó chúng ta thấy ánh sáng tuôn trào từ chúng; rồi mắt khép lại và chúng ta không còn thấy chúng nữa.



Nguyên tử tối hậu (Anu)



**Phân tử Oxy cho thấy các sinh khí cầu được liên kết
với chuỗi xoắn kép.**



Vitality globules themselves coalesce into mulberry-like structures which locate themselves in the mesophyll of green leaves where, in a healthy plant, they are stored in great numbers. Vitality globules are drawn into the etheric body through ingesting the living tissue of the vegetable kingdom as part of our diet, and more directly through the Spleen and Jaw chakras. They also attach themselves to the helical structure of the oxygen molecule, and when we take a breath they are transported with the oxygen into the body whereupon they detach from the oxygen molecule and move into the nadis and around the etheric body. The prana is then stored in the chakras and the chakras feed it into the nervous system and into the tissues. Prana is also absorbed directly into the aura from the aura of other forms, especially those of plants and humans, but even from animal auras. Finally, prana gains entry through spiritual forcing of the etheric mechanisms in what are called spiritual disciplines like meditation, relaxation, one-pointedness, compassion, etc.

Bản thân các sinh khí cầu kết tụ lại thành những cấu trúc giống như quả dâu tằm và định vị trong mô xốp của lá cây xanh, nơi mà, trong một cây khỏe mạnh, chúng được lưu trữ với số lượng lớn. Sinh khí cầu được hút vào thể dĩ thái thông qua việc tiêu thụ mô sống của giới thực vật như một phần trong chế độ ăn uống của chúng ta, và trực tiếp hơn thông qua các luân xa Lá Lách và Luân xa Hàm. Chúng cũng bám vào cấu trúc xoắn ốc của phân tử oxy, và khi chúng ta hít thở, chúng được vận chuyển cùng oxy vào cơ thể, rồi tách ra khỏi phân tử oxy và di chuyển vào các nadis và xung quanh thể dĩ thái. Prana sau đó được lưu trữ trong các luân xa và các luân xa phân phối nó vào hệ thần kinh và các mô. Prana cũng được hấp thu trực tiếp vào hào quang từ hào quang của các hình tượng khác, đặc biệt là từ thực vật và con người, thậm chí cả từ hào quang của động vật. Cuối cùng, prana thâm nhập thông qua sự cưỡng bức tâm linh đối với các cơ chế dĩ thái trong những gì được gọi là các kỷ luật tâm linh như tham thiền, thư giãn, nhất tâm, từ bi, v.v.

Great demands are made upon the circulation of prana. Every organ, every nerve, every piece of tissue must have its adequate supply of prana or it will deteriorate and even become vulnerable to infection and invasion by “not self. Ideally, the organs should have an excess of prana available to them. The tissues use up vast quantities of prana and we emit the effluence of these processes through the aura. The aura or effluence of Man is thus greatly affected by his thoughts, attitudes and feelings; by the food he eats and by his activities. Man does not live by bread alone; he is sustained also by the energies of prana. The state of a person’s whole being is more reflected in the aura than it is in his physical appearance. This knowledge can be used effectively by clairvoyants who are able to see into the aura.

When we are devitalised we are short of prana. Of all the factors described above, it is through the mechanism of breathing that we can change the aura from a comparatively static dynamo into a highly-charged one. Rhythmic breathing revitalises the etheric body and through it our physical bodies as well. We can, at will, increase the volume and rate of our breathing and do this even unconsciously in sleep. With this increase enormous quantities of prana fill the chakra reservoirs and even overflow. By practising the esoteric disciplines we can increase the volume of these reservoirs so that they can hold more prana. It is the person who lives close to nature and natural laws who can supercharge the aura through access to breathing exercises, combined with appropriate mental and emotional attitudes, who does this easily.

Có những nhu cầu rất lớn đối với sự lưu chuyển của prana. Mỗi cơ quan, mỗi dây thần kinh, mỗi mảnh mô đều phải có nguồn cung cấp prana đầy đủ nếu không sẽ bị suy thoái và thậm chí trở nên dễ bị nhiễm trùng và xâm nhập bởi “phi ngã”. Lý tưởng nhất là các cơ quan nên có lượng prana dư dật. Các mô tiêu thụ một lượng lớn prana và chúng ta phát tỏa luồng năng lượng từ các quá trình này thông qua hào quang. Do đó, hào quang hay luồng năng lượng phát ra của con người bị ảnh hưởng rất lớn bởi tư tưởng, thái độ và cảm xúc của y; bởi thức ăn y tiêu thụ và các hoạt động của y. Con người không chỉ sống nhờ bánh mì; y còn được duy trì bởi các năng lượng của prana. Trạng thái tổng thể của một con người được phản ánh trong hào quang nhiều hơn là trong diện mạo thể chất của y. Kiến thức này có thể được các nhà thông nhân sử dụng hiệu quả khi họ có khả năng nhìn vào hào quang.

Khi chúng ta bị suy kiệt sinh lực, tức là chúng ta thiếu prana. Trong tất cả các yếu tố đã được mô tả ở trên, chính thông qua cơ chế hô hấp mà chúng ta có thể biến hào quang từ một động cơ tương đối tĩnh thành một động cơ được nạp đầy năng lượng. Hô hấp nhịp nhàng phục hồi sinh lực cho thể dĩ thái và thông qua đó cả thể xác của chúng ta. Chúng ta có thể, bằng ý chí, tăng thể tích và tốc độ hô hấp của mình và thậm chí thực hiện điều này một cách vô thức trong giấc ngủ. Với sự gia tăng này, lượng prana khổng lồ sẽ làm đầy các hồ chứa của luân xa và thậm chí tràn ra ngoài. Bằng cách thực hành các kỷ luật huyền môn, chúng ta có thể gia tăng dung lượng của những hồ chứa này để chúng có thể chứa được nhiều prana hơn. Người sống gần gũi với thiên nhiên và các định luật tự nhiên, kết hợp với việc thực hành các bài tập thở cùng với những thái độ tinh thần và cảm xúc thích hợp, có thể dễ dàng siêu nạp hào quang của mình.

The Atmosphere and Prana—Không khí và Prana

The aura of Man thrives in certain conditions. All day long the atmosphere of the earth absorbs the prana on offer from the sun.

By early nightfall, the skies are laden with energy. If we go to bed early, we are able to take in large amounts of this vitalising energy and our health is correspondingly improved. Going to bed very late means that this recuperative period for the aura is denied because by then the atmosphere has been depleted of its prana. ‘Early to bed and early to rise,’ makes good sense in terms of etheric revitalisation.

Certain regions of the planet are becoming smog-laden. The effect of large pockets of industrial pollution of the atmosphere are passed on to the unfortunate inhabitants living beneath them. Los Angeles, New York and London come to mind. In such regions, the efficiency of the human nervous system is impaired by the presence of smog. Vitality globules are mainly excluded by the blankets of pollution, and the nervous system suffers accordingly. We then literally ‘live off our nerves.’¹ We have to draw on the precious stores of prana in the chakras instead of being able to absorb sufficient prana for our needs from the air we are breathing.

There have been experiments on the efficiency of the nervous systems under conditions of smog and of clear air which support these contentions. Tests on the efficiency of the nervous system were conducted in the countryside atmosphere outside London. Here the oxygen was no more than in the atmosphere of the centre of London. Yet, despite this equality of oxygen content of the

Hào quang của Con người phát triển mạnh trong một số điều kiện nhất định. Suốt cả ngày, bầu khí quyển của trái đất hấp thụ prana từ mặt trời.

Vào ban đêm sớm, bầu trời đầy năng lượng. Nếu chúng ta đi ngủ sớm, chúng ta có thể lấy một lượng lớn năng lượng quan trọng này và sức khỏe của chúng ta được cải thiện tương ứng. Đi ngủ rất muộn có nghĩa là giai đoạn phục hồi sức mạnh của hào quang này bị từ chối bởi vì sau đó bầu không khí đã cạn kiệt prana của nó. “Đi ngủ sớm và dậy sớm” có ý nghĩa tốt về mặt hồi sinh dĩ thái.

Một số khu vực trên hành tinh đang trở nên đầy khói bụi. Tác động của những túi lớn ô nhiễm công nghiệp trong bầu khí quyển ảnh hưởng trực tiếp đến những cư dân bất hạnh sống bên dưới chúng. Los Angeles, New York và London là những ví dụ điển hình. Ở những khu vực như vậy, hiệu quả của hệ thần kinh con người bị suy giảm do sự hiện diện của khói bụi. Các sinh khí cầu chủ yếu bị ngăn chặn bởi các lớp ô nhiễm, và vì thế hệ thần kinh phải chịu thiệt hại. Chúng ta khi đó thực sự “sống dựa vào thần kinh” của mình. Chúng ta phải rút năng lượng từ các kho dự trữ prana quý giá trong các luân xa thay vì có thể hấp thụ đủ prana cần thiết từ không khí mà chúng ta hít thở.

Đã có những thí nghiệm về hiệu quả của hệ thần kinh trong điều kiện khói bụi và không khí trong lành nhằm hỗ trợ cho những luận điểm này. Các kiểm tra về hiệu quả của hệ thần kinh được tiến hành trong bầu không khí ở vùng nông thôn bên ngoài London. Ở đó, lượng oxy không nhiều hơn so với không khí ở trung tâm London. Tuy nhiên, bất chấp sự tương đồng về hàm lượng oxy trong không khí

air in the country and that of London, the nervous systems of people living in London were found to be less efficient than those staying in the country outside of London. No explanation was offered, or found, for this strange anomaly. The answer lies with the assertions made here: that the two atmospheres might have had equal oxygen pressures but the clear air of the countryside had more prana in it because the vitality globules were not being excluded by smog.

giữa nông thôn và London, hệ thần kinh của những người sống ở London được phát hiện là kém hiệu quả hơn so với những người ở vùng nông thôn bên ngoài London. Không có lời giải thích nào được đưa ra hay tìm thấy cho sự bất thường kỳ lạ này. Câu trả lời nằm ở những khẳng định đã nêu ở đây: rằng hai bầu khí quyển có thể có áp suất oxy bằng nhau nhưng không khí trong lành của vùng nông thôn chứa nhiều prana hơn vì các sinh khí cầu không bị ngăn chặn bởi khói bụi.

Breathing and the Storage of Prana—Hít thở và Kho Chứa Prana

Western medicine cannot understand why good health is related to extra breathing, which the yogis seem to demonstrate. The yogis also claim to be able to gain extra control over their nervous systems and can prove this by the extraordinary physical feats of endurance that they demonstrate with their physical bodies. Our doctors rightly say that breathing excessively will not gain us anymore oxygen because the body cannot store oxygen. So how can the yogis claim to be helped by their excessive breathing? The answer lies in what we have already asserted. No, we cannot store the oxygen, but we can store the prana which is attached to the oxygen molecules we are breathing in. If the oxygen level of an ordinary person's blood was rated as unit one and at the same time his prana level was also rated at unit one, then in the presence of deep breathing exercises his oxygen level would remain at one but his prana levels could rise to many thousands of times unit one because we can store prana.

Y học phương Tây không thể hiểu tại sao sức khỏe tốt có liên quan đến việc thở thêm, mà các yogi dường như chứng minh. Các yogi cũng tuyên bố có thể giành quyền kiểm soát nhiều hơn đối với hệ thống thần kinh của họ và có thể chứng minh điều này bằng những sức mạnh phi thường về thể chất mà họ thể hiện với cơ thể vật chất của họ. Các bác sĩ của chúng ta nói đúng rằng việc hít thở quá mức sẽ không giúp chúng ta có được oxy nữa vì cơ thể không thể tích trữ oxy. Vì vậy, làm thế nào mà các yogi có thể tuyên bố được giúp đỡ bởi hơi thở quá mức của họ? Câu trả lời nằm trong những gì chúng tôi đã khẳng định. Chúng ta không thể lưu trữ oxy, nhưng chúng ta có thể lưu trữ prana gắn với các phân tử oxy mà chúng ta đang hít vào. Nếu nồng độ oxy của máu người bình thường được đánh giá là một đơn vị và đồng thời mức prana của anh ta cũng được đánh giá ở một đơn vị, sau đó với sự hiện diện của các bài tập thở sâu mức độ oxy của anh ta sẽ vẫn ở mức độ nhưng mức prana của anh ta có thể tăng lên hàng nghìn lần vì chúng ta có thể tích trữ prana.

There are other matters which are inexplicable to physiologists in the West. An athlete may run the hundred metres in 10 seconds without taking a single breath, and

Còn có những hiện tượng khác mà các nhà sinh lý học phương Tây không thể giải thích được. Một vận động viên có thể chạy 100 mét trong 10 giây mà không hít thở một lần nào,

indeed many do. These non-breathers often do better than those who do breathe while running this short race. The retention of breath seems to help them. Why? Further, you will no doubt have noticed that when you go to lift something heavy, you tend to take a deep breath and hold it. Somehow, retention of this big breath enables you the better to lift the heavy object. Scientific tests have shown that this is true: people who take a deep breath and hold it are better able to lift objects than if they breathed normally. Now, it takes about ten seconds for blood from the lungs, containing oxygen as it does, to reach the muscles of the arms, and usually we have lifted the heavy object before the ten seconds is up. So it cannot be through the supply of oxygen to the muscles that we have lifted the heavy object more efficiently. There must be some other explanation. Our answer to this is that whilst it is true that the oxygen taken in by the deep breath is not used, the prana attached to the oxygen of that deep breath is used, and it is used instantaneously by the nervous system. The deep breath aids us to lift the heavy object not because of the oxygen that we take in but through the extra prana!

Science has now discovered that if sufficient oxygen is taken into the body, either naturally through breathing or by it being force-fed into the blood system, oxygen will pass out from the central regions of the body by diffusion into peripheral tissues and thereafter through superficial tissues and even out of the skin itself. This discovery corroborates the teaching of Ancient Wisdom which has always maintained that breathing not only enables one to store prana, but to drive outwards sluggish forces lying stagnant in the body.

và thực tế nhiều người đã làm được điều đó. Những người không thở này thường đạt thành tích tốt hơn những người thở trong khi chạy quãng ngắn này. Việc nín thở dường như giúp họ. Tại sao vậy? Hơn nữa, chắc chắn các bạn cũng đã nhận thấy rằng khi các bạn cố gắng nhấc một vật nặng, các bạn có xu hướng hít một hơi thật sâu và giữ hơi thở đó. Bằng cách nào đó, việc giữ hơi thở lớn này giúp các bạn dễ dàng hơn trong việc nhấc vật nặng. Các thử nghiệm khoa học đã chứng minh rằng điều này là đúng: những người hít một hơi sâu và giữ lại sẽ nâng được vật nặng tốt hơn so với khi họ thở bình thường. Bây giờ, máu từ phổi chứa oxy cần khoảng mười giây để đến các cơ của cánh tay, và thường thì chúng ta đã nhấc vật nặng lên trước khi mười giây trôi qua. Vì vậy, không thể là do nguồn cung cấp oxy đến cơ bắp mà chúng ta nâng vật nặng hiệu quả hơn. Phải có một lời giải thích khác. Câu trả lời của chúng tôi là, mặc dù đúng là oxy được hít vào từ hơi thở sâu không được sử dụng, nhưng prana gắn với oxy của hơi thở sâu đó thì được sử dụng, và nó được hệ thần kinh sử dụng ngay lập tức. Hơi thở sâu giúp chúng ta nhấc vật nặng không phải nhờ vào lượng oxy mà chúng ta hấp thụ, mà nhờ vào lượng prana bổ sung!

Khoa học hiện nay đã khám phá ra rằng nếu một lượng oxy đủ được đưa vào cơ thể, hoặc tự nhiên qua việc hít thở hoặc bằng cách ép oxy vào hệ thống máu, thì oxy sẽ khuếch tán từ các vùng trung tâm của cơ thể ra các mô ngoại vi, và sau đó xuyên qua các mô bề mặt và thậm chí ra ngoài qua chính làn da. Phát hiện này xác nhận giáo lý của Minh Triết Ngàn Đời, vốn từ lâu đã khẳng định rằng việc hít thở không chỉ giúp tích trữ prana, mà còn đẩy ra ngoài những mãnh lực trì trệ đang ứ đọng trong cơ thể.

Auric Energies—Năng lượng Hào Quang

We frequently hear nonsensical reports about the energy consumption of the human body, like “The brain consumes the energy of only one-half of half a peanut in one hour of study,” and “Talk is cheap— to talk uninterruptedly for an entire year would expend less energy than it takes to boil a cup of water.”

Anyone who has lectured for an hour or two, or has studied for a medical final's exam would deny such misleading calculations. They may be correct in terms of calorific values but they take no count of nervous energy expended. Observing the aura of a person at study or that of another during his lecturing, the clairvoyant would tell a different story. A steady stream of prana or auric energy would be observed entering the vortex of the aura, and an equally intense torrent would be seen leaving the aura at its south pole. Depending on the integrity of the related chakras, this dynamic state of energy interplay would be maintained at equilibrium. However, after a time (usually about six hours in the case of concentrated study), the input of energy falters and the torrent increases. Unless rest, sleep and nourishment are undertaken, nervous exhaustion becomes progressive.

The stamina of the individual in these circumstances depends upon his competency to take up prana, the ability of the prana to circulate in the etheric body and, finally, the recuperation and storage of prana in the chakras for future use. The exercises of yoga and the discipline of meditation enhance all three mechanisms. The energy activities of the etheric body and the aura are not yet

Chúng ta thường nghe những báo cáo vô lý về mức tiêu thụ năng lượng của cơ thể con người, chẳng hạn như: “Bộ não chỉ tiêu thụ năng lượng trong một giờ học bằng một nửa của nửa hạt đậu phộng” và “Nói chuyện là việc nhẹ nhàn—nói liên tục trong suốt một năm còn tiêu tốn ít năng lượng hơn việc đun sôi một tách nước.”

Bất kỳ ai từng giảng bài trong một đến hai giờ, hoặc từng học cho kỳ thi tốt nghiệp y khoa, đều sẽ bác bỏ những phép tính sai lệch như vậy. Có thể chúng đúng về mặt giá trị calo, nhưng chúng hoàn toàn không tính đến năng lượng thần kinh được tiêu hao. Khi quan sát hào quang của một người đang học hay của một người khác đang giảng bài, một nhà thông nhãn sẽ đưa ra một câu chuyện hoàn toàn khác. Một dòng prana hay năng lượng hào quang ổn định sẽ được nhìn thấy đi vào các xoáy của hào quang, và một luồng mạnh mẽ tương đương sẽ được thấy rời khỏi hào quang ở cực nam của nó. Tùy thuộc vào độ toàn vẹn của các luân xa liên quan, trạng thái năng lượng năng động này sẽ được duy trì ở trạng thái cân bằng. Tuy nhiên, sau một thời gian (thường khoảng sáu giờ trong trường hợp học tập trung), dòng năng lượng đầu vào bắt đầu suy yếu và luồng thoát ra thì gia tăng. Trừ khi có nghỉ ngơi, ngủ và dinh dưỡng đầy đủ, tình trạng kiệt quệ thần kinh sẽ ngày càng trầm trọng.

Sức chịu đựng của một cá nhân trong những hoàn cảnh như vậy phụ thuộc vào năng lực hấp thu prana, khả năng lưu thông của prana trong thể dĩ thái, và cuối cùng là khả năng hồi phục và lưu trữ prana trong các luân xa để sử dụng sau này. Các bài tập yoga và kỷ luật tham thiền giúp tăng cường cả ba cơ chế này. Các hoạt động năng lượng của thể dĩ thái và hào quang vẫn chưa được khoa học đo lường, và sẽ

measurable by science and will not be until the secrets of the neutrino are unraveled, probably by the end of this century.

chưa thể đo được cho đến khi những bí ẩn của neutrino được khám phá—có lẽ vào cuối thế kỷ này.

Pre-natal Influences on the Human Aura—Nhưng Ảnh Hưởng Tiền Sinh Lên Hào Quang

For centuries the care of women during pregnancy was regarded important because of the powerful influence which the mother's aura has upon the enclosed fetus. Today it is becoming more and more frequent for psychiatrists to maintain that our personality, with its drives and abilities, is formed whilst we are still in the womb. Dr. Thomas Verny is a Canadian psychiatrist who, for instance, maintains that pre-natal influences will shape a child into a musician, a criminal or, ideally, a self-confident, happy adult. He would maintain that it is not only how a mother treats the child, but her very moods and thoughts, attitudes, hang-ups, etc., that can be responsible for developments in the child later.

In his book *The Secret Life Of The Unborn Child*, Dr. Verny maintains that learning on the part of the child may begin from the very moment of conception. He points out that these very ancient theories, if proved valid, put pressure on mothers-to-be and raise new ethical questions about test-tube babies, abortion, etc. If Dr. Verny is to be believed and the teachings of Ancient Wisdom are to be substantiated, it would appear that there is evidence that the fetus can hear, taste, see and, most important of all, can also feel.

Medicine teaches that the nervous system of the child is undeveloped at birth so that, for instance, a scalpel plunged into the sole of a baby's foot to draw blood for testing is not felt

Trong nhiều thế kỷ, việc chăm sóc phụ nữ trong thời kỳ mang thai đã được xem là quan trọng vì ảnh hưởng mạnh mẽ mà hào quang của người mẹ có đối với thai nhi đang nằm trong bụng. Ngày nay, ngày càng có nhiều bác sĩ tâm thần cho rằng phàm ngã của chúng ta, với các thúc đẩy và năng lực của nó, được hình thành ngay khi chúng ta còn trong tử cung. Tiến sĩ Thomas Verny, một bác sĩ tâm thần người Canada, chẳng hạn, cho rằng các ảnh hưởng trước khi sinh sẽ định hình một đứa trẻ trở thành một nhạc sĩ, một tội phạm, hoặc lý tưởng nhất là một người trưởng thành tự tin và hạnh phúc. Ông cho rằng không chỉ cách người mẹ đối xử với đứa trẻ, mà cả tâm trạng, suy nghĩ, thái độ, những ẩn ức của bà, v.v., đều có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của đứa trẻ sau này.

Trong cuốn sách *Cuộc Đời Bí Mật Của Đứa Trẻ Chưa Sinh*, Tiến sĩ Verny cho rằng việc học hỏi của đứa trẻ có thể bắt đầu ngay từ khoảnh khắc thụ thai. Ông chỉ ra rằng những lý thuyết rất cổ xưa này, nếu được chứng minh là hợp lệ, sẽ đặt ra áp lực đối với những người sắp làm mẹ và làm dấy lên những câu hỏi đạo đức mới liên quan đến việc thụ tinh trong ống nghiệm, phá thai, v.v. Nếu lời của Tiến sĩ Verny là đáng tin cậy và nếu các giáo lý của Minh Triết Cổ Đại được xác nhận, thì dường như có bằng chứng cho thấy thai nhi có thể nghe, nếm, nhìn và, quan trọng nhất là, cũng có thể cảm nhận.

Y học dạy rằng hệ thần kinh của trẻ chưa phát triển đầy đủ khi sinh ra, chẳng hạn, một vết dao mổ vào lòng bàn chân của một đứa trẻ sơ sinh để lấy máu xét nghiệm sẽ không gây cảm

by the baby because the nervous system is not yet mature. It would seem that we must accept that influences in the absence of a properly functioning nervous system are felt by means of the interplay of the mother's aura with that of the fetus.

Medicine has established that smoking on the part of the mother is bad for the unborn baby, but Dr. Verny would go further and maintain that just the mother thinking about lighting up a cigarette influences the developing child. The ancients always held the position that playing music to the mother made the fetus more active, and that the presence of fear, anxiety and distress in the mother could produce such hormonal shifts as to affect the developing fetus quite profoundly.

It is also commonly taught in the pediatric departments of medical schools that a child, and presumably the unborn baby, is most susceptible to a loving attitude on the part of its parents and those who nurse it or play any sort of role in its relationships. Dr. Verny believes that the bonding between a mother and her child does not start so much after birth as during the antenatal period, and that via hormonal influences the fetus will register whether or is not a wanted child. The important element here is the constancy of the influences. The attitudes of the mother must be persistent for them to have any profound effect on the child. Many years ago at medical school, the author was taught by a famous pediatrician who would not allow a nurse to neglect babies. If a child cried in the ward and was left unattended, he would shout at a nurse and tell her to pick the baby up and show it some love. He was an enlightened man and understood that the act of nursing transferred energy. And this was surely at the auric level.

giác đau đớn cho đứa trẻ vì hệ thần kinh chưa trưởng thành. Có vẻ như chúng ta phải chấp nhận rằng các ảnh hưởng, ngay cả khi thiếu vắng một hệ thần kinh hoạt động đầy đủ, vẫn được cảm nhận thông qua sự tương tác của hào quang của người mẹ với hào quang của thai nhi.

Y học đã xác nhận rằng việc người mẹ hút thuốc có hại cho đứa trẻ chưa sinh, nhưng Tiến sĩ Verny còn tiến xa hơn khi cho rằng chỉ cần người mẹ nghĩ đến việc hút thuốc cũng có thể ảnh hưởng đến đứa trẻ đang phát triển. Người xưa luôn cho rằng việc chơi nhạc cho người mẹ nghe khiến thai nhi trở nên hoạt động hơn, và rằng sự hiện diện của nỗi sợ hãi, lo lắng và đau buồn nơi người mẹ có thể tạo ra những thay đổi nội tiết tố đủ sâu sắc để ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự phát triển của thai nhi.

Cũng thường được giảng dạy trong các khoa nhi của các trường y rằng một đứa trẻ, và có lẽ cả thai nhi, dễ tiếp nhận nhất thái độ yêu thương từ cha mẹ và những người chăm sóc hay tham gia vào các mối quan hệ với trẻ. Tiến sĩ Verny tin rằng sự gắn kết giữa người mẹ và đứa trẻ không bắt đầu nhiều sau khi sinh như ngay trong thời kỳ trước sinh, và rằng thông qua ảnh hưởng của các hormone, thai nhi sẽ ghi nhận liệu mình có phải là đứa trẻ được mong muốn hay không. Yếu tố quan trọng ở đây là tính liên tục của các ảnh hưởng. Thái độ của người mẹ phải bền vững thì mới có thể có tác động sâu sắc đến đứa trẻ. Nhiều năm trước, khi còn ở trường y, tác giả đã được một bác sĩ nhi khoa nổi tiếng giảng dạy rằng ông sẽ không cho phép y tá bỏ bê những đứa trẻ sơ sinh. Nếu có đứa trẻ khóc trong khu phòng mà không được chăm sóc, ông sẽ la mắng y tá và yêu cầu bế đứa trẻ lên và dành cho nó tình yêu thương. Ông là một người giác ngộ và hiểu rằng hành động chăm sóc này truyền năng lượng — và chắc chắn đó là ở cấp độ hào quang.

An unhappy marriage or relationship between parents probably poses the worst possible situation. If a mother had a difficult time during her own birth and remembers hostility or indifference on the part of her own parents towards her birth, this may well affect the development of her own unborn child. Another source of difficulty during the pre-natal period is the attitude of the mother with regard to her own occupational career. If there is ambivalence and the mother has been forced to give up her job and income in order to have the child and would probably prefer to prove herself in business, this can affect the development of the unborn child.

The presence of the father in the home or his non-presence can also affect the aura of the mother and, indirectly, that of the unborn child. This is taken to the extreme in wartime situations where the father is a soldier at the front. Not only is there the anxiety of the mother in this situation, but the possibility that the father may be killed and that his astral body would return to the precincts of his home—and therefore of the unborn child—and influence the development of the fetus. Indeed, under such conditions the emanations of the dead father will reinforce the developing auras of all his children, especially where there are close affinities, like father and son. The mother's own aura becomes more directed towards the infant if she knows the father has been killed.

In instances where the father is alive on the front line, he is struggling for survival at all levels—mentally, emotionally and physically. Rugged conditions toughen the body and make it harder on all levels. These factors are reflected to the developing child miles away. The embryo will tend to benefit and become harder especially if it be male like its father.

Một cuộc hôn nhân hoặc mối quan hệ không hạnh phúc giữa cha mẹ có lẽ là tình huống tồi tệ nhất có thể xảy ra. Nếu người mẹ từng trải qua một ca sinh khó khăn và ghi nhớ sự thù địch hoặc sự thờ ơ của cha mẹ mình đối với việc sinh ra mình, điều này rất có thể sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của đứa trẻ chưa sinh của cô ấy. Một nguồn khó khăn khác trong giai đoạn tiền sản là thái độ của người mẹ đối với sự nghiệp của chính mình. Nếu có sự lưỡng lự và người mẹ bị buộc phải từ bỏ công việc và thu nhập để có con, và thâm tâm cô ấy muốn chứng tỏ bản thân trong sự nghiệp kinh doanh, điều này có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của đứa trẻ chưa sinh.

Sự hiện diện hay không hiện diện của người cha trong gia đình cũng có thể ảnh hưởng đến hào quang của người mẹ và gián tiếp ảnh hưởng đến hào quang của thai nhi. Điều này càng trở nên nghiêm trọng trong những tình huống thời chiến, khi người cha là một người lính ngoài chiến trường. Không chỉ có nỗi lo lắng của người mẹ trong hoàn cảnh đó, mà còn có khả năng người cha bị giết và thể cảm dục của ông ấy sẽ quay trở về quanh nhà — và do đó quanh đứa trẻ chưa sinh — và ảnh hưởng đến sự phát triển của thai nhi. Thật vậy, trong những điều kiện như vậy, các phát xạ từ người cha đã khuất sẽ củng cố các hào quang đang phát triển của tất cả những đứa con của ông, đặc biệt là nơi có sự đồng cảm sâu sắc như giữa cha và con trai. Hào quang của người mẹ cũng sẽ hướng nhiều hơn về phía đứa trẻ nếu cô biết rằng người cha đã hy sinh.

Trong những trường hợp người cha còn sống ở tiền tuyến, ông phải vật lộn để sinh tồn trên mọi phương diện — trí tuệ, cảm xúc và thể chất. Những điều kiện khắc nghiệt làm cơ thể trở nên cứng cáp hơn trên mọi phương diện. Những yếu tố này phản ánh lên đứa trẻ đang phát triển ở cách xa hàng dặm. Phôi thai sẽ có xu hướng trở nên cứng cáp hơn, đặc biệt nếu

In ancient days, pregnant women were kept in harmonious conditions. They walked in gardens of exquisite beauty and listened to pleasant music. They were encouraged to adopt positive attitudes and to avoid moodiness, anxiety and fear. Such an environment was believed to stimulate the fetus and to induce healthy movements in it. Still to this day, there are mothers who believe that to hold fast in their minds to the concept of bearing a beautiful child induces this upon the foetus. Barbara Cartland maintains the truth of this proposition and spoke from the experience of her own life.

đó là con trai giống như cha của mình.

Ngày xưa, phụ nữ mang thai được giữ trong điều kiện hài hòa. Họ bước vào những khu vườn có vẻ đẹp tinh tế và lắng nghe âm nhạc dễ chịu. Họ được khuyến khích chấp nhận thái độ tích cực và tránh sự ủ rũ, lo âu và sợ hãi. Môi trường như vậy được cho là kích thích bào thai và tạo ra những chuyển động lành mạnh trong đó. Cho đến ngày nay, có những bà mẹ tin rằng để giữ tâm trí của họ nhanh chóng với khái niệm mang một đứa trẻ xinh đẹp gây ra điều này cho thai nhi. Barbara Cartland duy trì sự thật về đề xuất này và nói lên từ kinh nghiệm của cuộc đời mình.

Intersubjectivity or Common Aura— Tính liên chủ thể hay Hào quang chung

Auric interaction with the mother precedes the baby's actions. Long before the baby is able to speak it is learning how. At six weeks of age the baby begins to ape the mother and there is exchange of mouth movements with the thought and feeling being conveyed through the auric intersubjectivity enhanced by joint attention and joint action. All auric interaction is enhanced with the baby's arm movements. For example, one wave is asking the mother to stop talking until it can respond with a sound. Mental interaction with the mother is a demonstrated fact, and the baby therefore uses a proto-language before proper language, which is partly auric.

Sự tương tác hào quang với người mẹ diễn ra trước hành động của đứa trẻ. Từ rất lâu trước khi đứa trẻ có thể nói, nó đã đang học cách nói. Vào khoảng sáu tuần tuổi, đứa trẻ bắt đầu bắt chước người mẹ và có sự trao đổi các chuyển động miệng với những ý nghĩ và cảm xúc được truyền đạt thông qua tính tương tác liên chủ thể của hào quang, được tăng cường bởi sự chú ý chung và hành động chung. Mọi sự tương tác hào quang đều được tăng cường với các chuyển động tay của đứa trẻ. Ví dụ, một cái vẫy tay có thể là yêu cầu người mẹ ngừng nói để nó có thể đáp lại bằng một âm thanh. Sự tương tác tâm trí với người mẹ là một thực tế đã được chứng minh, và do đó, đứa trẻ sử dụng một ngôn ngữ sơ khai trước khi sử dụng ngôn ngữ đúng nghĩa, trong đó một phần là qua hào quang.

At four months of age the baby gets secondary intersubjectivity and brings in the objects of the world, sharing with the mother knowledge of the world. The child also interacts with the aura of the community

Vào khoảng bốn tháng tuổi, đứa trẻ đạt được sự tương tác liên chủ thể bậc hai và đưa các đối tượng của thế giới bên ngoài vào, cùng chia sẻ với người mẹ sự hiểu biết về thế giới. Đứa trẻ cũng tương tác với hào quang của cộng đồng

through toys, colour and objects like household utensils, furniture, etc. In childhood the auric interaction continues even when the child becomes independently active. Intersubjectivity can be useful in teaching and disciplining the child. In teaching, get close to the child so that you and the child are within each others' auras. Similarly if the child is naughty put him close to you so that the inappropriate behaviour of the child can be corrected supplementally through the auric exchange. Qualities of a child's character are strongly influenced and shaped by the aura of its varying environments. For example, to strengthen the child's will put him with a group that expresses will qualities, etc.

Intersubjectivity also manifests in people living together for long periods of time. Their auras merge and the combined aura can produce extra-sensitivity so that sounds might be heard by both whereas only one or neither might have heard the same sounds. Couples living together for many years often hear sounds in the dead of night which no one else can hear and only through the bringing in of professional hearing devices can what they say be confirmed.

thông qua đồ chơi, màu sắc và các vật dụng như dụng cụ gia đình, đồ nội thất, v.v. Trong thời thơ ấu, sự tương tác hào quang vẫn tiếp tục ngay cả khi đứa trẻ trở nên hoạt động độc lập. Sự tương tác liên chủ thể có thể rất hữu ích trong việc dạy dỗ và uốn nắn đứa trẻ. Khi dạy, hãy đến gần đứa trẻ sao cho bạn và đứa trẻ cùng ở trong hào quang của nhau. Tương tự, nếu đứa trẻ cư xử không đúng mực, hãy đưa nó lại gần bạn để hành vi không thích hợp của đứa trẻ có thể được điều chỉnh bổ sung thông qua sự trao đổi hào quang. Các phẩm tính trong tính cách của đứa trẻ chịu ảnh hưởng mạnh mẽ và được định hình bởi hào quang của các môi trường khác nhau xung quanh nó. Ví dụ, để tăng cường ý chí cho đứa trẻ, hãy đặt nó vào một nhóm thể hiện những phẩm chất của ý chí, v.v.

Sự tương tác liên chủ thể cũng biểu lộ ở những người sống cùng nhau trong thời gian dài. Hào quang của họ hòa quyện vào nhau và hào quang kết hợp đó có thể tạo ra sự nhạy cảm cao độ, đến mức cả hai có thể nghe thấy những âm thanh mà trước đây chỉ một hoặc thậm chí không ai trong họ có thể nghe thấy. Các cặp vợ chồng sống với nhau nhiều năm thường nghe thấy những âm thanh trong đêm khuya mà không ai khác nghe được, và chỉ khi sử dụng các thiết bị chuyên dụng hỗ trợ thính giác thì những gì họ nghe mới được xác nhận.

2. Perception of the Aura—Tri giác về Hào Quang

Which will come first—the scientific recognition that some sort of vehicle for consciousness survives death, or the scientific recognition that we have an interpenetrating etheric aura concerned with health and even more subtle vehicles concerned with mental and emotional coordination? The author tends towards the latter but there are many who believe that recognition can only come through the former.

Spiritualism, more than any other 'ism', demonstrates the proof of survival after death. Reincarnation evidence does, too, but nowhere is there proof of immortality. We have only the testimony of the many clairvoyants and psychic sensitives, as we have had down through the ages. Their work is valuable but the occult teachings indicate that soon, very soon, their observations will be backed by scientific discoveries and by a natural unfoldment of powers latent in Man:

That something survives the process of death, and that something persists after the disintegration of the physical body, is steadily being proved. If that is not so, then we are the victims of a collective hallucination, and the brains and the minds of thousands of people are untrue and deceiving, are diseased and distorted. Such a gigantic collective insanity is more difficult to credit than the alternative of an expanded consciousness.

The growth of etheric vision and the largely increased numbers of clairaudient and clairvoyant people is steadily revealing the existence of the astral plane and the etheric counterpart of the physical world. More and more people are becoming aware of this

Điều gì sẽ xảy ra trước tiên—việc khoa học công nhận rằng có một dạng phương tiện nào đó cho tâm thức tồn tại sau cái chết, hay việc khoa học công nhận rằng chúng ta có một hào quang dĩ thái đan xen liên quan đến sức khỏe và những phương tiện tinh tế hơn nữa liên quan đến sự phối hợp thể trí và cảm xúc? Tác giả thiên về khả năng thứ hai, nhưng có nhiều người tin rằng sự công nhận chỉ có thể đến thông qua khả năng đầu tiên.

Chủ nghĩa giáng linh, hơn bất kỳ chủ nghĩa nào khác, chứng minh bằng chứng về sự tồn tại sau cái chết. Các bằng chứng về luân hồi cũng vậy, nhưng không ở đâu có bằng chứng về sự bất tử. Chúng ta chỉ có lời chứng của nhiều nhà thông nhãn và các đồng tử nhạy cảm, giống như chúng ta đã có trong suốt các thời đại. Công việc của họ rất giá trị, nhưng các giáo lý huyền môn cho thấy rằng chẳng bao lâu nữa, rất sớm thôi, những quan sát của họ sẽ được hậu thuẫn bởi những khám phá khoa học và bởi sự khai mở tự nhiên các năng lực tiềm ẩn trong Con Người:

Rằng một điều gì đó tồn tại sau tiến trình chết, và rằng một điều gì đó tiếp tục sau sự tan rã của thể xác, đang được chứng minh một cách ổn định. Nếu điều đó không đúng, thì chúng ta là nạn nhân của một ảo giác tập thể, và bộ não cùng tâm trí của hàng ngàn người là không trung thực và lừa dối, là bệnh hoạn và méo mó. Một sự điên loạn tập thể khổng lồ như vậy khó có thể tin được hơn so với khả năng tồn tại của một tâm thức mở rộng.

Sự phát triển của nhãn quang dĩ thái và số lượng gia tăng lớn các người thông nhĩ và thông nhãn đang dần tiết lộ sự tồn tại của cõi cảm dục và bản sao dĩ thái của thể giới vật chất. Ngày càng nhiều người trở nên nhận thức được về cảnh giới chủ quan này; họ nhìn

subjective realm; they see people walking around who are either the so-called 'dead' or who, in sleep, have dropped the physical sheath.

thấy những người đang đi lại, hoặc là những người được gọi là "chết," hoặc là những người trong giấc ngủ đã từ bỏ lớp vỏ thể xác.



The next two hundred years will see the abolition of death as we now understand that great transition, and the establishment of the soul's existence. The soul is interred, and it will frequently persist until complete disintegration of the dense body has taken

Trong hai trăm năm tới, chúng ta sẽ chứng kiến việc xoá bỏ cái chết, như cách chúng ta hiện nay hiểu về sự chuyển tiếp vĩ đại đó, và việc thiết lập sự tồn tại của linh hồn. Linh hồn bị giam cầm, và thường tiếp tục tồn tại cho đến khi sự tan rã hoàn toàn của thể xác đậm đặc

place. The process of mummifying, as practised in Egypt, and of embalming, as practised in the West, have been responsible for the perpetuation of the etheric body, sometimes for centuries. This is particularly the case when the mummy or embalmed person was of an evil character during life; the hovering etheric body is then often “possessed” by an evil entity or evil force. This is the cause of the attacks and the disasters which often dog the steps of those who discover ancient tombs and their inhabitants—ancient mummies—and bring them and their possessions to light. *

* *Esoteric Healing* by Alice Bailey, Lucis Press.

The author personally has had some experience of these factors at play. Following an attack on a well-known medium by an entity as described above, I was called to assist in exorcism. In my own presence a subsequent attack was prevented, and the nature and history of the disturbing entity was investigated and the hold of the entity of the site was broken. The medium had been physically attacked and left with scratch marks and bruises on the face.

The great occultist and physician Paracelsus, prematurely hustled out of his physical body by a brutal attack instigated by a band of ruffians said to be hired by his medical opponents, asked his assistant, when dying, to chop up his physical body into fine pieces and leave it. The implication here was that Paracelsus wished to complete some final acts concerned with his work before completely withdrawing. Through using the remnants of etheric material associated with the minced body tissue's part materialisation could be effected to achieve the post-mortem

xảy ra. Quá trình ướp xác, như được thực hành ở Ai Cập, và việc ướp xác bằng hóa chất, như được thực hành ở phương Tây, đã gây ra việc duy trì thể dĩ thái, đôi khi kéo dài hàng thế kỷ. Điều này đặc biệt xảy ra khi xác ướp hoặc người được ướp xác từng là nhân vật tà ác trong cuộc đời; thể dĩ thái lảng vảng đó thường bị một thực thể tà ác hoặc một mãnh lực tà ác “chiếm hữu.” Đây là nguyên nhân của những cuộc tấn công và các tai họa thường đeo bám những ai khám phá các ngôi mộ cổ và những cư dân của chúng—các xác ướp cổ xưa—và đưa họ cùng những vật sở hữu của họ ra ánh sáng¹.

Cá nhân tác giả đã có một số trải nghiệm với những yếu tố này. Sau một cuộc tấn công vào một đồng tử nổi tiếng bởi một thực thể như đã mô tả ở trên, tôi đã được gọi đến để hỗ trợ trong việc trục xuất. Trong sự hiện diện của tôi, một cuộc tấn công tiếp theo đã bị ngăn chặn, và bản chất cũng như lịch sử của thực thể gây rối đã được điều tra và sự bám víu của thực thể vào địa điểm đó đã bị phá vỡ. Đồng tử đã bị tấn công thể xác và để lại các vết cào cùn các vết bầm trên mặt.

Nhà huyền môn vĩ đại kiêm thầy thuốc Paracelsus, người đã bị thúc ép rời bỏ thể xác một cách sớm bởi một cuộc tấn công tàn bạo do một nhóm du côn được cho là thuê bởi các đối thủ y khoa của ông, đã yêu cầu trợ lý của mình, khi ông hấp hối, chặt xác ông thành từng mảnh nhỏ và bỏ lại. Ẩn ý ở đây là Paracelsus mong muốn hoàn tất một số hành động cuối cùng liên quan đến công việc của ông trước khi hoàn toàn rút lui. Thông qua việc sử dụng các tàn dư vật chất dĩ thái liên kết với mô cơ thể bị băm nhỏ, một phần hiện hình có thể được thực hiện để hoàn thành những ý

¹ *Esoteric Healing* của Alice Bailey, Lucis Press.

intentions. Whether the story is true or not must remain, as was most of his life, an unrevealed Mystery (of Initiation).

định sau khi chết. Liệu câu chuyện này có thật hay không vẫn phải được giữ kín, giống như phần lớn cuộc đời ông, như một Bí Nhiệm (của cuộc Điểm đạo).

The Evidence of Dr. Kilner—Bằng chứng của Tiến sĩ Kilner

Let us consider some of the scientific evidence that corroborates the existence of etheric matter and the auric effluence of that material as it interpenetrates the human body in the phenomenon of the aura. About the year 1920 Dr. Walter Kilner, B.A., M.B. (Cantab), M.R.C.P., and chief electrician at St. Thomas' Hospital, London, published a book on research work which he had conducted into a subtle state of matter which he found cloaking and seemingly interpenetrating the human body.

He was one day examining the effects of certain physical forces on the human body when he found that by peering through certain types of blue screens, tinted with the dye dicyanin, he could make out an outline of a sort of human atmosphere surrounding the body. Conducting tests on this atmosphere with heat, draughts of air, magnetism and electricity he found that this cloud of subtle substance was in no way dispersed by these physical forces. He discovered that the blue light, cast off from the screen, affected the rod cells of the eyes—light-sensitive cells in the retina—in such a way that they became sensitive to light emanating from the ultra-violet part of the electro-magnetic spectrum. When the eyes were thus sensitised, they could see light in the ultra-violet zones and this was precisely the wavelength of light being given off by the interpenetrating atmosphere which we now know was the human aura. Only about one person in four hundred could not see this phenomenon.

Chúng ta hãy xem xét một số bằng chứng khoa học chứng thực sự tồn tại của vật chất dĩ thái và dòng chảy hào quang của vật chất đó khi nó thâm nhập vào cơ thể con người trong hiện tượng hào quang. Vào khoảng năm 1920, Tiến sĩ Walter Kilner, BA, MB (Cantab), MRCP, và là thợ điện chính tại Bệnh viện St. Thomas, London, đã xuất bản một cuốn sách về công trình nghiên cứu mà ông đã tiến hành ở trạng thái vi tế của vật chất mà ông nhận thấy có sự che giấu, và dường như thâm nhập vào cơ thể con người.

Một ngày nọ, Ông đang kiểm tra tác động của một số lực vật lý lên cơ thể con người thì Ông phát hiện ra rằng bằng cách nhìn qua một số loại màn hình màu xanh lam, nhuộm màu dicyanin, Ông có thể tạo ra đường viền của một loại bầu khí quyển con người bao quanh cơ thể. Tiến hành các thử nghiệm trên bầu khí quyển này bằng nhiệt, luồng không khí, từ tính và điện, ông phát hiện ra rằng đám mây chất tinh tế này không hề bị phân tán bởi các lực vật lý này. Ông phát hiện ra rằng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình ảnh hưởng đến các tế bào que của mắt—các tế bào nhạy cảm với ánh sáng ở võng mạc—theo cách mà chúng trở nên nhạy cảm với ánh sáng phát ra từ phần cực tím của phổ từ điện. Khi mắt được nhạy cảm như vậy, chúng có thể nhìn thấy ánh sáng trong vùng cực tím và đây chính xác là bước sóng của ánh sáng được phát ra bởi bầu khí quyển thâm nhập mà ngày nay chúng ta biết là hào quang của con người. Chỉ có khoảng một trong bốn trăm người không thể nhìn thấy hiện tượng này. Sau đó, Tiến sĩ Kilner đã có thể

Later, Dr. Kilner was able to distinguish three distinct layers in the aura given off from the surface of the human skin. One extended three inches beyond the surface of the skin; another reached out about twelve inches from the skin; and still a third layer radiated to some two feet or more from the body.

Dr. Kilner was no occultist. He knew nothing of etheric matter described in the books of Theosophy or of the etheric body of Eastern mysticism. He conducted his investigations along purely scientific lines taking no heed of any factors which could not be investigated directly through scientific means. Several factors became patent as Kilner's research developed and he applied it to hundreds of patients:

1. The haze or aura varied from person to person.
2. It varied in intensity, in colour, and in size.
3. The aura differed in women from that in men.
4. The aura of children differed from that of adults.
5. The aura of a pregnant woman was different from others.
6. Sick people varied in aura from the healthy. In sickness there was a slight discolouration and a patchiness in the affected part.

It was noted that the aura around the finger tips is accentuated and that when the finger tips are placed together, thus linking the two hands by means of them, and then are drawn apart a shaft of the aura remains linking the

phân biệt ba lớp riêng biệt trong hào quang phát ra từ bề mặt da người. Một cái kéo dài ba inch ra khỏi bề mặt da; một cái khác vươn ra khỏi da khoảng 12 inch; và vẫn còn một lớp thứ ba tỏa ra cách cơ thể khoảng hai feet trở lên.

Tiến sĩ Kilner không phải là một nhà huyền bí. Ông không biết gì về vật chất dĩ thái được mô tả trong các sách Thông Thiên Học hay về thể dĩ thái trong thần bí học phương Đông. Ông tiến hành các cuộc điều tra của mình hoàn toàn theo các phương pháp khoa học, không lưu tâm đến bất kỳ yếu tố nào không thể được điều tra trực tiếp bằng các phương tiện khoa học. Nhiều yếu tố đã trở nên hiển nhiên khi nghiên cứu của Kilner phát triển và ông áp dụng nó cho hàng trăm bệnh nhân:

1. Đám mây hoặc hào quang thay đổi từ người này sang người khác.
2. Nó đa dạng về cường độ, màu sắc và kích thước.
3. Hào quang ở phụ nữ khác với ở nam giới.
4. Hào quang của trẻ em khác với người lớn.
5. Hào quang của một phụ nữ mang thai khác với những người khác.
6. Người bệnh khác với hào quang của người khỏe mạnh. Khi bị bệnh, có một chút đổi màu và loang lổ ở phần bị ảnh hưởng.

Người ta lưu ý rằng hào quang xung quanh các đầu ngón tay được làm nổi bật, và khi các đầu ngón tay được đặt lại sát nhau, và qua đó liên kết hai bàn tay lại, sau đó được tách ra, một trục hào quang vẫn còn liên kết các ngón tay

fingers together for some time. The hands could be separated by as much as eighteen inches and the bridging would still be patent. Dr. Kilner found that the aura seemed to depend on the mental, emotional and vital capacities of the individual rather than on his righteousness.

với nhau trong một thời gian. Các bàn tay có thể cách nhau tới 18 inch và cầu nối vẫn còn rõ. Tiến sĩ Kilner phát hiện ra rằng hào quang dường như phụ thuộc vào năng lực trí tuệ, tình cảm và sức sống của cá nhân hơn là vào sự công chính của anh ta.

Evidence of Cleve Backster—Bằng chứng của Cleve Backster

We also exchange energies with our plants. The work of Cleve Backster in this field is too well-known for the author to dwell upon it at length. Backster, an electronics expert, worked for the U.S. government in the assembly and operation of various lie-detectors. During his investigations into this type of experimentation, he discovered that plants were sensitive to the presence of their owners. The green plants he was investigating were linked to lie-detectors adapted for the purpose of recording the plants' responses. It was found that when he showed loving concern for the plants, like wanting to water them, the plants responded in a particular way on the lie-detector. When, however, Backster adopted an attitude of anger or showed intentions of burning the plant with his cigarette, the response was very different indeed. Somehow, through a continuum, the plants picked up vibrations originating in Backster's mind. The mechanism of conduction here is surely by means of the aura.

On another occasion, Backster extended the same arrangements to measure the response of minute animals. He purchased some live brine-shrimps for his lunch and left a batch of them in a flask on the far end of his laboratory near his lie-detector which was quietly functioning. He then plunged his lunch shrimps into boiling water and was surprised

Chúng ta cũng trao đổi năng lượng với cây cối của mình. Công trình của Cleve Backster trong lĩnh vực này đã quá nổi tiếng nên tác giả không cần luận bàn dài dòng. Backster, một chuyên gia điện tử, đã làm việc cho chính phủ Hoa Kỳ trong việc lắp ráp và vận hành các loại máy phát hiện nói dối khác nhau. Trong quá trình điều tra về loại thí nghiệm này, ông phát hiện rằng cây cối nhạy cảm với sự hiện diện của chủ nhân chúng. Những cây xanh mà ông đang nghiên cứu được nối với các máy phát hiện nói dối đã được điều chỉnh cho mục đích ghi lại phản ứng của cây. Người ta phát hiện rằng khi ông thể hiện sự quan tâm yêu thương đối với cây, như mong muốn tưới nước cho chúng, thì cây phản ứng theo một cách đặc biệt trên máy phát hiện nói dối. Tuy nhiên, khi Backster có thái độ tức giận hoặc thể hiện ý định đốt cây bằng diêm thuốc lá của mình, phản ứng lại hoàn toàn khác biệt. Bằng cách nào đó, thông qua một dòng liên tục, cây đã tiếp nhận những rung động phát ra từ tâm trí của Backster. Cơ chế dẫn truyền ở đây chắc chắn là thông qua hào quang.

Trong một dịp khác, Backster mở rộng cách bố trí tương tự để đo phản ứng của các động vật nhỏ bé. Ông đã mua một số con tôm nước mặn sống để ăn trưa và để một mẻ tôm trong một bình thủy tinh ở đầu kia của phòng thí nghiệm gần máy phát hiện nói dối đang vận hành im lặng. Sau đó, ông thả những con tôm ăn trưa của mình vào nước sôi và ngạc nhiên khi thấy

to find that the remaining lot, near the lie-detector, responded violently to the sudden death of their erstwhile companions. Their response showed up clearly on the detector's revolving drum. Somehow or the other the two lots of shrimps shared a common continuum and the death of one lot had disturbed the others placed at a distance.

The Russians have become extremely interested in any form of communication that cannot be detected with instruments. They have in mind, of course, the needs of nuclear submarines which need to communicate with their home base without any chance of their location, say on the sea-bed, being discovered.

Other experiments have been made. A female rabbit, separated from her young rabbits, was carefully monitored with delicate physiological instruments to see if her body responded in any way to the sacrificing of her infants. The mother was fifty miles away from her young inside a submarine. The young rabbits were on land. At the moment of their sacrifice, there were changes in the blood pressure, skin resistance, heart rate, etc., in the mother rabbit.

lô tôm còn lại, gần máy phát hiện nói dối, phản ứng dữ dội trước cái chết đột ngột của những bạn đồng loại vừa bị giết. Phản ứng của chúng được thể hiện rõ ràng trên trục quay của máy phát hiện. Bằng cách nào đó, hai nhóm tôm đã chia sẻ một môi trường liên tục chung, và cái chết của một nhóm đã làm xáo động nhóm còn lại dù đang ở cách xa.

Người Nga đã trở nên cực kỳ quan tâm đến bất kỳ hình thức truyền thông nào không thể bị phát hiện bằng các thiết bị. Dĩ nhiên, họ nghĩ đến nhu cầu của các tàu ngầm hạt nhân, vốn cần giao tiếp với căn cứ chính mà không bị phát hiện vị trí, chẳng hạn như khi đang ở dưới đáy biển.

Những thí nghiệm khác cũng đã được thực hiện. Một con thỏ mẹ, bị tách khỏi các con của mình, được giám sát cẩn thận bằng các thiết bị sinh lý học tinh vi để xem liệu cơ thể nó có phản ứng bằng bất kỳ cách nào đối với việc hy sinh những đứa con nhỏ của mình hay không. Con thỏ mẹ ở cách con của nó năm mươi dặm, bên trong một chiếc tàu ngầm. Các con thỏ nhỏ ở trên đất liền. Vào thời điểm các con bị hy sinh, đã có những thay đổi trong huyết áp, điện trở da, nhịp tim, v.v... của con thỏ mẹ.

Visual Perception of the Aura—Nhận thức thị giác về hào quang

Seeing the aura is a natural gift, not easily won without persistent effort and the utmost patience. Auric perception is related to certain concomitant factors. Children often see etheric and astral structures and their accompanying auras. Wordsworth believed that children brought psychic faculties with them from the heaven worlds, coming thus into incarnation “trailing clouds of glory”. He described this in his poem “Intimations of Immortality”. Even the adult must become childlike, at least for the time being, as he

Việc nhìn thấy hào quang là một năng lực tự nhiên, không dễ dàng đạt được nếu không có nỗ lực bền bỉ và sự kiên nhẫn tối đa. Nhận biết về hào quang liên quan đến một số yếu tố kèm theo nhất định. Trẻ em thường nhìn thấy các cấu trúc dĩ thái và cảm dực cùng với các hào quang đi kèm. Wordsworth tin rằng trẻ em mang theo các khả năng tâm linh từ những cõi trời, và do đó khi nhập thế, các em “kéo theo những đám mây vinh quang.” Ông đã mô tả điều này trong bài thơ “Những Linh Cảm về Sự Bất Tử.” Ngay cả người trưởng thành cũng

peers into the heaven states:

*'Except ye be as little children,
ye cannot enter the kingdom of heaven.'*

Humanity tends to be much closer to the hidden realms of nature during childhood and in extreme old age. It is as if the light of the planet's aura bathes us in our early years and returns to us in old age. In the intervening period, the harsh and specific activities of the brain bar access to the subtle worlds.

There was a time when meadow, grove and stream,

The earth, and every common sight,

To me did seem

Apparelled in celestial light,

The glory and the freshness of a dream.

It is not now as it hath been of yore —

Turn wheresoe'er I may,

By night or day,

The things which I have seen I now can see no more.

The rainbow comes and goes,

And lovely is the rose,

The moon doth with delight

Look round her when the heavens are bare,

Waters on a starry night

phải trở nên giống như trẻ thơ, ít nhất là trong một khoảng thời gian, khi y chăm chú nhìn vào các trạng thái thiên giới:

"Trừ khi bạn trở nên như những đứa trẻ nhỏ,

Bạn sẽ không thể bước vào thiên giới."

Nhân loại có xu hướng gần gũi hơn với các cõi ẩn tàng của thiên nhiên trong thời thơ ấu và ở giai đoạn tuổi già cực độ. Đường như ánh sáng của hào quang hành tinh tắm đẫm chúng ta trong những năm đầu đời và trở lại với chúng ta ở tuổi già. Trong khoảng thời gian xen giữa đó, những hoạt động khắc nghiệt và đặc thù của bộ não ngăn cản sự tiếp cận với các thế giới vi tế.

Có một thời khi đồng cỏ, lùm cây và dòng suối,

Đất, và mọi cảnh tượng thường ngày,

Đối với tôi dường như

Khoác lên mình ánh sáng thiên giới,

Vẻ vinh quang và sự tươi mới của một giấc mơ.

Giờ đây không còn như thuở xưa —

Dù tôi quay về hướng nào,

Ngày hay đêm,

Những điều tôi từng thấy giờ đây tôi không còn thấy nữa.

Cầu vồng đến rồi đi,

Và bông hồng vẫn tuyệt đẹp,

Mặt trăng vui thích

Nhìn quanh khi bầu trời trống rỗng,

Những dòng nước dưới bầu trời đầy sao

Are beautiful and fair,

The sunshine is a glorious birth,

But yet I know, where'er I go,

That there hath passed away a glory from the earth.

The last of these lines refers to the early history of Man when the anima mundi, the aura of the planet, was very condensed and interpenetrated the states of physical matter so intensely as to form a different dimension. This was the biblical 'Garden of Eden' and the Hyperborean continent of Theosophy. The earliest humanity could step into it and out of it at will; but there came a time when, because of his own solidification, Man left the 'Garden' forever. This was the 'fall of Man', and is equivalent in individual Man to the time when we leave childhood behind us:

Our birth is but a sleep and a forgetting:

The soul that rises with us, our life's star,

Hath had elsewhere its setting,

And cometh from afar;

Not in entire forgetfulness,

And not in utter nakedness,

But trailing clouds of glory do we come

From God, who is our home.

Heaven lies about us in our infancy;

Thật đẹp đẽ và duyên dáng,

Ánh nắng là sự ra đời huy hoàng,

Nhưng tôi biết, dù tôi đi đâu,

Rằng đã có một vinh quang rời khỏi trái đất.

Những dòng cuối cùng này đề cập đến thời kỳ sơ khai của Con Người khi anima mundi, tức là hào quang của hành tinh, rất cô đặc và thấm nhập vào các trạng thái của vật chất vật lý đến mức tạo thành một chiều không gian khác biệt. Đây chính là "Vườn Địa Đàng" trong Kinh Thánh và lục địa Hyperborean trong Thông Thiên Học. Nhân loại thời sơ khai có thể bước vào và ra khỏi đó tùy ý; nhưng rồi đã đến lúc, vì sự đậm đặc hóa của chính mình, Con Người đã rời "Vườn Địa Đàng" mãi mãi. Đây là "sự sa ngã của Con Người," và tương ứng trong từng cá nhân là thời điểm chúng ta rời bỏ thời thơ ấu.

Sự ra đời của chúng ta chỉ là một giấc ngủ và sự lãng quên:

Linh hồn trời dậy cùng ta, ngôi sao của đời ta,

Đã lặn khuất nơi nào khác,

Và từ phương xa mà đến;

Không phải trong sự lãng quên hoàn toàn,

Cũng không phải trong sự trần trụi tuyệt đối,

Mà ta đến, mang theo những đám mây vinh quang,

Từ Thượng Đế, ngôi nhà đích thực của ta.

Thiên đường vây quanh ta thuở thơ ấu;

*Shades of the prison-house begin to close
Upon the growing boy,
But he beholds the light, and whence it flows.
He sees it in his joy;
The youth, who daily farther from the east
Must travel, still is Nature's priest,
And by the vision splendid
Is on his way attended;
At length the man perceives it die away,
And fade into the light of common day.*

*Nhưng bóng tối của ngục tù bắt đầu khép lại
Trên đứa trẻ đang lớn dần,
Nhưng nó vẫn còn nhìn thấy ánh sáng, và
nguồn gốc của ánh sáng ấy.
Nó thấy trong niềm hân hoan;
Người thanh niên, mỗi ngày càng phải rời xa
phương Đông,
Vẫn là vị tư tế của Thiên Nhiên,
Và được nhìn thấy huy hoàng
Trên bước hành trình;
Cho đến lúc cuối cùng, người trưởng thành cảm
thấy ánh sáng ấy tàn lụi,
Và phai mờ trong ánh sáng thường nhật đời
thường.*

Etheric Vision—Nhân quang dĩ thái

In our early childhood, we seemed to be surrounded with light, and with the help of that light we see things normally hidden from adult vision. The author himself remembers how, as a child, everything seemed clothed in light if you but stared at it for a moment. He lived once in a street that had tall buildings whose towers and minarets pressed upwards into the blue sky. It seemed to him that sometimes, when the light was just right, cherubs with wings and angels floated around the high eaves. He was looking at his first books and annuals about that time and the coloured pictures were usually covered, in those days, with a tissue flimsy. Even before he lifted the flimsy, he was aware of many forms that danced into and out of the picture. It is such a shame that this old printer's habit of using

Trong thời thơ ấu, chúng ta dường như được bao quanh bởi ánh sáng, và với sự trợ giúp của ánh sáng đó, chúng ta có thể nhìn thấy những điều vốn ẩn khuất khỏi tầm mắt người lớn. Bản thân tác giả vẫn nhớ rằng, khi còn nhỏ, mọi thứ dường như được khoác trong ánh sáng nếu bạn chỉ cần chăm chú nhìn vào chúng trong giây lát. Có một thời, ông từng sống trên một con phố có những tòa nhà cao tầng, với những tháp và mái vòm vươn lên bầu trời xanh. Đôi khi, khi ánh sáng vừa vặn, ông cảm thấy dường như có những thiên thần bé nhỏ với đôi cánh và những thiên thần lớn hơn đang bay lượn quanh các mái hiên cao. Vào thời điểm đó, ông đang bắt đầu xem những quyển sách và tập niên giám đầu tiên, và trong thời đó, những bức tranh màu thường được phủ bằng một lớp giấy can mỏng. Ngay cả trước khi ông

flimsies died out: it was a wonderfully mystical device for enhancing etheric vision.

He also remembers living in another house which was in the country and had a large garden. There was a long fence that was buttressed with round stones. At sunset, it often appeared as if fairies gathered there to linger in the last warm rays of the dying sun. Many a time he would place syringa leaves in the crevices of the stones so that the fairies had somewhere soft to sleep. The elders of the family were not impressed with my 'romancing' and a few years later, when I thought back to those events, I had to admit that they must have been right because I could no longer see those wondrous figures next to the sun-baked stones. My visionary abilities had disappeared with my schooling. The left side of the brain had become dominant, and the right side, so apt in seeing things in the etheric world, was no longer able to dominate the consciousness. The child that had once wanted to sing everything instead of speaking it, who had wanted to hop and skip everywhere instead of walking it, was gone forever; or, could only be recalled once more in deep sessions of meditation: 'Except ye be as little children, ye cannot enter the kingdom of heaven.'

Children easily perceive the astral sheaths of domestic animals that have once lived in the house. For some of them, entering the sleep state may be a prolonged affair. The twilight state of consciousness between waking and sleeping is called hypnagogia. It is a period when observation of the aura is most easily

nhắc tấm giấy mỏng đó lên, ông đã nhận ra nhiều hình thể đang nhảy múa ra vào trong bức tranh. Thật đáng tiếc khi thói quen cũ của các nhà in, sử dụng những tấm giấy can mỏng này, đã mai một: đó là một phương tiện huyền bí tuyệt vời để làm tăng cường thị kiến dĩ thái.

Ông cũng nhớ đã từng sống trong một ngôi nhà khác ở vùng nông thôn, nơi có một khu vườn rộng lớn. Có một hàng rào dài được gia cố bằng những hòn đá tròn. Vào lúc hoàng hôn, thường có cảm giác như thể các nàng tiên tụ tập ở đó, nán lại trong những tia nắng ấm cuối cùng của mặt trời sắp tắt. Đã nhiều lần, ông đặt những chiếc lá tử đinh hương vào các kẽ đá để các nàng tiên có nơi mềm mại mà ngủ. Những người lớn trong gia đình không mấy ấn tượng với "câu chuyện huyền hoặc" của tôi, và vài năm sau, khi tôi nghĩ lại về những sự việc ấy, tôi buộc phải thừa nhận rằng họ hẳn đã đúng, vì tôi không còn nhìn thấy những hình bóng kỳ diệu bên cạnh những hòn đá phơi nắng ấy nữa. Khả năng thị kiến của tôi đã biến mất cùng với quá trình học hành. Bán cầu trái của não bộ đã trở nên chiếm ưu thế, còn bán cầu phải—vốn rất thích hợp trong việc nhìn thấy những điều thuộc thế giới dĩ thái—không còn khả năng chi phối tâm thức. Đứa trẻ từng muốn hát lên mọi điều thay vì nói thành lời, từng muốn nhảy nhót khắp nơi thay vì bước đi, đã ra đi mãi mãi; hoặc chỉ còn có thể được khơi dậy trở lại trong những buổi tham thiền sâu lắng:

"Trừ khi các bạn trở nên như những đứa trẻ nhỏ, các bạn sẽ không thể bước vào Thiên giới."

Trẻ em dễ dàng cảm nhận được các thể cảm dục của những con vật nuôi đã từng sống trong ngôi nhà. Đối với một số trẻ, quá trình đi vào trạng thái ngủ có thể kéo dài. Trạng thái mờ mịt giữa tỉnh và ngủ được gọi là trạng thái thôi miên nhẹ (hypnagogia). Đây là khoảng thời gian mà việc quan sát hào quang dễ dàng

exercised. Many children ask for a night light in their nurseries because of the vividness of their hypnogogic interlude. Children should not be refused such a request for it is an appeal for help. These children are unusually psychically sensitive and either see into the inner planes during their hypnogogia or may actually fashion, along with their imagery-making, astral and etheric shapes which upset them, a materialisation of what might disturb them during the waking state. A light in the bedroom of some sort will calm them and assist in helping them to seal off unwelcome intrusions from the astral world.

The natural human capacity to form images whilst in the subjective state is linked closely to perception of the human aura. Some people, especially children and geniuses, produce images abundantly. Education however—perhaps mercifully for some—strengthens the left cerebral hemisphere and its control of consciousness, reducing subjective experiences to a minimum. Such sensitive children who see auric phenomena very easily should be encouraged by their parents to use the faculty creatively, e.g., in story-telling, drawing, painting, modeling and recitation. They should not be encouraged to meditate before adulthood. Later, in adulthood, the sounding of mantras or words of power and the practice of meditation may keep the precious links with the unconscious open and even strengthen them selectively. The same pathways may be extended to act as channels for the intuition and for the fountains of artistic inspiration which the ancients believed were monitored by the muses. For mankind as a whole, the collective unconscious may only be available to him through these sensitives.

được thực hiện nhất. Nhiều trẻ thường xin được để đèn ngủ trong phòng vì sự sống động của những trải nghiệm trong giai đoạn hypnogogia này. Trẻ em không nên bị từ chối yêu cầu đó, vì đó là một lời kêu gọi giúp đỡ. Những đứa trẻ này có độ nhạy cảm tâm linh đặc biệt và trong trạng thái hypnogogia, chúng có thể nhìn thấy các cõi nội giới, hoặc thậm chí tự tạo ra, cùng với khả năng hình ảnh hóa của mình, các hình thể cảm dục và dĩ thái khiến chúng bất an—một sự hiện hình của những điều có thể làm chúng lo sợ ngay cả trong trạng thái thức. Một ánh sáng trong phòng ngủ, dưới bất kỳ hình thức nào, sẽ giúp làm dịu các em và hỗ trợ việc ngăn chặn những sự xâm nhập không mong muốn từ cõi cảm dục.

Khả năng tự nhiên của con người trong việc tạo ra các hình ảnh khi ở trong trạng thái chủ quan có mối liên hệ chặt chẽ với việc tri giác hào quang của con người. Một số người, đặc biệt là trẻ em và các thiên tài, có khả năng tạo ra hình ảnh rất dồi dào. Tuy nhiên, giáo dục—có lẽ cũng là một điều may mắn cho một số người—lại củng cố bán cầu não trái và khả năng kiểm soát tâm thức của nó, làm giảm thiểu tối đa các trải nghiệm chủ quan. Những đứa trẻ nhạy cảm như vậy, dễ dàng nhìn thấy hiện tượng hào quang, nên được cha mẹ khuyến khích sử dụng khả năng đó một cách sáng tạo, ví dụ như qua việc kể chuyện, vẽ tranh, tô màu, nặn tượng và đọc diễn cảm. Các em không nên được khuyến khích tham thiền trước tuổi trưởng thành. Về sau, khi trưởng thành, việc xướng đọc các linh từ hoặc các từ quyền năng và việc thực hành tham thiền có thể giúp duy trì các mối liên kết quý giá với vô thức và thậm chí còn có thể gia cố chọn lọc các liên kết đó. Các đường dẫn tương tự cũng có thể được mở rộng để làm các kênh truyền cho trực giác và cho các suối nguồn cảm hứng nghệ thuật mà người xưa tin rằng được giám sát bởi các nàng thơ. Đối với nhân loại nói

chung, vô thức tập thể có thể chỉ khả dĩ tiếp cận được thông qua những người nhạy cảm như vậy.

Elderly people, too, often become aware of non-physical phenomena and in their senile state have difficulty in discriminating between the real and the unreal, without in any way being psychotic. Here, it is because the efficiency of the brain and its sensory pathways have become impaired and with this impairment we find that the mental body, the real fashioner of thoughts, is also adversely affected. Its ability to maintain a constant stream of coherent thoughts is reduced and the subjective nature is free to exert itself once more as it did during childhood. The brain can no longer shut out the unconscious and things that are normally unseen surface into awareness.

In old age the assortment of ethereal forms observed by the aged is very different from those seen in childhood. Every vice or emotional attachment experienced during the lifetime will greatly affect what is seen, acting as a sort of censor, a Cerberus at the gates of the unconscious. Deva shapes may appear very human and have sexual appendages, manifest hair growth, etc., in such a way that could not be imagined by a child and, therefore, not seen by a child. The vestal virgins were carefully chosen for their psychic ability but also for their virginal thoughts and were expected to observe a strict, pure life, all of which contributed to the clarity of their auric perceptions.

Người già cũng vậy, thường trở nên nhận thức được các hiện tượng phi vật chất, và trong trạng thái già yếu của họ, gặp khó khăn trong việc phân biệt giữa thực và không thực, mà không hề bị tâm thần. Ở đây, đó là vì hiệu quả của bộ não và các con đường cảm giác của nó đã trở nên suy yếu, và với sự suy yếu này, chúng ta thấy rằng thể trí, cơ quan tạo ra tư tưởng thực sự, cũng bị ảnh hưởng xấu. Khả năng duy trì dòng suy nghĩ mạch lạc liên tục của nó bị suy giảm và bản chất chủ quan lại được tự do phát huy tác dụng như nó đã từng làm trong thời thơ ấu. Bộ não không còn có thể tắt vô thức và những thứ thường không nhìn thấy được đưa vào nhận thức.

Ở tuổi già, tập hợp các hình thể dĩ thái được người già quan sát thấy rất khác với những gì được nhìn thấy trong thời thơ ấu. Mỗi thói xấu hoặc sự gắn bó cảm xúc từng trải qua trong suốt cuộc đời sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến những gì được nhìn thấy, đóng vai trò như một dạng kiểm duyệt, như một con chó ba đầu Cerberus canh giữ cổng vào vô thức. Các hình dạng deva có thể xuất hiện rất giống người, với các bộ phận sinh dục, sự mọc tóc, v.v..., theo những cách mà một đứa trẻ không thể hình dung và do đó cũng không thể nhìn thấy. Các trinh nữ tế tự đã được tuyển chọn cẩn thận không chỉ vì khả năng tâm linh của họ mà còn vì những tư tưởng trinh khiết của họ, và các cô được yêu cầu phải duy trì một đời sống nghiêm khắc, thuần khiết, tất cả những điều đó đã góp phần làm cho khả năng tri giác hào quang của họ trở nên sáng rõ.

Auric Perception of the Red Indian—Nhận thức về hào quang của người da đỏ

The Red Indians were said to be the most psychic race the planet has ever known. This was partly due to their affinity with nature. Red Indian chiefs were initiates into the kind of knowledge that we are describing here. They knew of the etheric body, of prana and of its emissions from the surface of the skin. They depicted this' important and esoteric knowledge in the feathered headdresses which they wore. The colouring of the feathers, reaching from the top of the head to the ankles, is merely indicative of these auric layers.;

Người da đỏ được cho là chủng tộc thông linh nhất mà hành tinh từng biết. Điều này một phần là do mối quan hệ thân thiết của họ với thiên nhiên. Các thủ lĩnh người da đỏ da đỏ là những người mới bắt đầu bước vào loại kiến thức mà chúng tôi đang mô tả ở đây. Họ biết về thể dĩ thái, về prana và sự phát xạ của nó từ bề mặt da. Họ miêu tả kiến thức bí truyền và quan trọng này trong những chiếc mũ lông vũ mà họ đội. Màu sắc của những chiếc lông vũ kéo dài từ đỉnh đầu đến mắt cá chân chỉ đơn thuần là biểu thị của những lớp hào quang này.

3. Modifications of the Aura—Những Biến đổi của Hào Quang

The Aura and Acquired Characteristics—Hào quang và đặc điểm thu được

Auric influences are the main basis for the proposition that forms may acquire characteristics from their surroundings, a proposition rejected by the West in general but which has much support in the Soviet block. Recently, further support has come for acquired characteristics, whereas the theory of natural selection, the mainstay of Western ideas on the acquiring of characteristics, has taken several knocks. One such set-back to Western biological thinking appears in *Science Digest*, January 1984, which observes that biologists have long known that plants and animals within the same species will differ physically according to their environments. A sparrow, for instance, living in a cold, dry climate will be larger than one found closer to the equator; people living at high altitudes possess more red cells than those living at sea level. Whilst we know how these factors improve their chances of surviving (e.g., a more rarified atmosphere necessitates greater oxygen carrying capacity provided by extra red cells for those who live at high altitudes), we do not have any explanation for why they are acquired in the first place, except through the proposition of natural selection. Organisms whose genes produce the optimum traits for life in a particular locale survive; others do not. But it is pointed out that a recent experiment with redwing blackbirds indicates that the answer may not be heredity. Rather, individual creatures seem to change externally in order to suit their environments.

The biologist Frances James of Florida State University has found that birds transplanted

Ảnh hưởng hào quang là cơ sở chính cho giả thuyết rằng các hình thể có thể tiếp nhận các đặc tính từ môi trường xung quanh, một giả thuyết bị phương Tây nói chung bác bỏ nhưng lại nhận được nhiều sự ủng hộ trong khối Xô viết. Gần đây, đã có thêm những bằng chứng ủng hộ cho thuyết về các đặc tính thu nhận được, trong khi lý thuyết chọn lọc tự nhiên—nền tảng chủ yếu cho quan niệm phương Tây về việc các đặc tính được thu nhận—đã chịu nhiều tổn thất. Một thất bại như vậy đối với tư duy sinh học phương Tây xuất hiện trong *Science Digest*, số tháng Giêng năm 1984, trong đó nhận xét rằng các nhà sinh vật học từ lâu đã biết rằng thực vật và động vật trong cùng một loài sẽ khác nhau về mặt thể chất tùy theo môi trường sống. Ví dụ, một con chim sẻ sống ở khí hậu lạnh, khô sẽ to lớn hơn một con sống gần xích đạo; những người sống ở độ cao lớn có số lượng hồng cầu nhiều hơn những người sống ở mực nước biển. Trong khi chúng ta biết rằng những yếu tố này cải thiện cơ hội sống sót (ví dụ, bầu không khí loãng đòi hỏi khả năng vận chuyển oxy lớn hơn, được cung cấp bởi số lượng hồng cầu nhiều hơn đối với những người sống ở độ cao lớn), thì chúng ta lại không có lời giải thích nào về việc tại sao chúng lại được thu nhận ngay từ đầu, ngoại trừ thông qua giả thuyết chọn lọc tự nhiên. Các sinh vật có gene tạo ra những đặc điểm tối ưu cho việc sinh tồn trong một khu vực nhất định thì tồn tại; những sinh vật khác thì không. Tuy nhiên, người ta chỉ ra rằng một thí nghiệm gần đây với chim sáo đỏ cho thấy câu trả lời có thể không nằm ở di truyền. Thay vào đó, các sinh vật riêng lẻ dường như thay đổi bên ngoài để phù hợp với môi trường của mình.

Nhà sinh vật học Frances James thuộc Đại học Bang Florida đã phát hiện rằng những con

from one nest to another before hatching will take on some of the traits of their foster parents. Eggs transported from northern Florida to southern Florida and vice versa, and from Colorado to Minnesota, apparently reacted to their environment and copied the characteristics of their cousins. In northern Florida adult blackbirds have thicker, shorter bills than those in the south. In this study, however, when transported nestlings hatched and grew they developed the bills of their southern cousins. James wrote, "We are not saying that most geographical variation is non-genetic. We are saying that a statistically significant fraction is."

It has always been the proposition of esoteric sciences that the environment can produce variations in species and, in the absence of any physical explanation for how the changes occur in the case of these blackbirds, the author suggests that auric emissions from organisms, climate, geological structures, etc., which make up the blackbird fledgling's environment, are responsible.

Modern biology in the West does not accept the proposition that characteristics are acquired. A giraffe's neck is not long because he keeps stretching it to reach succulent shrubbery on high trees. It is long because the longer neck on the animal has enabled him to survive in difficult times when giraffes with shorter necks could not survive. Because a boy's father and grandfather are good at cricket, it does not mean that the son will acquire this characteristic, too. He will tend to do well at cricket because he has inherited the appropriate physical and mental equipment which enabled his forbears to play the game well. However, the Russians do accept the

chim được chuyển từ tổ này sang tổ khác trước khi nở sẽ tiếp nhận một số đặc điểm của cha mẹ nuôi. Những quả trứng được vận chuyển từ miền bắc Florida xuống miền nam Florida và ngược lại, cũng như từ Colorado đến Minnesota, dường như đã phản ứng với môi trường mới và sao chép các đặc điểm của những người anh em họ của chúng. Ở miền bắc Florida, chim sáo trưởng thành có mỏ dày và ngắn hơn so với chim sáo ở miền nam. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này, khi những chú chim con được vận chuyển nở ra và lớn lên, chúng đã phát triển những chiếc mỏ giống như những người anh em họ miền nam của chúng. James viết: "Chúng tôi không nói rằng hầu hết các biến dị địa lý là phi di truyền. Chúng tôi đang nói rằng một phần có ý nghĩa thống kê của chúng là như vậy."

Các khoa học bí truyền luôn đề xuất rằng môi trường có thể tạo ra các biến thể trong các loài và trong trường hợp không có bất kỳ lời giải thích vật lý nào về cách thức những thay đổi xảy ra trong trường hợp của những con chim đen này, tác giả gợi ý rằng sự phát xạ hào quang từ các sinh vật, khí hậu, địa chất. chịu trách nhiệm về các cấu trúc, v.v., tạo nên môi trường của chim sáo non.

Sinh học hiện đại ở phương Tây không chấp nhận giả thuyết rằng các đặc tính có thể được thu nhận trong quá trình sống. Cổ của hươu cao cổ không dài ra vì nó liên tục vươn cổ để với tới những bụi cây mọng nước trên các cây cao. Cổ nó dài bởi vì chiếc cổ dài hơn đã giúp nó sống sót trong những thời kỳ khó khăn khi những con hươu cổ ngắn không thể tồn tại. Việc cha và ông nội của một cậu bé chơi cricket giỏi cũng không có nghĩa là cậu bé sẽ tiếp thu được đặc điểm đó. Cậu bé có xu hướng chơi cricket tốt vì đã thừa hưởng các phẩm chất thể chất và trí tuệ thích hợp, những phẩm chất đã giúp tổ tiên của cậu chơi tốt môn thể thao này. Tuy nhiên, người Nga lại chấp nhận nguyên lý

basic tenet that characteristics developed in a lifetime can be passed on to the sons and daughters. The esoteric sciences incline towards acceptance of both propositions.

Certain features of inheritance are inexplicable. There are villages in Wales which produce excellent scrum-halves for the game of rugby. Scrum-halves must have certain distinctive qualities to enable them to succeed. For instance, they can sidestep suddenly in a way that is not possible for a normal player. The game of rugby is far too young to have produced generations of scrum-half players. How is this feature passed on to sons so that these certain villages excel in their numbers of scrum-halves? The author would maintain that the characteristic is quickly acquired by the sons through their sharing the aura of the father and living in a "climate of rugby."

In Israel, again we find that unusual characteristics are acquired in the same way, i.e., via the aura. We all know that a family of brothers and sisters grow up without desire to marry each other. As part of the same family, they prefer to marry outside of it and this is a very fortunate (but not an essential) feature of human society. Living in a kibbutz, however, means that children of different families are brought up together. Even though there is no hereditary link between these children, they too grow up preferring to marry outside the kibbutz rather than to each other within it. This favours the concept that the characteristic is acquired; and if it is, what other mechanism can there be at play than through the sharing of the community aura of the kibbutz? There is not enough research done into the nature of the aura for us to be categoric over its structure and qualities. Most

cơ bản rằng các đặc tính phát triển trong suốt cuộc đời có thể được truyền lại cho con trai và con gái. Các khoa học huyền môn thì thiên về việc chấp nhận cả hai giả thuyết này.

Một số đặc điểm của sự di truyền là điều không thể giải thích được. Có những ngôi làng ở xứ Wales chuyên sản sinh ra những cầu thủ scrum-half xuất sắc cho môn bóng bầu dục. Các scrum-half phải có những phẩm chất đặc biệt nhất định để thành công. Ví dụ, họ có thể lách người đột ngột theo cách mà một cầu thủ bình thường không thể thực hiện được. Môn bóng bầu dục còn quá non trẻ để có thể sản sinh ra nhiều thế hệ cầu thủ scrum-half theo cách di truyền thông thường. Làm sao đặc điểm này lại có thể được truyền lại cho con cái, đến mức những ngôi làng nhất định lại nổi bật về số lượng cầu thủ scrum-half như vậy? Tác giả cho rằng đặc tính này nhanh chóng được các con trai tiếp nhận thông qua việc họ chia sẻ hào quang với người cha và sống trong một "khí hậu bóng bầu dục."

Ở Israel, một lần nữa chúng ta lại thấy rằng những đặc điểm bất thường có thể được tiếp thu theo cùng một cách, tức là thông qua hào quang. Chúng ta đều biết rằng những anh chị em trong cùng một gia đình lớn lên mà không có mong muốn kết hôn với nhau. Là thành viên của cùng một gia đình, họ có xu hướng thích kết hôn với người bên ngoài gia đình hơn, và đây là một đặc điểm rất may mắn (dù không phải là thiết yếu) của xã hội loài người. Tuy nhiên, sống trong một kibbutz có nghĩa là những đứa trẻ từ các gia đình khác nhau được nuôi dưỡng chung với nhau. Mặc dù không có mối liên hệ di truyền nào giữa những đứa trẻ này, chúng cũng lớn lên với khuynh hướng thích kết hôn với người bên ngoài kibbutz hơn là với nhau trong nội bộ. Điều này ủng hộ cho quan niệm rằng đặc điểm này được tiếp thu; và nếu đúng như vậy, thì còn có cơ chế nào khác ngoài việc chia sẻ hào quang cộng đồng của

of our experience of the aura is based upon very personal reminiscences.

kibbutz? Hiện chưa có đủ nghiên cứu về bản chất của hào quang để chúng ta có thể khẳng định một cách chắc chắn về cấu trúc và các phẩm chất của nó. Phần lớn những hiểu biết của chúng ta về hào quang vẫn dựa trên những ký ức cá nhân rất riêng tư.

Modification Through Loss of Limb—Biến đổi thông qua mất chi

Many factors may alter the overall shape of the aura so that its outline may range from a pear-shaped structure through to that of an upright spheroid to an inverted pear. Our many lives on earth produce these three shapes in a natural sequence which ensures that auric energies are eventually concentrated mainly in the head and heart regions. However, the loss of a leg by amputation or accident ultimately leads to dissipation of the etheric matrix of that area but not that of the astral body, which means that in out-of-body experiences and afterlife, the leg is still patent. These traumatic events are eventually translated into diminishment of the aura below the waist. The aura now shifts so that the remaining leg becomes its central stalk. However, because the astral leg remains, the diminishment of the aura is not as severe as one would expect, and the aura in this area still acts partly as a channel for the exiting energies of the torrent.

Nhiều yếu tố có thể làm thay đổi hình dạng tổng thể của hào quang, khiến đường viền của nó có thể dao động từ cấu trúc hình quả lê, sang hình cầu đứng thẳng, cho đến hình quả lê đảo ngược. Nhiều kiếp sống trên trái đất của chúng ta tạo ra ba hình dạng này theo một trình tự tự nhiên, bảo đảm rằng năng lượng hào quang cuối cùng sẽ tập trung chủ yếu vào các vùng đầu và tim. Tuy nhiên, việc mất một chân do cắt cụt hay tai nạn cuối cùng sẽ dẫn đến sự tiêu tán của cấu trúc dĩ thái ở khu vực đó, nhưng không phải của thể cảm dục, có nghĩa là trong các trải nghiệm ngoài thể xác và trong đời sống hậu tử, chân vẫn còn hiện hữu. Những biến cố chấn thương này cuối cùng sẽ được chuyển hóa thành sự suy giảm của hào quang dưới thắt lưng. Lúc này, hào quang sẽ dịch chuyển sao cho chân còn lại trở thành trục trung tâm của nó. Tuy nhiên, vì chân cảm dục vẫn còn tồn tại, nên sự suy giảm của hào quang không nghiêm trọng như người ta có thể mong đợi, và vùng hào quang này vẫn phần nào hoạt động như một kênh cho các năng lượng thoát ra từ dòng lũ năng lượng.

In 1944, the author was on the Italian front and an ambushed American patrol brought a wounded comrade to him. The youth, his name was Homer, had had his right foot and calf blown off by a foot mine. He was in great pain and, whilst the stump was being bandaged, he complained about the intense pain in his right foot. Later, even when he was aware of the loss of his lower limb, he still said

Năm 1944, tác giả đang ở mặt trận Ý và một đội tuần tra Mỹ bị phục kích đã đưa một đồng đội bị thương đến với ông. Chàng trai trẻ, tên là Homer, đã bị mất bàn chân và bắp chân phải do dẫm phải mìn. Anh ta rất đau đớn, và trong khi vết thương đang được băng bó, anh vẫn than phiền về cơn đau dữ dội ở bàn chân phải của mình. Sau đó, ngay cả khi đã nhận thức được việc mất phần dưới của chân, anh vẫn nói

the pain was in his foot. Such experiences have given rise to the belief among many amputees that something remains after amputation.

“Because of those early experiences, the study of this phenomenon has been a feature of my researches into the aura. On other occasions, I have heard men complain as they walked over the ground about its roughness and how hard it was on the amputated area.

There is no truth in the belief that the etheric part of the amputated limb remains merely because the amputee insists that he can ‘still feel his leg’ after amputation. The extent to which the amputated limb is felt is dependent upon the degree to which the amputee has had a clear image of his total body, and of that limb in particular. Such an image is laid down in the brain tissues and remains there sharply, despite amputation, for some time. Any feelings in the amputated leg are related to the strength of these images of the whole body retained in the brain.

Modification of the aura may be transitory. This occurs when there is an impairment of blood supply to some limb or other part of the body. The blood carries the prana which is linked to the oxygen molecule. If we lie for a long time on one part of the body without moving, the supply of blood and prana to that area becomes impaired. One would expect an immediate devitalisation of the area. Certainly the sensation of ‘pins and needles’ indicates that the part has ‘gone to sleep.’ In fact, the description of pins and needles should give us a clue as to what occurs at the level of the etheric body and the aura when there is an impedance to blood flow. The auric energies and those parts of the etheric body which are mobile will immediately become

rằng cảm giác đau nằm ở bàn chân. Những trải nghiệm như vậy đã dẫn đến niềm tin của nhiều người cụt chi rằng một điều gì đó vẫn còn tồn tại sau khi bị cắt cụt.

“Chính nhờ những trải nghiệm ban đầu đó mà việc nghiên cứu hiện tượng này đã trở thành một phần trong các nghiên cứu của tôi về hào quang. Trong những dịp khác, tôi cũng đã nghe những người lính than phiền khi đi bộ rằng mặt đất gồ ghề và gây khó chịu cho vùng chi bị cắt cụt.”

Không có sự thật trong niềm tin rằng phần dĩ thái của chi bị cắt cụt vẫn còn tồn tại chỉ vì người bị cắt cụt khẳng khẳng rằng họ vẫn “cảm thấy chân mình” sau khi mất chi. Mức độ mà chi bị cắt cụt còn được cảm nhận phụ thuộc vào việc người đó có hình ảnh rõ ràng về cơ thể toàn vẹn của mình, đặc biệt là về chi đó, như thế nào. Hình ảnh này đã được lưu giữ trong mô não và tồn tại ở đó một cách sắc nét, bất chấp việc cắt cụt, trong một thời gian. Mọi cảm giác ở chi bị mất đều liên quan đến sức mạnh của những hình ảnh về cơ thể toàn vẹn còn lưu giữ trong não.

Sự biến đổi của hào quang có thể chỉ là tạm thời. Điều này xảy ra khi nguồn cung cấp máu đến một chi hoặc một phần cơ thể nào đó bị suy giảm. Máu mang theo prana, và prana thì liên kết với phân tử oxy. Nếu chúng ta nằm lâu trên một phần cơ thể mà không cử động, nguồn cung cấp máu và prana cho khu vực đó sẽ bị suy giảm. Người ta sẽ nhận thấy sự suy giảm sinh lực ngay lập tức ở khu vực đó. Chắc chắn cảm giác “tê rần như kim châm” cho thấy rằng bộ phận đó đã “ngủ quên.” Thực ra, mô tả “kim châm” nên cho chúng ta một manh mối về những gì đang xảy ra ở cấp độ thể dĩ thái và hào quang khi dòng máu bị cản trở. Các năng lượng hào quang và những phần di động của thể dĩ thái sẽ ngay lập tức trở nên bất an và tìm cách thoát khỏi cấu trúc dĩ thái, bởi vì đặc tính

restless and seek to escape from the etheric matrix because it is an inherent quality of etheric energy for it to seek out the main body of which it is a part. Thus, at death, the etheric body of Man seeks to rejoin the anima mundi of the earth. Seen clairvoyantly in an arm that has gone to sleep, the bright sparks of the prana rush around in a fast-moving cloud seeking exit from the disturbed limb. If relief of the constriction of blood flow is not obtained within a reasonable period of time, the main body of mobile auric energies will escape and the remaining physical tissue will die or become badly bruised and subject to attack by germs that are normally held at bay through the integrity of the healthy etheric body.

In an unhealthy person or body part, the escape of auric content is much slower and chronic; and where there is, for instance, leg ulcers, the whole area is denuded of prana and this will show as a patchiness of the aura in the area of the ulcers.

cổ hữu của năng lượng dĩ thái là tìm về với cơ thể chính của nó. Do đó, khi chết, thể dĩ thái của Con Người sẽ tìm cách tái nhập với anima mundi của trái đất. Dưới cái nhìn thông nhãn, trong một cánh tay bị "ngủ quên," các tia sáng prana chuyển động rất nhanh thành một đám mây lấp lánh, tìm kiếm lối thoát ra khỏi chi bị tắc nghẽn. Nếu việc giải phóng sự chèn ép dòng máu không được thực hiện trong một khoảng thời gian hợp lý, phần lớn năng lượng hào quang di động sẽ thoát ra ngoài, và mô thể chất còn lại sẽ chết hoặc bị tổn thương nặng và dễ bị vi khuẩn tấn công, điều mà bình thường được ngăn chặn nhờ sự toàn vẹn của thể dĩ thái khỏe mạnh.

Ở một người hoặc một bộ phận cơ thể không khỏe mạnh, sự thất thoát nội dung hào quang diễn ra chậm và kéo dài; và trong trường hợp có, chẳng hạn như các vết loét ở chân, toàn bộ khu vực đó sẽ bị thiếu hụt prana và điều này sẽ thể hiện thành những vùng loang lổ của hào quang tại khu vực có vết loét.

Modifications Through Body Postures—Sửa đổi thông qua tư thế cơ thể

The adoption of the various asanas or postures of yoga often modify the aura considerably, turning it into a more donative or receptive organism, rendering it neutral and neither receptive nor donative, masculine or feminine, consolidated or loose, integrated or diffuse. The erect position of the spine in the seated yogi in padmasana (lotus posture) with the carefully folded legs bracing the body, enables the negative fires of the planet easier access, firstly to the cave of etheric matter where the coiled female serpent fire is located at the base of the spine, and thence freely up the erect spine to the place where positive, masculine electric fire meets her in a

Việc thực hành các asana hay các tư thế của yoga thường làm biến đổi hào quang một cách đáng kể, khiến nó trở thành một cơ thể dễ hiến tặng hoặc dễ tiếp nhận hơn, hoặc khiến nó trở nên trung tính, không còn mang tính tiếp nhận hay hiến tặng, không còn mang tính nam hay nữ, cô đặc hoặc lỏng lẻo, tích hợp hoặc tản mát. Tư thế thẳng cột sống của người yogi ngồi trong padmasana (tư thế hoa sen), với hai chân được xếp chặt đỡ lấy cơ thể, giúp cho các lửa âm tính của hành tinh dễ dàng tiếp cận hơn, trước tiên tới "hang động" của vật chất dĩ thái, nơi ngọn lửa rắn cái cuộn tròn nằm ở đáy cột sống, rồi từ đó dễ dàng tuôn lên theo cột sống thẳng tới nơi ngọn lửa điện

blaze of glory. The aura, shortened in this posture, becomes more concentrated and amenable to the will in the progressive stages of meditation.

Similarly, the crouching position changes the aura. In extreme danger, we tend to slip into this posture very easily. Making the body into a small ovoid with knees up to the chest and head tucked in under the folded arms is not only an excellent position to adopt if the house collapses in on top of you in an earthquake or a nuclear explosion, but it concentrates the aura into a small protective volume during the split second of danger. In this position, the aura of the legs and arms blends with the trunk and head and the protective layer around the whole body is enhanced by some inches. It is not a position that can be maintained too long without circulatory difficulties occurring. The overall result of the aura being temporarily enhanced in this way is to resist, amongst other things, the effect of shock waves or blast. Shock waves are really movements on the etheric plane that race ahead of sound waves from the site of the explosion. Blast can sever a projecting limb easily.

Such shock waves may travel at 17,000 miles per hour, far ahead of the noise of the explosion, and they are death dealing. During the Blitz in England, many heroic pieces of surgery were carried out, and the patient survived only to then go into shock and die from unknown causes, sometimes related to the kidney. Subsequent research has not fully shown up the exact cause of these post-traumatic losses of a patient. The answer would be found in the injuries sustained by the etheric body and its aura through the impact of etheric waves upon them let loose

dương tính gặp gỡ cô trong một bùng sáng vinh quang. Hào quang, khi được rút ngắn lại trong tư thế này, trở nên cô đặc hơn và dễ dàng chịu sự điều khiển của ý chí trong các giai đoạn tiến triển của tham thiền.

Tương tự như vậy, tư thế ngồi co rúm cũng làm thay đổi hào quang. Trong tình huống nguy hiểm cực độ, chúng ta có xu hướng rất dễ tự nhiên rơi vào tư thế này. Thu mình thành một hình bầu dục nhỏ, với đầu gối kéo sát vào ngực và đầu chui vào dưới hai cánh tay gấp lại, không chỉ là một tư thế lý tưởng để áp dụng khi ngôi nhà sụp đổ trong một trận động đất hoặc vụ nổ hạt nhân, mà còn giúp tập trung hào quang thành một thể tích bảo vệ nhỏ trong khoảnh khắc nguy hiểm chớp nhoáng. Trong tư thế này, hào quang của chân và tay hoà trộn với thân và đầu, và lớp bảo vệ xung quanh toàn bộ cơ thể được gia cố thêm vài inch. Đây không phải là tư thế có thể duy trì quá lâu mà không gặp phải khó khăn về tuần hoàn. Kết quả tổng thể của việc hào quang tạm thời được tăng cường theo cách này là giúp chống lại, trong số những tác động khác, ảnh hưởng của sóng xung kích hoặc sóng nổ. Sóng xung kích thực chất là những chuyển động trên cõi dĩ thái chạy trước sóng âm phát ra từ địa điểm nổ. Sóng nổ có thể dễ dàng cắt đứt một chi nhô ra.

Những sóng xung kích này có thể di chuyển với vận tốc 17.000 dặm một giờ, bỏ xa tiếng động của vụ nổ, và chúng rất nguy hiểm đến tính mạng. Trong các cuộc oanh tạc ở Anh, đã có nhiều ca phẫu thuật anh dũng được thực hiện, và bệnh nhân dù sống sót qua ca mổ lại rơi vào tình trạng sốc và tử vong vì những nguyên nhân không rõ ràng, đôi khi liên quan đến thận. Những nghiên cứu sau này vẫn chưa hoàn toàn làm sáng tỏ nguyên nhân chính xác của những trường hợp mất bệnh nhân sau chấn thương như vậy. Câu trả lời sẽ được tìm thấy ở những tổn thương mà thể dĩ thái và hào

by the explosion.

Crouching positions are not new to Man. He used them frequently in his more natural environments such as in the act of defaecation and even in childbirth. The folded limbs not only reinforce contraction of the abdominal muscles in the former, but, in the pregnant mother, the uterine muscles as well.

It has been shown in experiments in Japan that animals subjected first to magnetic fields before exposure to harmful radiation, as might be anticipated in a nuclear war, survived in greater numbers and in better condition than those not magnetised. It should be remembered that the human aura itself is a magnetic phenomenon.

quang phải gánh chịu do tác động của các sóng dĩ thái được giải phóng bởi vụ nổ.

Tư thế ngồi co rúm không phải là điều gì mới mẻ đối với loài người. Con người từng sử dụng nó rất thường xuyên trong môi trường tự nhiên của mình, chẳng hạn như trong hành động đại tiện và thậm chí trong khi sinh nở. Các chi gấp lại không chỉ giúp tăng cường sự co bóp của các cơ bụng trong trường hợp đầu tiên, mà còn tăng cường các cơ tử cung ở người mẹ mang thai.

Các thí nghiệm tại Nhật Bản đã chỉ ra rằng các động vật được đặt vào từ trường trước khi tiếp xúc với bức xạ có hại, như có thể xảy ra trong một cuộc chiến tranh hạt nhân, đã sống sót với số lượng lớn hơn và tình trạng tốt hơn so với những động vật không được từ hóa. Cần nhớ rằng chính hào quang con người cũng là một hiện tượng từ tính.



Safeguarding the Aura—Bảo vệ hào quang

Man has always been concerned about the enhancing and the depleting of his aura and the safeguarding of it from attack. Some wise words, and a lot of nonsense, have been expressed on this subject.

There are certain simple physical postures that can be adopted to safeguard the aura and to enhance its radiance. The yogis call them asanas but we in the West need not go to such

Con người từ xưa đến nay luôn quan tâm đến việc tăng cường và làm suy giảm hào quang của mình cũng như bảo vệ hào quang khỏi sự tấn công. Một số lời khuyên khôn ngoan đã được đưa ra về chủ đề này, đồng thời cũng có rất nhiều điều vô nghĩa.

Có một số tư thế thể chất đơn giản có thể được áp dụng để bảo vệ hào quang và tăng cường sự rực rỡ của nó. Các đạo sĩ yoga gọi chúng là các tư thế asana, nhưng chúng ta ở phương Tây

determined lengths as tying our bodies into unseemly knots. We have mentioned elsewhere the importance of coordinating breathing with positive and negative thinking, but some of the following suggestions may be of additional help.

Never cross the legs or lock the feet at the ankles if you are hoping to be receptive to your higher Being. The legs should remain apart whenever possible and only in emergencies should close contact of the legs be made to the point of entwining them or locking them in any way. So powerful is the interplay between the right and left legs that if the right leg be, for instance, diseased in any way so that the patient is suffering from rheumatoid arthritis, gout, etc., in his right leg, the effect of bringing the left leg into close alignment it, i.e., touching the right leg, is to produce a discharge of energy from the inflamed right leg towards the left. This implies that inflammatory conditions positivises a limb so that it helplessly gives off its energies to anything around it, but more especially to a facsimile of itself which in this case would be the left leg.

People with heightened sensitivity can feel the torrent of energy from an inflamed limb to a healthy limb and it is registered as a burning and discomforting sensation. Sometimes it cannot be avoided and in these instances let the legs be separated at least by some layers of sheeting or blanket.

The upper limbs are rarely brought together except purposefully, but in meditation and other spiritual exercises the hands should not be in contact with each other, and certainly not in a state of grip. They should be placed loosely at the sides with the palms upturned and this is why the author recommends a

không cần phải đi đến mức cực đoan như uốn cơ thể mình thành những nút thắt khó coi. Ở nơi khác, chúng ta đã đề cập đến tầm quan trọng của việc phối hợp nhịp thở với tư duy tích cực và tiêu cực, nhưng một số gợi ý sau đây có thể mang lại sự hỗ trợ bổ sung.

Đừng bao giờ bắt chéo chân hoặc khóa mắt cá chân nếu bạn hy vọng đón nhận được ảnh hưởng từ Bản Thể cao hơn của mình. Khi có thể, chân nên để tách rời nhau, và chỉ trong những trường hợp khẩn cấp mới để hai chân tiếp xúc gần đến mức quấn vào nhau hoặc khóa lại theo bất kỳ cách nào. Sự tương tác giữa chân phải và chân trái mạnh mẽ đến mức, nếu chân phải, chẳng hạn, bị bệnh — người bệnh bị viêm khớp dạng thấp, bệnh gút, v.v. ở chân phải — thì việc đưa chân trái tiếp xúc gần với chân phải, tức là chạm vào chân phải, sẽ tạo ra một sự phóng thích năng lượng từ chân phải bị viêm sang chân trái. Điều này cho thấy rằng các tình trạng viêm nhiễm làm cho một chi trở nên tích cực đến mức nó bất lực phóng thích năng lượng của mình ra bất cứ thứ gì xung quanh, đặc biệt là tới một bản sao của chính nó — trong trường hợp này là chân trái.

Những người có độ nhạy cảm cao có thể cảm nhận được dòng năng lượng mạnh mẽ từ một chi bị viêm sang một chi khỏe mạnh và cảm nhận đó được ghi nhận như một cảm giác nóng rát và khó chịu. Đôi khi không thể tránh được việc tiếp xúc này, và trong những trường hợp đó, hãy để hai chân cách nhau ít nhất bằng vài lớp khăn trải giường hoặc chăn.

Các chi trên hiếm khi được đưa lại gần nhau trừ khi có chủ đích, nhưng trong lúc tham thiền và các thực hành tâm linh khác, hai bàn tay không nên chạm vào nhau, và tuyệt đối không nên nắm chặt. Tay nên được đặt lỏng lẻo hai bên người với lòng bàn tay ngửa lên, và đây là lý do tại sao tác giả khuyến nghị nên sử

comfortable club-easy for those who prefer it, or chairs with arm rails on which the hands can rest comfortably.

One can go further than this and direct energy from the palms of the hands into important areas. The ideal position is the palm of the right or left hand over the physical organ of the heart. It may take some time to achieve such a position when going to sleep or at rest, as it is not a natural application. Another important position is for either hand to be extended when lying on the side and for the thumb of the hand to be placed in the position of maximum extension on the skin in the region between the eyebrows or so-called sacred square inch. Pictures of ancient Egyptian dancers mirror this meditational device. The effect of positioning the thumb here is to draw off excessive energies from the Brow chakra during the heightened state of awareness which always occurs when the body goes into the sleep state and the vagus nerve is thus aroused.

Healers, especially, and those who prefer to go the furthest in their esoteric disciplines should always remember that the human physical vehicle is a living dynamo constantly in motion and always dealing with the negative and positive forces of vital energy.

dụng ghế bành thoải mái cho những ai thích, hoặc các loại ghế có tay vịn để tay có thể đặt lên một cách thoải mái.

Chúng ta còn có thể tiến xa hơn nữa bằng cách hướng năng lượng từ lòng bàn tay vào các khu vực quan trọng. Vị trí lý tưởng là đặt lòng bàn tay phải hoặc trái lên cơ quan vật lý của tim. Có thể cần một thời gian mới đạt được tư thế này khi đi ngủ hoặc lúc nghỉ ngơi, vì đây không phải là tư thế tự nhiên. Một vị trí quan trọng khác là khi nằm nghiêng, hãy duỗi thẳng một tay và đặt ngón cái của bàn tay đó ở vị trí duỗi tối đa lên vùng da giữa hai chân mày — nơi được gọi là "khoảng vuông thiêng liêng." Những bức tranh về các vũ công Ai Cập cổ đại phản ánh phương pháp tham thiền này. Hiệu quả của việc đặt ngón cái ở đây là rút bớt năng lượng dư thừa từ luân xa Ấn Đường trong trạng thái nhận thức cao độ luôn xảy ra khi cơ thể bước vào trạng thái ngủ và dây thần kinh phế vị được kích hoạt.

Đặc biệt, các nhà chữa bệnh và những ai mong muốn tiến xa nhất trong các kỷ luật nội môn nên luôn ghi nhớ rằng thể xác con người là một máy phát điện sống động, không ngừng vận động và luôn luôn xử lý các mảnh lực tiêu cực và tích cực của sinh lực.

Auric Significance of Water and Blood—Ý nghĩa hào quang của nước và máu

We have written of the ways in which the human aura interacts with its environment, but a special mention must be made of the subject of water. It is important to remember that Man's body is 70% water and water must possess very special properties that enable it to occupy such an important relationship with the aura. That water does have such properties our school physics books would

Chúng ta đã từng đề cập đến cách hào quang con người tương tác với môi trường xung quanh, nhưng một chủ đề đặc biệt cần được nói đến là nước. Điều quan trọng cần nhớ là cơ thể con người có 70% là nước, và nước chắc chắn sở hữu những đặc tính rất đặc biệt mới có thể đóng vai trò quan trọng như vậy đối với hào quang. Các sách vật lý phổ thông sẽ nhanh chóng cho chúng ta biết rằng nước thực sự có

soon tell us. Water has surface tension which enables small creatures to move around on its expanses; water has cohesiveness and contains latent heat. It also has the unique property of expanding when it freezes, thus enabling fishes to survive at the bottom of lakes when the surface has frozen over. It is also a universal solvent —no substance exposed to it will not dissolve, given sufficient time.

We are not surprised to hear that water stores great quantities of energy within its spaces. The crystal patterns in ice indicate the tendency of water, in all its states, to form lattice structures. In these lattices, even when water is liquid, energy is found. Water interpenetrates all the cells of the body and constantly diffuses into them. We have only to swallow a glass of water, and in a matter of only several minutes some of that water will have diffused into every cell. We have already seen that the aura also interpenetrates the body and the aura is a great body of luminous energies. Is it possible that some of the auric energies could be accepted into the spaces between water molecules and be stored there for the purposes of vitalising the tissues? All the evidence of the esoteric sciences, as well as the beliefs of religions like Christianity, propose this. Indeed, water can be blessed and blessing is merely the transfer of auric energies, purely and simply. Where is the energy of that blessing stored? It is stored in the watery nature of the body and in the aura itself.

During the 1960's, George de la Warr was experimenting in radionics at his laboratories at Oxford. He assembled an extraordinary camera which had the capacity to photograph what he called 'pre-physical structures'. These

những đặc tính này. Nước có sức căng bề mặt cho phép các sinh vật nhỏ di chuyển trên bề mặt của nó; nước có tính kết dính và chứa nhiệt tiềm ẩn. Nó cũng có đặc tính độc đáo là nở ra khi đóng băng, nhờ đó các loài cá có thể sống sót dưới đáy hồ khi bề mặt bị đóng băng. Ngoài ra, nước còn là một dung môi phổ quát — không có chất nào tiếp xúc với nước mà không bị hoà tan, chỉ cần đủ thời gian.

Vì vậy, chúng ta không ngạc nhiên khi biết rằng nước lưu trữ một lượng lớn năng lượng trong những khoảng không của nó. Các mẫu tinh thể trong băng cho thấy xu hướng của nước, trong mọi trạng thái của nó, là tạo thành những cấu trúc mạng lưới. Trong những mạng lưới này, ngay cả khi nước ở dạng lỏng, năng lượng cũng hiện diện. Nước thấm nhập vào tất cả các tế bào trong cơ thể và không ngừng khuếch tán vào bên trong chúng. Chúng ta chỉ cần uống một ly nước, và chỉ trong vài phút, một phần nước đó sẽ khuếch tán vào mọi tế bào. Chúng ta đã thấy rằng hào quang cũng thấm nhập cơ thể và hào quang là một khối năng lượng phát sáng vĩ đại. Có thể nào một phần năng lượng hào quang có thể được hấp thụ vào những khoảng không giữa các phân tử nước và được lưu trữ ở đó nhằm mục đích tiếp sinh lực cho các mô không? Tất cả các bằng chứng của khoa học huyền môn, cũng như niềm tin của các tôn giáo như Kitô giáo, đều đề xuất điều này. Thật vậy, nước có thể được ban phước, và việc ban phước chỉ đơn thuần là sự chuyển giao năng lượng hào quang. Năng lượng của lời ban phước đó được lưu trữ ở đâu? Nó được lưu trữ trong bản chất nước của cơ thể và trong chính hào quang.

Vào những năm 1960, George de la Warr đã tiến hành các thí nghiệm về ngành học radionics tại phòng thí nghiệm của ông ở Oxford. Ông đã lắp ráp một chiếc máy ảnh đặc biệt có khả năng chụp lại những gì ông gọi là

were formations in etheric, astral and mental matter. It occurred to him that water was highly variable in terms of its energy content. He set out to assess the different energy storages in tap water and in other structures like the water found in the fountains at Lourdes.

In photographing water, he discovered that it had a typical radiatory pattern and this was characteristic of the tap water at Oxford. He then had the water of Lourdes sent to him and when this was photographed, he found that there appeared to be additional energy associated with it. This showed as a clouded area intermingling with the sharp spikes of the normal radiatory pattern. He went further and photographed water which had been blessed by an Oxford clergyman. To his amazement, the energy pattern associated with the water had assumed a recognisable shape. This was a crucifix embedded among the spikes of the water's radiations. On consulting the clergyman who had done the blessing, he found that this was the image which the clergyman had visualised when he blessed the water. These experiments showed that Man can transfer energies to objects and that water is a grand acceptor of his auric materials.

Our blood is a living tissue. When it is removed from us in a transfusion, our auric forces still permeate it. The auric content of the blood retains its affinity with the aura of the host from whom it was taken. Changes in the aura of the host will continue to be reflected into the aura of his blood. If someone in the United States sends just a spot of his blood to a radionics expert here in Britain, it is possible from that spot of blood to make an analysis of the subject's state of health. This is really a radionic analysis of the 'pre-physical'

"cấu trúc tiền vật lý". Đây là những hình thành trong vật chất dĩ thái, cảm dục và thể trí. Ông nhận thấy rằng nước có sự biến đổi rất lớn về hàm lượng năng lượng của nó. Vì vậy, ông đã tiến hành đánh giá mức độ lưu trữ năng lượng khác nhau trong nước máy và trong các cấu trúc khác như nước từ các đài phun nước ở Lourdes.

Khi chụp hình nước, ông phát hiện rằng nước có một mẫu bức xạ điển hình và đây là đặc trưng của nước máy ở Oxford. Sau đó, ông cho chuyển nước từ Lourdes tới và khi chụp ảnh, ông thấy xuất hiện thêm năng lượng đi kèm với nó. Điều này biểu hiện dưới dạng một vùng mây mờ xen lẫn với những tia nhọn sắc nét của mẫu bức xạ thông thường. Ông tiến xa hơn nữa và chụp ảnh nước đã được một vị linh mục ở Oxford ban phước. Ngạc nhiên thay, mẫu năng lượng liên kết với nước đã mang hình dạng có thể nhận diện được. Đó là hình ảnh một cây thánh giá được nhúng trong các tia bức xạ của nước. Khi hỏi vị linh mục đã thực hiện nghi thức ban phước, ông biết được rằng đó chính là hình ảnh mà vị linh mục đã hình dung khi ban phước cho nước. Những thí nghiệm này cho thấy rằng con người có thể chuyển giao năng lượng vào các vật thể và nước là một "người" tiếp nhận tuyệt vời các chất liệu hào quang của con người.

Máu của chúng ta là một mô sống. Khi nó được lấy ra khỏi cơ thể trong một ca truyền máu, các lực lượng hào quang của chúng ta vẫn thấm nhuần trong đó. Thành phần hào quang của máu duy trì sự tương liên với hào quang của cơ thể chủ đã cho máu. Những thay đổi trong hào quang của cơ thể chủ sẽ tiếp tục phản ánh vào hào quang của máu đó. Nếu một ai đó ở Hoa Kỳ gửi chỉ một giọt máu của mình cho một chuyên gia radionics ở Anh, thì từ giọt máu đó, người ta có thể phân tích được tình trạng sức khỏe của người đó. Thực chất, đây là một phép

condition—the state of his subtle bodies —his astral, mental and etheric structures where the causes of most disorders are located. The analysis is made in terms of recognisable radionic patterns. The diagnosis may also be assessed by measuring, with a radionic diagnostic instrument, the degree of efficiency of the various organs ... all from the patient's bloodspot! It is then usual to place the bloodspot in a radionic transmitting box so that the blood specimen is irradiated with the appropriate rate of radionic energy for that diseased condition. The patient, thousands of miles away, is linked to the radionic instrument via his bloodspot, and will respond to what is done to that bloodspot! Now, these matters may not have any scientific rationale at this stage of human understanding, but they have evolved empirically out of the welter of Man's efforts to treat against disease.

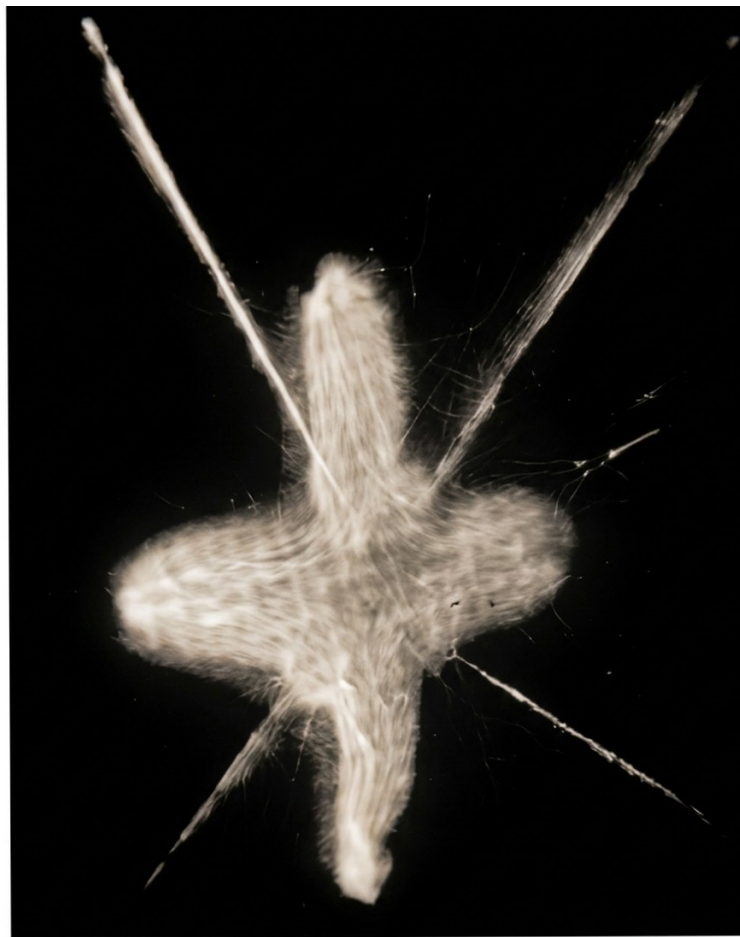
The medicine man of tribal states used similar devices. He took a witness of his patient, held it within his auric ring-pass-not and healed through it. In my own experiences of the Zulus, I have witnessed many strange events that confirm the principles of radionics. Sir Laurens van der Post, friend of the British Prime Minister and advisor to the Prince of Wales and the confidant of Carl Jung, has paid tribute to such forms of primitive medicine found amongst the tribes of Southern Africa and elsewhere. Zulus, for instance, believe that a snake exercises some sort of virulence over his own poison even when it has been injected into his unfortunate victim. They also believe that if the snake is killed, the virulence is reduced in the venom and the victim is more likely, then, to survive. Figure this out carefully and you will not find it very different from radionics mentioned above. I

phân tích radionics về tình trạng "tiền vật lý" — tức là trạng thái của các thể vi tế — thể cảm dục, thể trí và thể dĩ thái — nơi nguyên nhân của hầu hết các rối loạn được tìm thấy. Việc phân tích được thực hiện dựa trên các mẫu hình radionics có thể nhận diện được. Chuẩn đoán cũng có thể được đánh giá bằng cách đo, với thiết bị chuẩn đoán radionics, mức độ hiệu quả của các cơ quan khác nhau... tất cả chỉ từ một giọt máu của bệnh nhân! Sau đó, thông thường giọt máu này sẽ được đặt vào một hộp truyền radionics để mẫu máu được chiếu năng lượng radionics với tần số thích hợp cho tình trạng bệnh đó. Bệnh nhân, dù ở cách xa hàng ngàn dặm, vẫn được liên kết với thiết bị radionics qua giọt máu của mình và sẽ phản ứng với những gì được thực hiện đối với giọt máu đó! Giờ đây, những vấn đề này có thể chưa có cơ sở khoa học hợp lý trong giai đoạn hiện tại của sự hiểu biết nhân loại, nhưng chúng đã được hình thành một cách thực nghiệm qua vô vàn nỗ lực của con người nhằm chống lại bệnh tật.

Thầy thuốc của các bộ tộc cũng đã sử dụng những phương pháp tương tự. Ông ta lấy một vật làm chứng liên quan đến bệnh nhân, giữ nó trong vòng giới hạn hào quang của mình và thực hiện việc chữa lành thông qua đó. Trong những trải nghiệm của riêng tôi với người Zulu, tôi đã chứng kiến nhiều sự việc kỳ lạ xác nhận các nguyên lý của radionics. Ngài Laurens van der Post, bạn thân của Thủ tướng Anh, cố vấn cho Thái tử xứ Wales và là người tâm giao của Carl Jung, đã từng ca ngợi những hình thức y học nguyên thủy như vậy được tìm thấy trong các bộ tộc Nam Phi và những nơi khác. Người Zulu, chẳng hạn, tin rằng con rắn vẫn giữ một loại độc lực nào đó đối với nọc độc của chính nó ngay cả khi nó đã tiêm vào nạn nhân xấu số. Họ cũng tin rằng nếu con rắn bị giết, độc lực trong nọc sẽ giảm và nạn nhân khi đó có khả năng sống sót cao hơn. Nếu bạn suy ngẫm kỹ về điều này, bạn sẽ thấy nó không

know this from experience. When I was a boy of ten, my younger brother was bitten by a puff adder in South Africa. My uncle killed the snake but my brother remained very ill despite the injection of a serum. A Zulu induna visited us at this time enquiring after my brother's condition. He asked about the snake, and on being told of its demise, he was absolutely confident that my brother would recover quickly, and he did.

khác mấy so với radionics đã được đề cập ở trên. Tôi biết điều này từ kinh nghiệm cá nhân. Khi tôi mười tuổi, em trai tôi bị một con rắn puff adder cắn ở Nam Phi. Bác tôi đã giết con rắn đó, nhưng em trai tôi vẫn bị bệnh rất nặng mặc dù đã được tiêm huyết thanh. Vào thời điểm đó, một vị induna người Zulu đã đến thăm gia đình tôi để hỏi thăm tình trạng của em trai tôi. Khi nghe kể rằng con rắn đã bị giết, ông tỏ ra hoàn toàn tin tưởng rằng em trai tôi sẽ nhanh chóng hồi phục — và đúng là em tôi đã hồi phục thật.



BỨC XẠ TỪ MẪU NƯỚC MÁY Oxford
sau nghi lễ chúc phúc của Rev. P.W. Eardley tại Oxford.

4. The Planetary Aura—Hào quang hành tinh

The aura of Man is part of the aura of the planet and the latter is a continuum that links all Mankind in one auric field. We are like leaves on a great tree, the common tree which is humanity. With the death of any human being, something of each of us is lost. When someone dies ... "Send not to ask for whom the bell tolls; it tolls for thee."—for part of you has died with him. Equally, with the birth of each infant we are ourselves restored in some measure. There is no action that we undertake that does not cause a ripple in the consciousness of all humanity.

In very ancient days, the continuum linking Mankind was very condensed. When someone in a primitive tribe was hurt and in pain, the whole tribe felt the repercussions of the event. Later, only sensitives felt these etheric or auric currents. There are still circumstances in which extra-sensitivity may prevail. In some forms of schizophrenia the sensitivity of the sufferer is wide open. He feels the agonies and the traumatic experiences of suffering humanity. He has no defense against this sensitivity. The genetic factors of his hereditary equipment have provided him with a physical body/instrument that cannot shut out the unwanted vibrations existing in the continuum that links all Mankind. The mental fabric of the continuum enables the transmission of impulses from the mind of one person to the mind of another, in what we term telepathy. The etheric parts of the continuum allow ectoplasm to form and for rods to be fashioned out of the ectoplasm so that objects may be moved at a distance in what we call telekinesis, or they may be drawn

Trường hào quang của con người là một phần của trường hào quang của hành tinh, và trường hào quang của hành tinh là một dòng liên tục kết nối toàn thể nhân loại trong một trường hào quang duy nhất. Chúng ta giống như những chiếc lá trên một cái cây vĩ đại, cái cây chung mà chúng ta gọi là nhân loại. Khi một con người qua đời, một phần nào đó của mỗi chúng ta cũng mất đi. Khi ai đó chết... "Đừng hỏi chuông đang ngân cho ai; nó ngân cho chính bạn."—vì một phần của bạn đã chết theo người ấy. Tương tự như vậy, với sự ra đời của mỗi đứa trẻ, bản thân chúng ta cũng được phục hồi phần nào. Không có hành động nào mà chúng ta thực hiện lại không tạo ra một gợn sóng trong tâm thức của toàn thể nhân loại.

Vào thời cổ đại rất xa xưa, dòng liên tục kết nối nhân loại rất đậm đặc. Khi một người trong bộ lạc nguyên thủy bị thương và đau đớn, toàn bộ bộ lạc đều cảm nhận được những ảnh hưởng dội lại của sự kiện đó. Về sau, chỉ những người nhạy cảm mới cảm nhận được những dòng chảy dĩ thái hoặc hào quang này. Tuy nhiên, vẫn còn những hoàn cảnh mà sự nhạy cảm vượt mức có thể xuất hiện. Trong một số dạng tâm thần phân liệt, sự nhạy cảm của người bệnh hoàn toàn rộng mở. Y cảm nhận những nỗi thống khổ và những trải nghiệm chấn thương của nhân loại đang đau khổ. Y không có khả năng tự vệ trước sự nhạy cảm này. Các yếu tố di truyền trong cấu trúc di truyền của y đã tạo cho y một thể xác/công cụ không thể ngăn chặn những rung động không mong muốn tồn tại trong dòng liên tục kết nối toàn thể nhân loại. Cấu trúc thể trí của dòng liên tục này cho phép sự truyền dẫn các xung lực từ tâm trí của một người đến tâm trí của người khác, điều mà chúng ta gọi là thần giao cách cảm. Các phần dĩ thái của dòng liên tục cho phép ectoplasm hình thành và các thanh năng

to the operator by invisible strands.

The planetary aura has a nurturing effect on all that live within it. Various animal and plant species are energised by the planetary aura, and it also acts as the medium through which the forces of instinct guide the species in their development and maintenance.

The Anima Mundi

The etheric body of Man is part of the etheric body of the planet. The ancients called this planetary aura the anima mundi. All plants, animals and minerals contribute their etheric bodies to this structure so that it forms a continuum in which we live and move and have our being. The energy passing through it, expressed by it, and stored in it, constitutes the planetary aura and we are sensitive to its presence, especially through our own aura. Earthquakes, tornadoes, and floods, thousands of miles away and not even measureable on the instruments in our area, still affect us via the anima mundi acting upon our auras.

The astral plane generates most of the emotional or astral energies in the planetary aura, and these astral currents are easily felt by the sensitive. When a person or even a whole tribe reincarnates, these astral currents still operate, though the instinctual forces of the planet are not now nearly so intense for Mankind as they once were, say, in the ancient

lượng được tạo ra từ ectoplasm, để các vật thể có thể được di chuyển từ xa trong hiện tượng mà chúng ta gọi là thần lực di chuyển vật thể, hoặc các vật thể có thể được kéo về phía người vận hành bằng những sợi dây vô hình.

Trường hào quang hành tinh có tác động nuôi dưỡng đối với tất cả những gì đang sống trong đó. Các loài động vật và thực vật khác nhau được tiếp sinh lực bởi trường hào quang hành tinh, và nó cũng đóng vai trò như môi trường trung gian qua đó các mãnh lực bản năng dẫn dắt các loài trong sự phát triển và duy trì của chúng.

Thể dĩ thái của con người là một phần của thể dĩ thái của hành tinh. Người xưa gọi trường hào quang hành tinh này là anima mundi. Tất cả thực vật, động vật và khoáng vật đều đóng góp thể dĩ thái của chúng vào cấu trúc này, để tạo thành một dòng liên tục mà trong đó chúng ta sống, chuyển động và tồn tại. Năng lượng lưu chuyển qua nó, được nó biểu lộ và lưu trữ trong nó, cấu thành trường hào quang hành tinh, và chúng ta nhạy cảm với sự hiện diện của nó, đặc biệt thông qua trường hào quang của chính mình. Các trận động đất, lở xoáy và lũ lụt, dù xảy ra ở cách xa hàng ngàn dặm và thậm chí không đo lường được bằng các thiết bị trong khu vực của chúng ta, vẫn ảnh hưởng đến chúng ta thông qua anima mundi tác động lên hào quang của chúng ta.

Cõi cảm dục tạo ra phần lớn các năng lượng cảm xúc hay cảm dục trong trường hào quang hành tinh, và các dòng cảm dục này dễ dàng được những người nhạy cảm cảm nhận. Khi một người hay thậm chí cả một bộ lạc tái sinh, những dòng cảm dục này vẫn còn hoạt động, mặc dù các mãnh lực bản năng của hành tinh bây giờ không còn mãnh liệt đối với nhân loại

civilisation of Lemuria. We may only be subject to the influences of astral currents in our dream state and, rarely, in waking consciousness. But there are still individuals—sometimes whole communities—which are influenced by forces operating out of the astral aura of the planet. A good example of this manifests in those who were once part of the Red Indian tribes of North America.

As we know, the Red Indian tribes died out very rapidly. This was not only because of the plundering of their lands, but, through what we might term 'spiritual natural selection,' the day of the Indian had come to an end. That race was part of the Second Sub-race of the Fifth Root Race and lived, accordingly, a picturesque existence in the style of hunter tribes. The Red Indian had also, of course, a strong tribal law and mythology to support him. One can, therefore, easily understand how his demise on the physical plane was not such a tragedy.

Red Indian chiefs, themselves initiates of the Ancient Wisdom, had a thorough understanding of the Astral World. For many centuries, whilst they were alive on the Earth and after their deaths while conscious in the Astral World, they had been preparing a section of the astral plane for the masses of Red Indians who would soon be discarnate. The Indian tribes, as they fell beneath the White man's guns, were led into "The happy hunting grounds" by their ancestors who met them in the Astral World upon their deaths. In one of the higher reaches of that plane, the tribes' elders had established a beautiful and secure haven which was constantly to admit the remnants of their race as it was wiped out. Only such a psychically advanced race could have performed such a feat. It would be

như xưa kia, chẳng hạn trong nền văn minh cổ đại Lemuria. Chúng ta có thể chỉ chịu ảnh hưởng của các dòng cảm dục này trong trạng thái mơ và, hiếm hoi, trong trạng thái tỉnh thức. Tuy nhiên, vẫn còn những cá nhân—thỉnh thoảng cả những cộng đồng—bị ảnh hưởng bởi các mãnh lực hoạt động từ trường hào quang cảm dục của hành tinh. Một ví dụ điển hình của điều này được thể hiện nơi những người từng thuộc về các bộ lạc Da Đỏ ở Bắc Mỹ.

Như chúng ta đã biết, các bộ lạc Da Đỏ đã suy tàn rất nhanh chóng. Điều này không chỉ do sự cướp đoạt đất đai của họ, mà còn bởi điều mà chúng ta có thể gọi là "sự chọn lọc tự nhiên về mặt tinh thần", ngày của người Da Đỏ đã đến hồi kết thúc. Giống dân này thuộc về Phân chủng thứ hai của Giống dân gốc thứ năm và vì thế, đã sống một cuộc đời đầy màu sắc theo kiểu bộ lạc săn bắn. Dĩ nhiên, người Da Đỏ cũng có một hệ thống luật lệ bộ lạc và thần thoại mạnh mẽ để hỗ trợ họ. Do đó, người ta có thể dễ dàng hiểu rằng sự diệt vong của họ trên cõi trần không phải là một thảm kịch quá lớn.

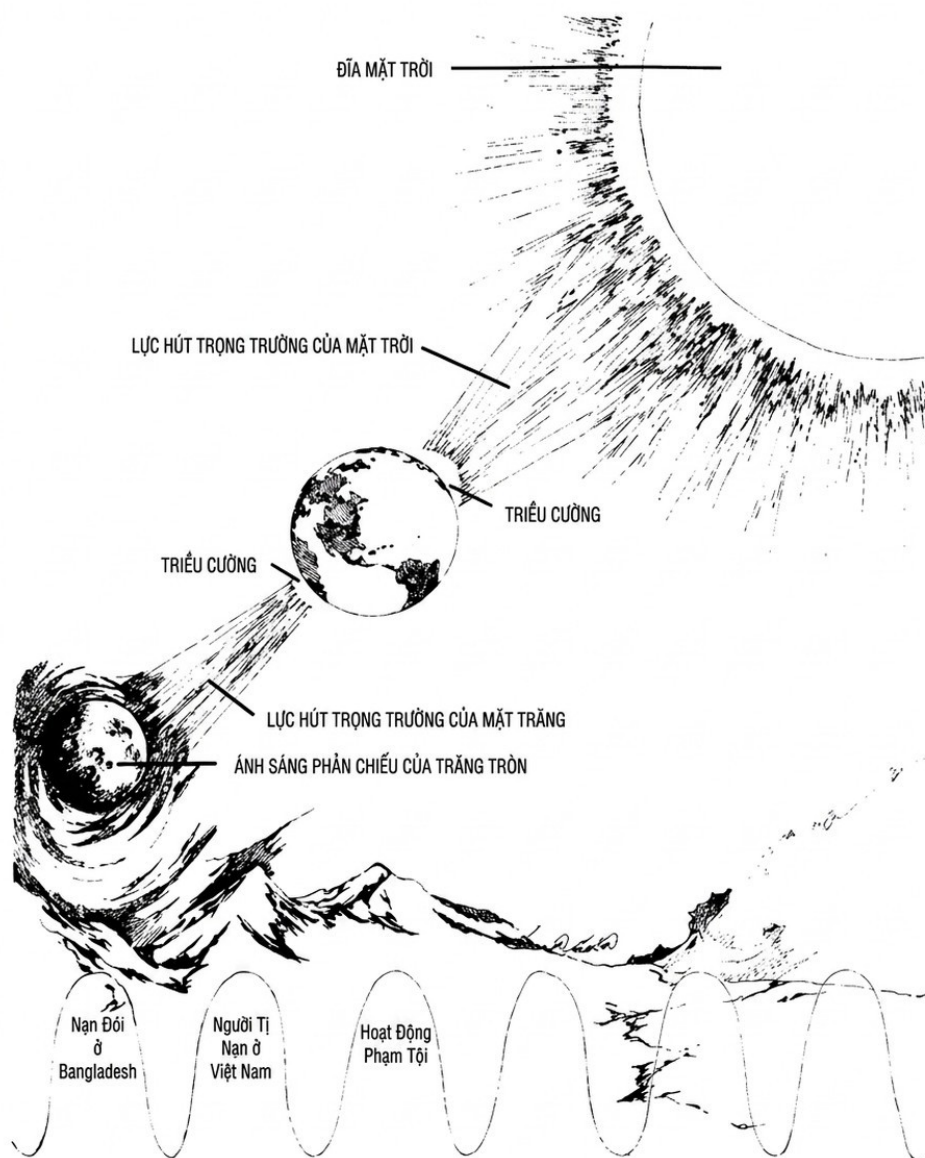
Các thủ lĩnh Da Đỏ, vốn là những điểm đạo đồ của Minh Triết Ngàn Đời, đã có một sự hiểu biết thấu đáo về Cõi Cảm Dục. Trong nhiều thế kỷ, khi còn sống trên Trái đất và sau khi chết trong trạng thái ý thức tại Cõi Cảm Dục, họ đã chuẩn bị một khu vực của cõi này dành cho số đông người Da Đỏ sẽ sớm rời bỏ xác phàm. Các bộ lạc Da Đỏ, khi ngã xuống dưới họng súng của người da trắng, đã được tổ tiên của họ đón tiếp tại Cõi Cảm Dục ngay khi họ từ trần, và dẫn họ vào "vùng đất săn bắn hạnh phúc." Tại một trong những tầng cao hơn của cõi này, các trưởng lão của bộ lạc đã thiết lập một nơi trú ẩn xinh đẹp và an toàn, không ngừng đón nhận những tàn dư của giống dân họ khi nó bị tiêu diệt. Chỉ có một giống dân tiến bộ về mặt tâm linh mới có thể thực hiện được một kỳ công như vậy. Hiện nay, Phân chủng thứ năm,

impossible for the Fifth Sub-race, in its present state of objectivity, to secure the same sort of retreat in the after-life for its own sons. Only when the leaders of a race are capable of great introspection and subjective activities like meditation and contemplation, can they construct in the Astral World in such generous proportions. It may well be that this sort of task would have to be embarked upon by frontiersmen of the new Age that lies ahead of us if, for instance, nuclear calamities were inevitable and large numbers dying in a nuclear war infused the Astral World.*

* For details, see my pamphlet *Life After Death In A Nuclear War*.

trong tình trạng khách quan hiện tại, không thể thiết lập được một nơi trú ẩn tương tự trong đời sống hậu tử cho con cái mình. Chỉ khi nào các nhà lãnh đạo của một giống dân có khả năng tự nội quan sâu sắc và tham gia vào các hoạt động chủ quan như tham thiền và chiêm niệm, thì họ mới có thể xây dựng được những công trình to lớn như vậy trong Cõi Cảm Dục. Có thể rằng kiểu nhiệm vụ này sẽ cần được thực hiện bởi những người tiên phong của Kỷ nguyên mới đang ở phía trước chúng ta, nếu, chẳng hạn, các thảm họa hạt nhân là điều không thể tránh khỏi và số lượng lớn người chết trong một cuộc chiến tranh hạt nhân tràn ngập Cõi Cảm Dục².

² Chi tiết xem tập văn ngắn *Đời sống sau chết trong một trận chiến tranh nguyên tử*



CHU KỲ TRĂNG TRÒN

Many of the youngsters in our society today known as 'skinheads' are reincarnations of the dead Indian tribes. In general, the souls of these Red Indians refused to incarnate in American bodies on their return to the Earth. Instead, they took on the nearest appropriate Ray 'types'. These were the bodies of the inhabitants of the British Isles. Their presence amongst us today demands great sympathy and understanding as they adapt themselves

Nhiều thanh niên trong xã hội chúng ta ngày nay, được gọi là "skinheads," là sự tái sinh của các bộ lạc Da Đỏ đã chết. Nói chung, các linh hồn của những người Da Đỏ này đã từ chối đầu thai vào các thể xác người Mỹ khi họ trở lại trần gian. Thay vào đó, họ đã chọn những loại thể xác gần gũi và thích hợp nhất theo loại Cung, đó là thể xác của cư dân Quần đảo Anh. Sự hiện diện của họ giữa chúng ta ngày nay đòi hỏi lòng cảm thông và sự thấu hiểu lớn lao, khi

to the inhabiting of a new race. These young people are still profoundly influenced through their auras by astral currents flowing from 'the happy hunting grounds'.

họ đang thích nghi với việc cư trú trong một giống dân mới. Những người trẻ tuổi này vẫn còn chịu ảnh hưởng sâu sắc, thông qua hào quang của họ, bởi các dòng cảm dục chảy ra từ "vùng đất săn bắn hạnh phúc."

Receptivity of the Planetary Aura—Khả năng tiếp nhận của hào quang hành tinh

There are times when the vortex of the planetary aura is wide open and extra-planetary energies are admitted in large amounts. Most often these periods are cyclic, as when the sun is in the sign of Leo, and at every full moon or the cycle of 28 days. But there are isolated episodes in the earth's time span when the admission of energies occurs, e.g., during electric storms, and there may be hundreds of these minute planetary sub-episodes going on at any one moment; or through that artificial device we call nuclear fission as well as during nuclear fusion.

The admission of the most spiritual energies into the planetary aura can be enhanced at the time of the full moon by groups of people meditating at this time, be they ever so spread out over the planet.

It has often been argued that both sides in the last World War used astrology at some time or the other to secure advantage in the conflict. Be that as it may, the allies frequently attacked or initiated an offensive at the full moon. British forces particularly liked night attacks and used the phases of the moon to make them more effective. Thus, an advancing patrol could use the setting moon at night to locate that part of the enemy line they wished to attack. They could make the attack at moon-set so that darkness could conceal their withdrawal to their own lines. In larger

Có những thời điểm khi tâm lọc xoáy của trường hào quang hành tinh mở rộng hoàn toàn và các năng lượng ngoài hành tinh được thu nhận vào với số lượng lớn. Thường thì những thời kỳ này mang tính chu kỳ, như khi mặt trời nằm trong dấu hiệu Sư Tử và vào mỗi kỳ trăng tròn hay chu kỳ 28 ngày. Tuy nhiên, cũng có những sự kiện riêng lẻ trong khoảng thời gian của trái đất khi việc thu nhận năng lượng xảy ra, ví dụ như trong các cơn bão điện, và có thể có hàng trăm tiểu sự kiện hành tinh nhỏ bé như vậy đang diễn ra cùng lúc; hoặc thông qua thiết bị nhân tạo mà chúng ta gọi là sự phân hạch hạt nhân cũng như trong quá trình tổng hợp hạt nhân.

Việc thu nhận các năng lượng thiêng liêng nhất vào trường hào quang hành tinh có thể được tăng cường vào thời điểm trăng tròn bởi các nhóm người tham thiền vào thời gian này, dù họ có phân tán rộng khắp trên toàn cầu.

Người ta đã từng tranh luận rằng cả hai phe trong cuộc Chiến tranh Thế giới vừa qua đều đã sử dụng chiêm tinh học vào một thời điểm nào đó để tìm kiếm lợi thế trong cuộc xung đột. Dù sao đi nữa, phe Đồng Minh thường xuyên tấn công hoặc khởi sự các cuộc tấn công vào lúc trăng tròn. Quân đội Anh đặc biệt thích các cuộc tấn công ban đêm và sử dụng các pha của mặt trăng để làm cho chúng hiệu quả hơn. Do đó, một đội tuần tra tiến công có thể dùng ánh trăng sắp lặn vào ban đêm để định vị phần nào của chiến tuyến đối phương mà họ muốn tấn công. Họ có thể tiến hành cuộc tấn công vào

actions, the light of the full moon was secured throughout the night enabling transport to be brought right up to the trenches themselves without confusion. Very few esoteric people realise that the turning point of the war for the Allies was the Battle of El Alemain and that this attack was begun at the time of the full moon on the 23rd of October, 1942, when the whole Western Desert, with its gleaming white sands and patches of scrub, was lit up. Perhaps the inflood of extra-planetary forces at that time helped bring about the succeeding changes in the planetary aura and the fortunes of the war.

On reflection, it seems to me, present at that battle, that it could have been true. Many of us experienced an unfamiliar exhilaration at the commencement of the barrage at El Alemain that was not ever quite repeated thereafter during the last years of the conflict. Today the time of the full moon is chosen frequently by esoteric groups to initiate some new spiritual venture, thus ensuring that its birth is conceived at a time when the earth is bathed in more light, physical and spiritual, than at any other moment in the 28-day cycle of the moon's phases.

lúc trăng lặn để bóng tối che giấu sự rút lui của họ về chiến tuyến của mình. Trong những chiến dịch lớn hơn, ánh sáng của trăng tròn được duy trì suốt đêm, cho phép việc vận chuyển tiếp tế đến tận các chiến hào mà không bị hỗn loạn. Rất ít người huyền môn nhận ra rằng bước ngoặt của cuộc chiến đối với phe Đồng Minh chính là Trận El Alamein và rằng cuộc tấn công này bắt đầu vào lúc trăng tròn ngày 23 tháng 10 năm 1942, khi toàn bộ Sa mạc Tây, với những dải cát trắng lấp lánh và các mảng cây bụi, được chiếu sáng rực rỡ. Có lẽ, dòng năng lượng ngoài hành tinh đổ vào vào thời điểm đó đã góp phần mang lại những thay đổi tiếp theo trong trường hào quang hành tinh và vận mệnh của cuộc chiến.

Ngẫm lại, đối với tôi, người có mặt tại trận chiến đó, điều này dường như là có thật. Nhiều người trong chúng tôi đã trải nghiệm một cảm giác phấn khích lạ lẫm khi cuộc pháo kích tại El Alamein bắt đầu, một cảm giác chưa từng được lặp lại sau đó trong những năm cuối cùng của cuộc xung đột. Ngày nay, thời điểm trăng tròn thường được các nhóm huyền môn chọn để khởi xướng một số công cuộc tâm linh mới, qua đó bảo đảm rằng sự khai sinh của công cuộc đó diễn ra vào thời điểm mà trái đất được tắm trong nhiều ánh sáng—vật chất và thiêng liêng—hơn bất kỳ thời điểm nào khác trong chu kỳ 28 ngày của các pha trăng.

The Auric Influences of Buildings and Dwellings—Ảnh hưởng hào quang của các tòa nhà và nhà ở

Where a house is very old, it may exert a considerable influence upon its occupants through its aura. Living in a house creates an auric structure which permeates every part of it. With each new occupation the house will absorb more auric materials from its inhabitants, especially when these are linked to each other by consanguinity. Family

Khi một ngôi nhà đã rất cũ, nó có thể tác động đáng kể lên những người cư ngụ thông qua hào quang của nó. Việc sống trong một ngôi nhà tạo ra một cấu trúc hào quang thấm nhập vào từng phần của ngôi nhà đó. Với mỗi lần có người mới dọn vào ở, ngôi nhà sẽ hấp thụ thêm các chất liệu hào quang từ cư dân của nó, đặc biệt khi những người này có quan hệ huyết

traditions, beliefs, secrets, history, sorrows and joys, add to the interpenetrating auric atmosphere of such a dwelling. The auric matrix of the place becomes so finite that even after the house has been demolished, its shell persists at astral levels. From the astral plane it is possible to see the house long after its physical timbers, bricks and mortar have been dispersed.

Sensitives occupying the house in our own day and age pick up the influences of earlier occupants and those of their times. This may be accompanied by the phenomenon of psychometry, when through some object held in the hands of a sensitive the events of an earlier age may surface in his consciousness. In the U.S.A., the author has met archeologists of great repute who have used sensitives in this way to discover ancient ruins buried at deep levels. There is no scientific explanation for these phenomena and their basic processes must depend on auric materials and forces.

These auric influences may be cyclic. Thus, an overwhelming sense of grief may be felt at a time of the year which coincides with the acting out of a tragedy on the site in earlier times. Grief is especially an affect that enables these phenomena to occur, i.e., grief rather than, say, excitement or joy.

How often do we not experience such matters in our everyday existence? Have you not visited some dwelling and felt, as you walked into a room, the loving atmosphere of the place, the inviting energies there, contributed to by the occupants or even by the house itself? And by contrast have you not, on

thống với nhau. Các truyền thống gia đình, tín ngưỡng, bí mật, lịch sử, những nỗi buồn và niềm vui đều làm gia tăng bầu không khí hào quang thẩm nhập trong ngôi nhà như vậy. Khuôn mẫu hào quang của nơi ấy trở nên chặt chẽ đến mức ngay cả sau khi ngôi nhà bị phá dỡ, lớp vỏ của nó vẫn còn tồn tại ở các cấp độ cảm dục. Từ Cõi Cảm Dục, người ta vẫn có thể nhìn thấy ngôi nhà lâu sau khi các thanh gỗ, gạch và vữa vật lý của nó đã tan rã.

Những người nhạy cảm sống trong ngôi nhà vào thời đại của chúng ta có thể tiếp nhận ảnh hưởng từ những người cư ngụ trước đây và từ thời đại của họ. Điều này có thể đi kèm với hiện tượng cảm ứng tâm linh, khi thông qua một vật thể được cầm trên tay của một người nhạy cảm, các sự kiện của một thời đại trước có thể trôi lên trong ý thức của y. Tại Hoa Kỳ, tác giả đã gặp những nhà khảo cổ học nổi tiếng, những người đã sử dụng những người nhạy cảm theo cách này để khám phá các di tích cổ bị chôn vùi ở những tầng sâu. Không có lời giải thích khoa học nào cho các hiện tượng này và các quá trình cơ bản của chúng phải dựa trên các chất liệu và mãnh lực hào quang.

Những ảnh hưởng hào quang này có thể mang tính chu kỳ. Do đó, một cảm giác buồn thảm tràn ngập có thể được cảm nhận vào một thời điểm nào đó trong năm, trùng với thời gian một bi kịch đã từng diễn ra trên khu đất đó vào thời xưa. Nỗi buồn, đặc biệt, là một cảm xúc dễ dàng kích hoạt các hiện tượng này, tức là nỗi buồn hơn là, chẳng hạn, sự phấn khích hay niềm vui.

Trong đời sống hằng ngày, chúng ta có biết bao lần trải nghiệm những hiện tượng như vậy? Các bạn đã từng đến thăm một ngôi nhà nào đó và cảm nhận, khi bước vào một căn phòng, bầu không khí yêu thương của nơi ấy, những năng lượng mời gọi ở đó, được tạo nên bởi những người cư ngụ hoặc thậm chí bởi

occasion, felt a wall of hatred rise up to meet you when you entered a room? Lecturers, entertainers, politicians and other public figures often have to deal with such matters. From personal experience the author knows what it is like to have to lecture to an audience of complete strangers on way-out subjects. It is often hard going, winning the audience over. The hidden forces at play really constitute a sort of atmosphere contributed to by the lecturer and the audience. If the lecture is to be a success, then that atmosphere must be reconstructed into a harmonious unit in which the exchange of ideas can occur. If hostility is being generated, even by a small group in the room, the atmosphere becomes aurically clouded over and the exchange is made much more difficult. As one would expect, hostility manifested by young people—whose auras are highly unstable—can constitute a real problem.

The smoke-laden atmosphere of a public place inhibits the availability of prana. Speaking for himself, the author cannot lecture in such a smoke filled room. It is not a matter of moral objection to the smoking, but rather that he finds that in these circumstances his Alta Major or Jaw chakra, located between the angles of the jaws, does not function efficiently and makes the sounding of words increasingly difficult. For him, the absorption of adequate prana directly through the Jaw chakra is vital to his success as a lecturer.

chính ngôi nhà đó chưa? Và trái lại, các bạn đã bao giờ, vào một dịp nào đó, cảm nhận thấy một bức tường thù hận dâng lên đón mình khi bước vào một căn phòng chưa? Các diễn giả, nghệ sĩ, chính trị gia và các nhân vật công chúng khác thường xuyên phải đối mặt với những hiện tượng như vậy. Từ kinh nghiệm cá nhân, tác giả biết rõ cảm giác phải thuyết giảng trước một khán giả hoàn toàn xa lạ về những chủ đề "kỳ lạ" là như thế nào. Thường thì rất khó khăn để chiếm được cảm tình của khán giả. Những mãnh lực ẩn tàng đang vận hành thực sự tạo thành một kiểu bầu không khí, do cả diễn giả lẫn khán giả cùng đóng góp. Nếu bài thuyết giảng muốn thành công, thì bầu không khí đó phải được tái cấu trúc thành một đơn vị hài hòa trong đó sự trao đổi ý tưởng có thể diễn ra. Nếu sự thù địch đang được tạo ra, ngay cả chỉ bởi một nhóm nhỏ trong phòng, thì bầu không khí sẽ trở nên bị che phủ bởi hào quang và sự trao đổi sẽ trở nên khó khăn hơn nhiều. Như các bạn có thể dự đoán, sự thù địch được biểu lộ bởi những người trẻ tuổi—những người có hào quang rất bất ổn—có thể gây ra một vấn đề thực sự.

Bầu không khí đầy khói thuốc ở nơi công cộng làm cản trở khả năng hấp thụ prana. Nói về bản thân mình, tác giả không thể thuyết giảng trong một căn phòng đầy khói như vậy. Đây không phải là vấn đề về sự phản đối đạo đức đối với việc hút thuốc, mà là vì ông thấy rằng trong những hoàn cảnh đó, luân xa Alta Major hay luân xa Hàm, nằm giữa các góc hàm, không hoạt động hiệu quả và khiến cho việc phát âm từ ngữ trở nên ngày càng khó khăn. Đối với ông, việc hấp thụ đầy đủ prana trực tiếp qua luân xa Hàm là yếu tố then chốt cho sự thành công của ông với tư cách là một diễn giả.

Atmospheric Influences on the Aura—Khí quyển ảnh hưởng đến hào quang

Some people, especially those who are born with many planets in water signs, are sensitive to the presence of underground streams. If they sleep above one, they may feel extremely exhausted when they awaken in the morning. The stream, in its flowing, might have been carrying away energy from that individual's aura or reinforcing it to create unpleasant pressures in it. Moving the bed to another part of the house can bring instant relief. Others, perhaps with air signs placed significantly in the horoscope, are sensitive to atmospheric changes, and to winds. They feel, especially, through the action of ions playing upon their auras, great tension before a thunderstorm. Crime rates are much higher just before a storm breaks. The author remembers a period in his life some thirty years ago when- he was in retreat for three years, going through a phase of great sensitivity associated with prolonged meditation in which he picked up the movements of winds in his aura. He was placed, at that time, on the southernmost tip of Africa where the two great oceans meet. Here, the warm waters of the Indian Ocean and the freezing waters of the Atlantic merge, creating around the Cape of Good Hope strange weather patterns at the physical level and even stranger ones in the anima mundi of the planet in this region.

On one memorable occasion, icy winds blew out of the south pole and shrieked around the house. Sometimes, perhaps when electricity from the south pole was discharged into them, he could literally feel the winds passing through the house, or at least the electrical part of them. It was a most painful sensation

Một số người, đặc biệt là những người sinh ra với nhiều hành tinh nằm trong các dấu hiệu hành thủy, rất nhạy cảm với sự hiện diện của các dòng nước ngầm. Nếu họ ngủ phía trên một dòng nước như vậy, họ có thể cảm thấy vô cùng kiệt sức khi thức dậy vào buổi sáng. Dòng nước, khi lưu chuyển, có thể đã cuốn trôi năng lượng ra khỏi hào quang của người đó hoặc gia tăng năng lượng một cách bất thường, tạo ra áp lực khó chịu trong hào quang của họ. Việc di chuyển giường ngủ sang một khu vực khác trong ngôi nhà có thể mang lại sự nhẹ nhõm ngay lập tức. Những người khác, có thể với các dấu hiệu hành khí nổi bật trong lá số chiêm tinh của họ, lại nhạy cảm với những thay đổi của khí quyển và với các luồng gió. Họ cảm nhận được, đặc biệt thông qua tác động của các ion lên hào quang của mình, sự căng thẳng lớn trước một cơn giông. Tỷ lệ tội phạm thường cao hơn nhiều ngay trước khi một cơn bão bùng nổ. Tác giả nhớ lại một giai đoạn trong đời mình cách đây khoảng ba mươi năm, khi ông đang trong thời kỳ nhập thất ba năm, trải qua một giai đoạn cực kỳ nhạy cảm liên quan đến quá trình tham thiền kéo dài, trong đó ông cảm nhận được sự chuyển động của gió trong hào quang của mình. Khi ấy, ông đang ở tại mũi cực nam của châu Phi, nơi hai đại dương vĩ đại gặp nhau. Tại đây, làn nước ấm của Ấn Độ Dương và làn nước lạnh buốt của Đại Tây Dương hợp nhất, tạo ra những mô hình thời tiết kỳ lạ ở cấp độ vật lý và những mô hình còn kỳ lạ hơn nữa trong anima mundi của hành tinh ở khu vực này.

Vào một dịp đáng nhớ, những cơn gió lạnh buốt thổi ra từ Nam Cực và gào rú quanh ngôi nhà. Đôi khi, có lẽ khi điện từ Nam Cực được phóng thích vào trong những cơn gió này, ông có thể thực sự cảm nhận được các cơn gió đi xuyên qua ngôi nhà, hoặc ít nhất là phần điện của chúng. Đó là một cảm giác vô cùng đau

and it helped bring home to me the esoteric truth that this planet is a sentient, living being on which we are each of us a living part. In those painful moments, I was sharing His consciousness and it was through my own aura.

đón, và nó đã giúp tôi thấu hiểu chân lý huyền môn rằng hành tinh này là một thực thể có cảm thức, một sinh thể sống động mà trong đó mỗi chúng ta là một phần sống động. Trong những khoảnh khắc đau đớn đó, tôi đang chia sẻ tâm thức của Ngài và điều đó xảy ra thông qua chính hào quang của tôi.

The Collective Aura at Christmas—Hào quang tập thể vào Giáng sinh

At the time of Christmas celebrations abound and the period is supposed to have a deeply religious significance. Indeed, the power still remaining with the Christian Church is able to surface from the collective unconscious of mankind at that time more than at any other, and it does! However, Christmas has become an outlet not so much for the highest aspirations of the billions of Christians who have lived under that religious denomination during their many lives on earth over the last twenty centuries, but for the release of their inhibited vices, as well as for the violent karma which the Christian Church incurred throughout that same horrific period in human history.

At Christmas, except for notably few areas, the gathering aura of debauchery, drunkenness and gluttony slowly envelopes the towns and cities of "Christendom". Its treacle-like content entraps all, even those whose karma is relatively benign, and they are forced to share the enveloping murk. The process is given further impetus through the commercialisation of Christmas. The sickening appearance of the first trappings of Christmas in the shop windows as early as mid-November, shows that commerce and vested interests, irrespective of religious affinity, are prepared to get in on the act.

Vào thời điểm lễ Giáng Sinh, các lễ hội tràn ngập khắp nơi và thời kỳ này vốn được cho là mang ý nghĩa tôn giáo sâu sắc. Thật vậy, quyền năng vẫn còn tồn tại của Giáo hội Thiên Chúa giáo có thể trỗi dậy từ vô thức tập thể của nhân loại vào thời điểm đó nhiều hơn bất kỳ thời điểm nào khác, và thực sự đã trỗi dậy! Tuy nhiên, Giáng Sinh đã trở thành một phương tiện không phải chủ yếu để thể hiện những khát vọng cao cả của hàng tỷ tín đồ Thiên Chúa giáo từng sống dưới danh nghĩa tôn giáo này trong suốt hai mươi thế kỷ qua trên Trái đất, mà chủ yếu để giải phóng những thói tật bị dồn nén của họ, cũng như để phóng thích nghiệp quả bạo lực mà Giáo hội Thiên Chúa giáo đã gánh chịu trong cùng thời kỳ kinh hoàng đó của lịch sử nhân loại.

Vào dịp Giáng Sinh, ngoại trừ một số ít khu vực nổi bật, trường hào quang tập thể của sự truy lạc, say sưa và tham ăn từ từ bao phủ các thị trấn và thành phố thuộc "Thế giới Thiên Chúa giáo". Nội dung đặc sệt như mật của nó giam hãm tất cả mọi người, ngay cả những người có nghiệp tương đối hiền lành, buộc họ phải chia sẻ bầu không khí u ám đang bao trùm. Quá trình này được thúc đẩy thêm bởi việc thương mại hóa lễ Giáng Sinh. Việc các vật phẩm trang trí Giáng Sinh bắt đầu xuất hiện trong các cửa sổ của hàng ngay từ giữa tháng Mười Một cho thấy rằng thương mại và các lợi ích cục bộ, bất chấp sự gán bó tôn giáo, đều sẵn sàng tham gia vào cuộc hỗn loạn này.

For those who are anxious not to become further drawn into the annual auric melee of Christmas, it is a difficult time. They must either join in and put on a show of compliance or risk the disgust of those around them intent on the debasement of the aura of humanity. They should withdraw to some quiet place, preferably with others who are not prepared to repeat the annual degradation of the Christ force. The drunkenness, greed and lechery of the present Christmas festival has begun to alarm those who are something more than grown-up children. Attempts just to curb drunken driving on the roads have become more determined and it is encouraging to observe that under this umbrella, young people have been the first to respond.

However, the cause of this perennial problem remains in the karma of the Christian churches and until that is reduced the extrusions and hemorrhages of it—showing as bombing of shopping areas and as drunkenness in all forms—will continue to show at Christmas time. Those readers who have astrological interests should note that Christmas falls in the sign of Capricorn whose ruler is Saturn, the planet of sorrow and suffering and of long-standing karma.

It is a pity that the whole mess of it all is perpetuated through the initiation of children into its processes from the earliest age. This deliberate propagation of it in children begins with lies and deliberate deceit and later, after adolescence, in licence to defile the human physical body which is the home within each one of us where the light of the Christ force, the Buddhist part of the planetary aura, is ensconced.

Đối với những người mong muốn không bị lôi cuốn thêm vào cuộc hỗn chiến hào quang hằng năm của Giáng Sinh, đây là một thời gian khó khăn. Họ hoặc phải tham gia và tỏ ra tuân thủ, hoặc phải đối mặt với sự ghê tởm từ những người xung quanh đang mải mê làm hoen ố hào quang của nhân loại. Họ nên rút lui đến một nơi yên tĩnh, tốt nhất là cùng với những người khác cũng không sẵn lòng lặp lại sự suy đồi hằng năm của mãnh lực Christ. Sự say sưa, lòng tham và sự truy lạc của lễ hội Giáng Sinh hiện nay đã bắt đầu làm những người có tâm thức trưởng thành hơn lo ngại. Những nỗ lực nhằm kiểm chế việc say xỉn khi lái xe trên đường ngày càng trở nên quyết liệt hơn, và thật đáng khích lệ khi thấy rằng dưới bầu không khí đó, giới trẻ đã là những người đầu tiên đáp ứng.

Tuy nhiên, nguyên nhân gốc rễ của vấn đề triển miên này vẫn nằm trong nghiệp quả của các giáo hội Thiên Chúa giáo, và cho đến khi nghiệp đó được giảm bớt, thì các sự phóng xuất và xuất huyết của nó—biểu lộ qua những vụ đánh bom các khu vực mua sắm và qua mọi hình thức say sưa—sẽ tiếp tục xuất hiện vào dịp Giáng Sinh. Những độc giả có quan tâm đến chiêm tinh học nên lưu ý rằng Giáng Sinh rơi vào dấu hiệu Ma Kết, hành tinh chủ quản là Thổ tinh, hành tinh của nỗi buồn, đau khổ và nghiệp quả kéo dài.

Thật đáng tiếc rằng toàn bộ mớ hỗn độn này lại được duy trì thông qua việc khởi đầu cho trẻ em tham gia vào các quá trình đó ngay từ khi còn rất nhỏ. Việc cố ý truyền bá tập tục này nơi trẻ em bắt đầu bằng những lời nói dối và sự lừa dối có chủ ý, và sau đó, khi bước vào tuổi thiếu niên, là việc buông thả xúc phạm thể xác con người—ngôi nhà bên trong mỗi chúng ta, nơi ánh sáng của mãnh lực Christ, phần Phật trong trường hào quang hành tinh, ngự trị.

The Effectiveness of the Aura—Hiệu quả của hào quang

Your own aura should be the instrument through which you can become more effective and in the subtlest ways. A friend of mine dotes on cats and lives in a modest house in a countryside where rabbits plagued all and sundry. He was warned when he moved in that rabbits would consume everything in his garden—flowers and all. The warning came from a neighbour with a large estate. He was a hunting man and kept several dogs. Despite the constant bark of his keeper's guns and the baying of his dogs, the rabbits pestered the estate beyond endurance. Not so with my friend. He is no huntsman. On the contrary, he has a great affinity with the animal kingdom. His cats flourish, well-fed by him, and the rabbits have never been a problem. They withdrew to their warrens on the side of a bank and were left there in peace. The refusal of an occasional meal by one of the cats or an overly contented smile of another with an engorged belly, are the only signs that the rabbit world has occasionally intruded into the serene domain where four cats live in complete accord with their human master's aura.

Chính hào quang của các bạn nên là công cụ giúp các bạn trở nên hiệu quả hơn theo những cách vi tế nhất. Một người bạn của tôi rất yêu mèo và sống trong một ngôi nhà khiêm tốn ở vùng nông thôn, nơi thỏ hoành hành khắp nơi. Khi anh ấy mới chuyển đến, một người hàng xóm có một trang trại lớn đã cảnh báo rằng thỏ sẽ ăn sạch mọi thứ trong vườn của anh ấy—kể cả hoa. Người hàng xóm đó là một thợ săn, nuôi nhiều chó săn. Mặc cho tiếng súng không ngừng của người quản lý và tiếng tru của đàn chó, lũ thỏ vẫn quấy phá trang trại không chịu nổi. Nhưng với người bạn của tôi thì không. Anh ấy không phải là thợ săn. Trái lại, anh có mối giao cảm sâu sắc với vương quốc động vật. Những con mèo của anh phát triển khỏe mạnh, được anh cho ăn đầy đủ, và lũ thỏ chưa bao giờ gây ra vấn đề gì. Chúng rút lui về các hang trên triền đồi và được để yên ở đó. Việc một con mèo thỉnh thoảng từ chối một bữa ăn, hoặc một nụ cười mãn nguyện của con khác với chiếc bụng no tròn, là những dấu hiệu duy nhất cho thấy thế giới thỏ đôi khi đã xâm nhập vào lãnh địa thanh bình, nơi bốn con mèo sống trong sự hoà hợp trọn vẹn với hào quang của người chủ nhân loại của chúng.

Part Two—The Creative Aura
Phần thứ hai —Hào quang sáng tạo

5. Reconstruction of the Aura—Tái cấu trúc hào quang

The Spiritual Nature of the Aura—Bản chất tâm linh của hào quang

The aura is an electromagnetic phenomenon arising from the interplay and interaction of an electromagnetic force located deep in the core of the planet we live on and of which we are a part; and another electromagnetic force, more positive than the first, emanating from the Heart of the Sun, of which each human being is also a part. We might, if we were oriented towards Christian thinking, refer loosely to the part of Man energised by the core of our planet, as “The Holy Ghost”. Equally, we could refer to that phenomenon of Man’s being which stems primarily from the Heart of the Sun as the “Son” aspect. When these two forces interact, they permit the evolution of a form.

When the whole evolution of life on this planet is reviewed, we find that it is dominated by the preponderancy of “The Holy Ghost,” until the stage of Man is reached. With the advent of Man, and the installation of a solar deva within him, the position is changed, and this glorious entity, a manifestation of “The Son,” unites with the Holy Ghost of the man, and thereafter emphasis is no longer upon the third aspect of the trinity in Man but upon the second.

When Man is sufficiently integrated as a personality and the forces flowing from the core of the planet are adequately blended with the Solar Fire of his second aspect, he undergoes a baptism by fire. He is reborn when this Spiritual Fire descends on him and progressively expresses itself, in an orderly fashion, through him. This fire is the “Father” aspect of the trinity and has its source in the Centre of the Sun. The meeting of these three Fires is in the three etheric tracts of Ida,

Hào quang là một hiện tượng điện từ phát sinh từ sự tác động và tương tác lẫn nhau của một lực điện từ nằm sâu trong lõi của hành tinh mà chúng ta đang sống và chúng ta là một phần trong đó; và một lực điện từ khác, tích cực hơn lực đầu tiên, phát ra từ Trái tim của Mặt trời, mà mỗi con người cũng là một phần trong đó. Nếu chúng ta hướng về tư duy Cơ đốc giáo, chúng ta có thể đề cập một cách lỏng lẻo đến phần Con người được cung cấp năng lượng bởi cốt lõi của hành tinh chúng ta, với tên gọi “Đức Thánh Linh”. Tương tự, chúng ta có thể đề cập đến hiện tượng Con người hiện hữu chủ yếu bắt nguồn từ Tâm Mặt trời với tư cách là trạng thái “Con”. Khi hai lực này tương tác, chúng cho phép sự tiến hóa của một hình tướng.

Khi xem xét lại toàn bộ quá trình tiến hóa của sự sống trên hành tinh này, chúng ta thấy rằng nó bị chi phối bởi ưu thế của “Thánh Linh”, cho đến khi đạt đến giai đoạn Con người. Với sự xuất hiện của Con người và sự sắp đặt của một thiên thần mặt trời bên trong con người, vị trí đã thay đổi và thực thể vinh quang này, một biểu hiện của “Con”, hợp nhất với Đức Thánh Linh của con người, và sau đó Phương Diện thứ ba không còn được nhấn mạnh nữa, mà là khía cạnh thứ hai.

Khi Con Người được hợp nhất đủ đầy như một phạm ngã và các mãnh lực tuôn ra từ lõi hành tinh được phối hợp đầy đủ với Lửa Thái Dương của khía cạnh thứ hai nơi y, y trải qua phép rửa bằng lửa. Y được tái sinh khi Ngọn Lửa Thiêng này giáng xuống y và tuần tự biểu hiện một cách có trật tự xuyên qua y. Ngọn lửa này là khía cạnh “Đức Cha” của tam nguyên và có nguồn gốc từ Trung Tâm của Mặt trời. Cuộc hội ngộ của ba Ngọn Lửa này diễn ra trong ba ống dẫn thái Ida, Sushumna và Pingala, trùng

Sushumna and Pingala which are coincidental with the spinal column. [hợp với cột sống.](#)

Some trinities may now be considered: [Một số bộ ba bây giờ có thể được xem xét:](#)

Father	Son	Holy Ghost
Spirit	Form	Matter
Power	Quality	Activity
Nucleus	Force Field	Electrons
Spiritual Fire	Solar Fire	Fire by Friction
Cha	Con	Chúa Thánh Thần
Tinh thần	Hình tượng	Vật chất
Quyền Năng	Phẩm Tính	Hoạt động
Nhân	Trường lực	Electrons
Lửa Tinh thần	Lửa Thái Dương	Lửa do ma sát

The aura is a result of the interplay of the elements of these trinities. It is the outpouring, spilling-over and effluence of any meeting place for these trinities in whatever form they may present—as atomic, plant, animal, Man or deva.

[Hào quang là kết quả của sự tác động qua lại giữa các yếu tố của những tam nguyên này. Nó là sự tuôn đổ, tràn ra và phát lưu của bất kỳ điểm hội tụ nào của các tam nguyên, dưới bất kỳ hình thức nào mà chúng có thể thể hiện—dù là nguyên tử, thực vật, động vật, Con Người hay thiên thần.](#)

The lower kingdoms carry relatively more of the planetary force called kundalini within them, the Holy Ghost aspect. But in spiritually advanced Man the second aspect, that of the Son, is more emphasised than the other two. In those who are highly advanced, the elect of humanity—the Nirmanakayas, the initiates and the saints—Spiritual Fire, the Father Aspect, is most emphasised. When this fire descends it is as the result of an arousal of the

[Các giới thấp mang tương đối nhiều mãnh lực hành tinh—được gọi là kundalini, tức khía cạnh Đức Thánh Linh—trong chúng. Nhưng nơi Con Người tiến bộ về mặt tâm linh, khía cạnh thứ hai, tức khía cạnh Con, được nhấn mạnh hơn hai khía cạnh còn lại. Ở những ai đã tiến hóa cao, tức những người được tuyển chọn của nhân loại—các vị Nirmanakaya, các điểm đạo đồ và các thánh nhân—Lửa Thiêng, tức khía cạnh Cha, được nhấn mạnh nhiều](#)

planetary fire of Kundalini, a female force that in turn calls down the male responses of Spiritual Fire from the Centre of the Sun.

This experience puts the initiate into a “state of grace”. He is united with the “All”, with the universal consciousness, and shares the power and omniscience of that Being. His aura is filled and floods into its surroundings, and may even be felt by the uninitiated around him. Then we hear the expression “my cup runneth over”, truly and correctly applied.

His subjective senses begin to function. In place of ordinary sight, he experiences inner vision. This may be occasioned by an intense interior illumination when the light of ten thousand suns is shed upon him. This inner illumination manifests as an omniscience in which all things are known. They may be ineffable, impossible to describe, so that the illumined one must needs remain silent.

In place of the sensation of touch, there is the experience of ecstasy which may also manifest as a sense of great power or omnipotence—a feeling that one is at the core of the universe, the hub of a great wheel that is turning the giant cogs of the galaxy. There is, thirdly, a sense of timelessness in which the past, the present and the future are an open book; the sense that all time can be encompassed, manipulated, advanced or retarded.

This superconsciousness is extremely rare and is usually accompanied by a great inrush of spiritual fire, an all-consuming fire that purifies and changes for all time the outlook

nhất. Khi ngọn lửa này giáng xuống, đó là kết quả của sự đánh thức ngọn lửa hành tinh Kundalini, một mãnh lực âm, vốn kêu gọi đáp ứng từ mãnh lực dương của Lửa Thiêng từ Trung Tâm của Mặt trời.

Kinh nghiệm này đưa điểm đạo đồ vào một “trạng thái ân sủng”. Y được hợp nhất với “Toàn Thể”, với tâm thức phổ quát, và chia sẻ quyền năng cũng như sự toàn tri của Đấng đó. Hào quang của y được lấp đầy và tuôn tràn ra môi trường xung quanh, và thậm chí có thể được cảm nhận bởi những người chưa được điểm đạo gần y. Khi ấy, chúng ta nghe thấy câu nói “chén ta đầy tràn”, được áp dụng một cách đúng đắn và chân thực.

Các giác quan nội tại của y bắt đầu vận hành. Thay cho thị giác thông thường, y trải nghiệm tầm nhìn nội tâm. Điều này có thể được gây nên bởi một sự soi sáng nội tâm mãnh liệt, khi ánh sáng của mười ngàn mặt trời chiếu rọi trên y. Sự soi sáng nội tâm này biểu lộ như một sự toàn tri trong đó mọi sự đều được biết đến. Những điều này có thể không thể diễn tả nổi, bất khả ngôn, đến mức người được soi sáng buộc phải giữ im lặng.

Thay cho xúc giác, có trải nghiệm về sự ngây ngất, điều này cũng có thể biểu lộ như một cảm giác về quyền năng vĩ đại hay toàn năng—một cảm giác rằng mình đang ở trung tâm của vũ trụ, tâm trục của một bánh xe vĩ đại đang vận hành những bánh răng khổng lồ của dải ngân hà. Thứ ba, có cảm giác về sự phi thời gian, trong đó quá khứ, hiện tại và tương lai trở thành một cuốn sách mở; một cảm giác rằng toàn bộ thời gian có thể được bao quát, thao tác, thúc đẩy hoặc trì hoãn.

Trạng thái siêu thức này cực kỳ hiếm hoi và thường đi kèm với một đợt tràn ngập vĩ đại của lửa thiêng, một ngọn lửa thiêu rụi tất cả, thanh luyện và vĩnh viễn thay đổi quan điểm và thái

and attitudes, and conveys such enduring beliefs in the certainty of one's immortality. The superconscious experience should be the outcome of the ordinary processes of evolution through countless incarnations and in many planetary systems, but it may also come through the practice of esoteric disciplines and the experiencing of resulting initiations.

The spiritual path requires a reconstruction of the aura to allow more of the invisible and celestial world to enter it. It does not exclude the world of matter altogether, attractive as that proposition may be to some over-enthusiastic aspirants. Far from it, as the author has repeated to his own students many times:

**“Not that we must live in this world less,
but in BOTH worlds MORE!”**

Man is composed of the essences of both worlds ... the Earth, Water, Air and Fire of all planes, material, astral and spiritual. Man is meant to express himself on all these planes, being a point of stimulus, elevation and psychosynthesis for all that surrounds him. It is through the aura that such influencing may be achieved consciously and unconsciously.

độ, và truyền tải những niềm tin bền vững vào sự chắc chắn của tính bất tử của chính mình. Trải nghiệm siêu thức là kết quả của tiến trình tiến hóa thông thường qua vô số kiếp lâm phạm và trong nhiều hệ thống hành tinh khác nhau, nhưng nó cũng có thể đến thông qua việc thực hành các kỷ luật huyền môn và kinh nghiệm các cuộc điểm đạo tương ứng.

Con đường tinh thần đòi hỏi phải tái cấu trúc hào quang để cho phép thế giới vô hình và thiên giới thấm nhập nhiều hơn vào nó. Điều này không có nghĩa là hoàn toàn loại trừ thế giới vật chất, mặc dù đối với một số người chí nguyện quá nhiệt thành, điều đó có vẻ hấp dẫn. Hoàn toàn không phải vậy, như tác giả đã nhiều lần nhắc nhở các học viên của mình:

“Không phải chúng ta phải sống trong thế giới này ít hơn, nhưng ở CẢ HAI thế giới NHIỀU HƠN!”

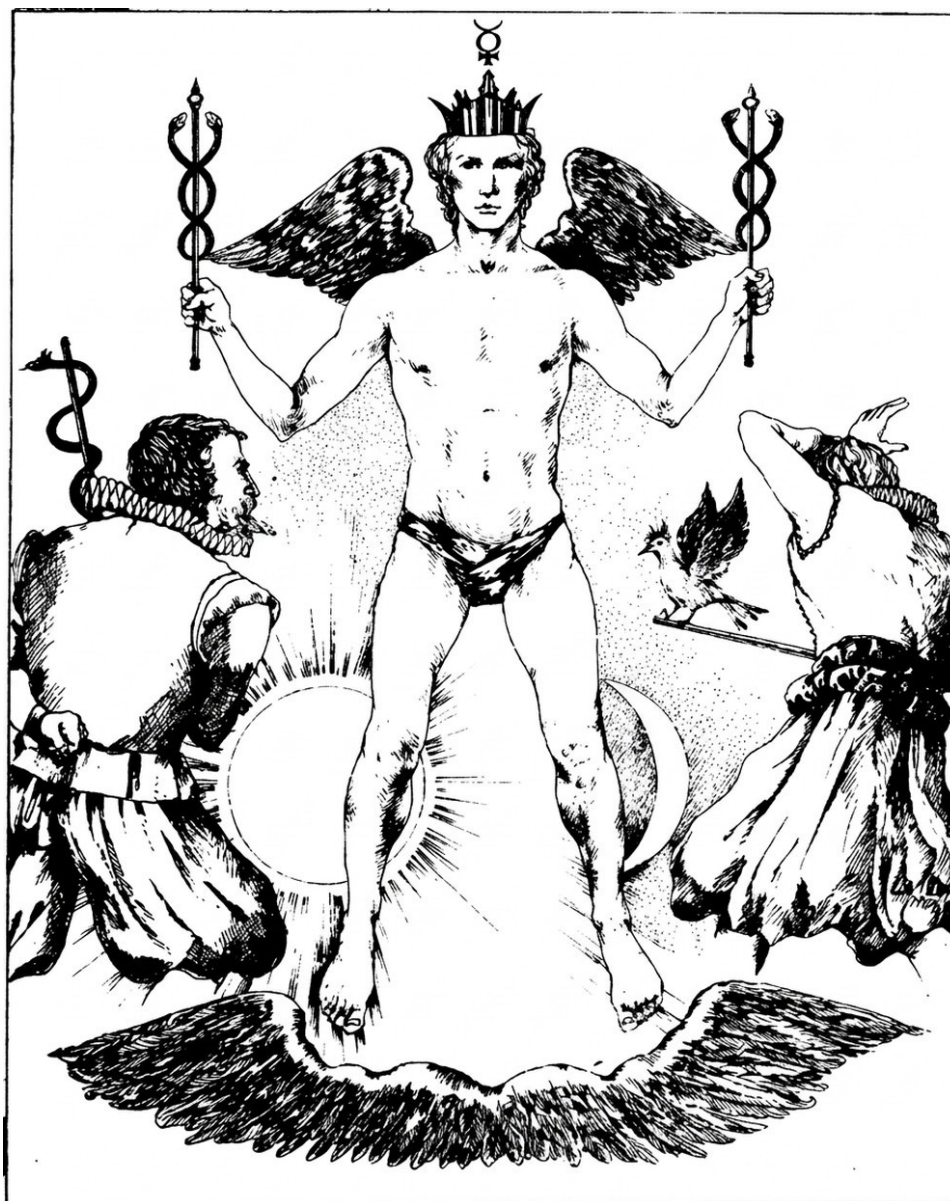
Con người bao gồm các tính chất của cả hai thế giới... Đất, Nước, Không khí và Lửa của tất cả các cõi, vật chất, cảm dục và tinh thần. Con người có nghĩa là thể hiện bản thân trên tất cả các cõi giới này, là điểm kích thích, nâng cao và tổng hợp tâm lý cho tất cả những gì xung quanh y. Chính nhờ hào quang mà ảnh hưởng như vậy có thể đạt được một cách có ý thức và vô thức.

“Man, as a whole, is a ‘fifth essence’ extracted from both worlds and wrought into one being. He has received wisdom, reason and the organic composition of his body from the Astrum, and flesh and blood from the elements. ‘Thus man is a fifth essence and microcosm and the son of the whole world.’ “*

* *PARACELSUS, An Introduction to Philosophical Medicine in the Era of the Renaissance*, by Walter Pagel, Published by Karger, Basel.

“Con người, nói chung, là một ‘bản chất thứ năm’ được chiết xuất từ cả hai thế giới và được tạo thành một bản thể. Y đã nhận được minh triết, lý trí và thành phần hữu cơ của cơ thể mình từ Astrum, thịt và máu từ các nguyên tố. ‘Vì vậy, con người là một bản chất thứ năm và là tiểu vũ trụ và là con của cả thế giới.’ “*

* *PARACELSUS, Giới thiệu về Y học Triết học trong Kỷ nguyên Phục hưng*, của Walter Pagel, Karger xuất bản, Basel.



The Aura and Spiritual Growth—Hào quang và sự phát triển tinh thần

Through the centuries there have emerged, again and again, the great spiritual leaders of mankind who have taught that there is a way of obtaining such extensions of consciousness as to enable one to pass into the subtle worlds that interpenetrate our planet or which lie just beyond its periphery. This involves the bringing into play of the 'silent' areas of the brain and a sharpening of etheric consciousness. Man, from the spiritual point of view, is barely awakened—he is a spiritual embryo, half-formed and awaiting further unfoldment. The spiritual leaders of the race have themselves undertaken certain disciplines to extend their own consciousness way beyond anything known to average Man except during rare states like waking dreams and anaesthesia. In themselves they have demonstrated what average Man could be like a million years from now, no longer needing the added faculties of television and radio, being quite able to look into the future and the past, into the distance and the atomic. Their spiritual progress has not been easily won. Any 'short-circuiting' of spiritual unfoldment is bound to be traumatic in some measure, as the symbolic life of the Master Jesus demonstrated. One such discipline that must be undertaken is the reconstruction of the human aura.

There are many ways in which this great task may be undertaken in full consciousness of effort. One might apply one's attention to the opening of the lotus-like structures which we have already referred to as 'chakras'. One might, through special breathing exercises,

Qua nhiều thế kỷ, hết lần này đến lần khác các nhà lãnh đạo tinh thần vĩ đại của nhân loại đã xuất hiện, những người đã dạy rằng có một cách để đạt được sự mở rộng tâm thức như vậy để cho phép một người đi vào các thế giới vi tế, vốn xuyên thấu hành tinh của chúng ta hoặc nằm ngay bên ngoài ngoại vi của nó. Điều này liên quan đến việc phát huy tác dụng của các khu vực 'im lặng' của não bộ và mài giũa tâm thức dĩ thái. Theo quan điểm tinh thần, con người hầu như chưa được đánh thức—anh ta là một phôi thai tinh thần, hình thành một nửa và đang chờ phát triển thêm. Bản thân các nhà lãnh đạo tinh thần của nhân loại đã thực hiện một số kỷ luật nhất định để mở rộng tâm thức của chính các Ngài vượt xa bất kỳ điều gì mà Con người bình thường biết đến, ngoại trừ trong những trạng thái hiếm hoi như giấc mộng tỉnh và trạng thái gây mê. Nơi chính bản thân các Ngài, các Ngài đã chứng tỏ một người bình thường có thể trở thành như thế nào trong một triệu năm nữa, không còn cần đến những khả năng phụ trợ của truyền hình và đài phát thanh nữa, hoàn toàn có khả năng nhìn thấu tương lai và quá khứ, nhìn thấu không gian xa xôi và thế giới nguyên tử. Sự tiến bộ tinh thần của các Ngài không dễ đạt được. Bất kỳ sự 'chập mạch' nào trong việc khai mở tinh thần chắc chắn sẽ gây tổn thương ở một mức độ nào đó, như cuộc đời biểu tượng của Chân sư esus đã chứng minh. Một trong những kỷ luật phải được thực hiện là tái tạo lại hào quang của con người.

Có nhiều cách để nhiệm vụ vĩ đại này có thể được thực hiện với tâm thức nỗ lực đầy đủ. Người ta có thể áp dụng sự chú ý của mình vào việc mở các cấu trúc giống như hoa sen mà chúng ta đã gọi là 'luân xa'. Người ta có thể, thông qua các bài tập thở đặc biệt, tiếp tục mở

further extend the lumens of the great spinal tracts Ida, Sushumna, and Pingala in order to allow freer passage for the prana in the etheric body. One might adopt postures which enhance the flows of energy to some areas of the aura and to inhibit their direction in other areas.

rộng lumen của các vùng cột sống lớn Ida, Sushumna và Pingala để cho phép prana đi qua cơ thể dĩ thái một cách tự do hơn. Người ta có thể áp dụng các tư thế giúp tăng cường các dòng năng lượng đến một số khu vực của hào quang và ngăn chặn hướng của chúng ở các khu vực khác.

The Personality is the Home of the Soul—Phạm ngã là ngôi nhà của linh hồn

Man's personality, including the three bodies—mental, emotional and physical—has often been likened to a house. This is a symbol acceptable to the soul who will often inform us as to the state of the personality in our dreams. We may have a waking dream in which cobwebs cover the windows of the house we are in. This is a suggestive dream conveyed by the soul to inform the lower self that its personality (the house) lacks clear vision or is in need of housekeeping (disciplining).

Phạm ngã của con người, bao gồm ba thể—trí tuệ, cảm dục và hồng trần—thường được ví như một ngôi nhà. Đây là một biểu tượng mà linh hồn chấp nhận, vốn thường xuyên cho chúng ta biết tình trạng của phạm ngã trong những giấc mơ của mình. Chúng ta có thể có một giấc mộng tỉnh, trong đó những mạng nhện phủ kín các cửa sổ của ngôi nhà mà ta đang ở. Đây là một giấc mơ gợi ý được linh hồn truyền đạt để báo cho phạm ngã thấp rằng phạm ngã của nó (ngôi nhà) thiếu sự sáng suốt hoặc đang cần dọn dẹp (kỷ luật hóa).

Now, one would not dream of reconstructing an old house without first clearing away the unneeded debris, old bricks, etc. When we reconstruct the aura, we must clear away much of the old material and introduce the new. The old aura is probably constructed around the three chakras below the diaphragm:

Giờ đây, người ta sẽ không bao giờ nghĩ đến việc tái thiết một ngôi nhà cũ mà không dọn sạch trước những mảnh vụn không cần thiết, gạch đá cũ, v.v... Khi chúng ta tái cấu trúc hào quang, chúng ta phải loại bỏ nhiều chất liệu cũ và đưa vào cái mới. Hào quang cũ có lẽ được xây dựng quanh ba luân xa bên dưới cơ hoành:

- a. The chakra at the Base of the Spine.
- b. The chakra overlying the Sacral area.
- c. The chakra at the Solar Plexus.

- a. Luân xa ở Gốc cột sống.
- b. Luân xa bao phủ vùng xương cụt.
- c. Luân xa tại đám rối thần kinh mặt trời.

In the etheric body, these three centres form a powerful triangle around which the average personality, with its usual drives, operates. The aura is appropriate to this basis and attracts into itself energies of a rather low vibratory order. When, however, Man begins

Trong thể dĩ thái, ba luân xa này tạo thành một tam giác mạnh mẽ mà quanh đó phạm ngã trung bình, với những thúc đẩy thông thường của nó, vận hành. Hào quang phù hợp với nền tảng này và thu hút vào nó những năng lượng thuộc trật rung động khá thấp.

to tread the path of unfoldment, he begins to open centres above the diaphragm and there forms a triangle of a much higher quality. Three of the chakras above the diaphragm are very receptive to the energies of the soul (as distinct from the personality):

Heart Chakra receptive to the energy of Buddhi.

Throat Chakra receptive to the energy of Manas.

Head Chakra receptive to the energy of Atma.

When Man treads the path of discipleship, the procedures undertaken make the aura receptive to these three energies which pour into the aura from the planes on which the soul dwells, the planes of Atma, Buddhi and Manas (see my work *The Jewel In The Lotus*). There, it is said, the soul exists as a sort of lotus bud in the process of opening. At first, the young soul with few lives on the earth has a lotus structure which is almost closed. There are nine petals in the lotus and these are arranged in three tiers each of three petals (see illustration opposite).

a. An outer tier of Knowledge Petals,

b. A middle layer of Love Petals and

c. An inner tier of Sacrifice Petals.

With each life on earth, the petals are faintly stirred into opening by appropriate experiences. For instance, a life given to the acquisition of knowledge, scholarship, etc., stirs the Knowledge petals and at the same time there is an insurging of energy which locates itself around the Throat centre of the auric field.

Tuy nhiên, khi con người bắt đầu bước đi trên con đường khai mở, y bắt đầu khai mở các luân xa bên trên cơ hoành và ở đó hình thành một tam giác có phẩm tính cao hơn nhiều. Ba trong số các luân xa trên cơ hoành rất dễ tiếp nhận năng lượng của linh hồn (khác biệt với phạm ngã):

Luân xa Tim tiếp nhận năng lượng của Bồ đề.

Luân xa Cổ họng tiếp nhận năng lượng của Manas.

Luân xa Đầu tiếp nhận năng lượng của Atma.

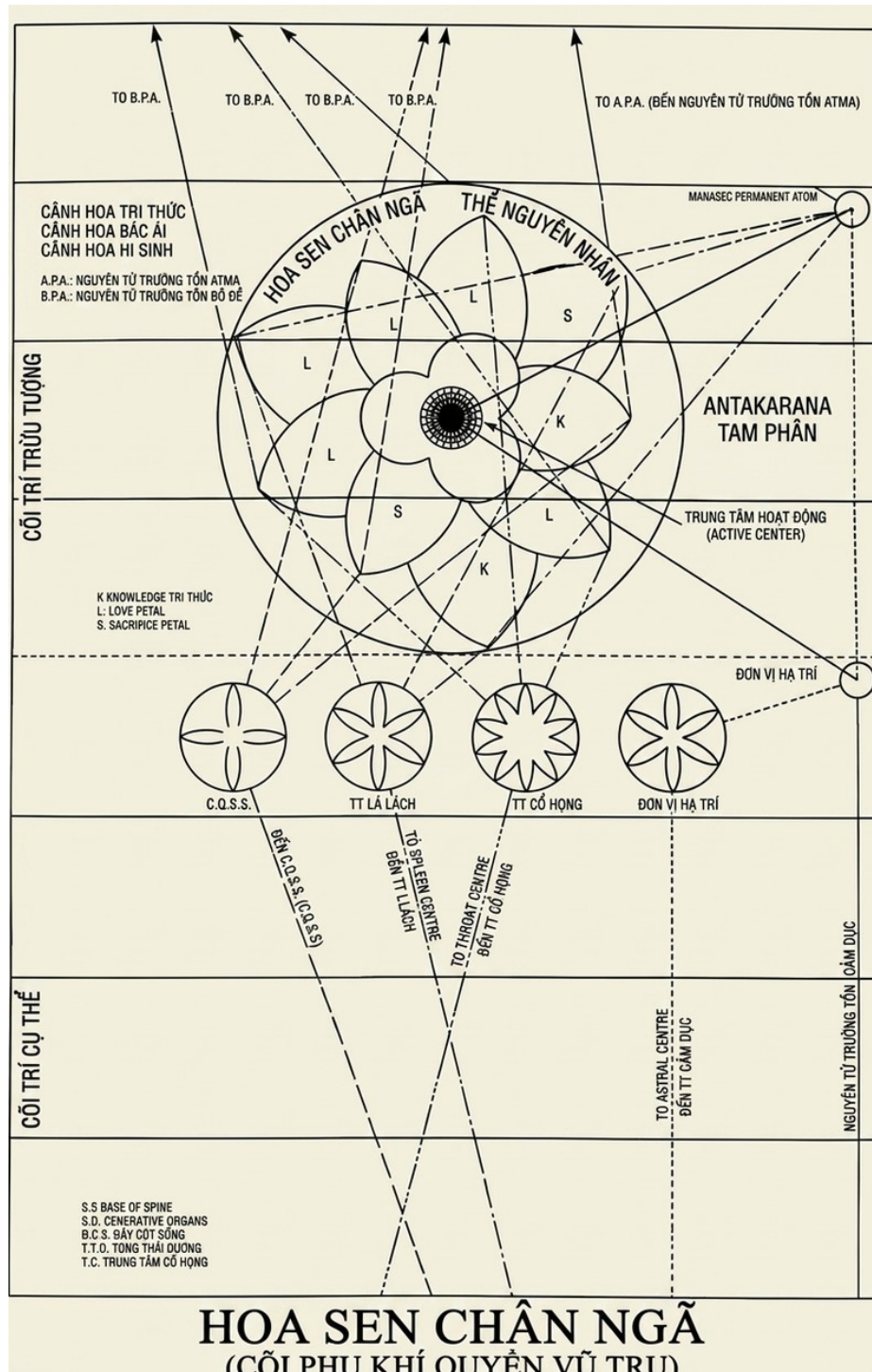
Khi con người bước đi trên con đường đệ tử, các tiến trình được thực hiện khiến hào quang trở nên tiếp nhận với ba năng lượng này, vốn tuôn đổ vào hào quang từ các cõi nơi linh hồn cư ngụ, tức các cõi Atma, Bồ đề và Manas (xem tác phẩm của tôi *The Jewel In The Lotus*). Ở đó, người ta nói rằng linh hồn tồn tại như một nụ hoa sen trong tiến trình khai mở. Lúc ban đầu, linh hồn non trẻ với ít kiếp sống trên trần gian có một cấu trúc hoa sen hầu như khép kín. Hoa sen có chín cánh và những cánh này được sắp xếp thành ba tầng, mỗi tầng gồm ba cánh (xem hình minh họa bên cạnh).

a. Một tầng bên ngoài của Cánh hoa tri thức,

b. Một lớp giữa của Cánh hoa tình yêu và

c. Một tầng bên trong của Cánh hoa hy sinh.

Với mỗi kiếp sống trên trái đất, những cánh hoa được khuấy động nhẹ nhàng mở ra bởi những trải nghiệm thích hợp. Chẳng hạn, một kiếp sống dành cho việc thu nhận kiến thức, học thuật, v.v., khuấy động các cánh hoa Tri thức và đồng thời có một sự trỗi dậy của năng lượng nằm xung quanh trung tâm Cổ họng của trường hào quang.



By making adjustments in your life, which must now be orientated towards the soul (rather than towards the personality drives), we manifest the three soul energies in our everyday life increasingly. By understanding the qualities of these soul energies, we can

Bằng cách thực hiện những điều chỉnh trong cuộc sống của bạn, mà bây giờ phải hướng tới linh hồn (chứ không phải hướng tới những động lực của phàm ngã), chúng ta ngày càng thể hiện ba năng lượng linh hồn trong cuộc sống hàng ngày của mình. Bằng cách hiểu

reconstruct our daily actions, thoughts and aspirations appropriately so that the three energies pour into the aura consistently and, in so doing, reconstruction of it will take place around the soul as its nucleus.

Manas—Trí tuệ

The energy of Manas was unknown on this planet nineteen million years ago. But with the coming of the Lords of Flame, from a venusian system (but not the planet Venus), the first flows of Manas into this planetary system became a feature of Earth.

Animal-man, here, had reached a stage in his evolution which was a dead-end. Unless the stimulus of Manasic energy was applied to the cortex of his brain, his species would soon die out, or he would soon regress with the other anthropoids on the planet. With the presence here of the Kumaras as, the Lords of Flame, animal-man quickly evolved into a being whose future was assured. On the one hand, the entity was now linked to an individual soul and, on the other, was constantly being fed with the energy of Manas. Thenceforth, the man part of animal-man became dominant and these early men were distinguishable from the anthropoids by their newly won capacity to exercise the Manasic faculty. To put it simply, they could think abstractly. Animals can think, but they can think only in terms of their needs, whereas Man can dwell upon matters completely unrelated to his needs or even to his survival. The artist, the research-worker, the philosopher and the saint, are testimony to this capacity. Man is more able to deal with the

được phẩm chất của những năng lượng linh hồn này, chúng ta có thể tái cấu trúc các hành động, suy nghĩ và nguyện vọng hàng ngày của mình một cách thích hợp để ba năng lượng đổ vào hào quang một cách nhất quán và, khi làm như vậy, việc tái cấu trúc nó sẽ diễn ra xung quanh linh hồn với tư cách là hạt nhân của nó.

Năng lượng của Manas không được biết đến trên hành tinh này mười chín triệu năm trước. Nhưng với sự xuất hiện của các Đấng Chúa tể của Lửa (các Hoả Đức Tinh Quân), từ một hệ sao Kim (chứ không phải hành tinh Sao Kim), những dòng chảy Manas đầu tiên vào hệ hành tinh này đã trở thành một đặc điểm của Trái đất.

Ở đây, Người-thú đã đạt đến một giai đoạn tiến hóa đã đi vào ngõ cụt. Trừ khi kích thích năng lượng Manas được áp dụng cho vỏ não của y, giống loài của y sẽ sớm tuyệt chủng, hoặc y sẽ sớm thụt lùi cùng với các loài người khác trên hành tinh. Với sự hiện diện của các Kumara với tư cách là Các Đấng Chúa tể của ngọn lửa, người-thú nhanh chóng tiến hóa thành một sinh vật có tương lai được đảm bảo. Một mặt, thực thể giờ đây được liên kết với một linh hồn cá nhân và mặt khác, liên tục được cung cấp năng lượng của Manas. Kể từ đó, phần con người của người-thú trở nên chiếm ưu thế và những con người ban đầu này có thể phân biệt được với những người vượn bởi khả năng mới đạt được của họ trong việc sử dụng năng lực trí tuệ. Nói một cách đơn giản, họ có thể suy nghĩ một cách trừu tượng. Động vật có thể suy nghĩ, nhưng chúng chỉ có thể suy nghĩ về nhu cầu của chúng, trong khi Con người có thể tập trung vào những vấn đề hoàn toàn không liên quan đến nhu cầu của y hoặc thậm chí là sự sống còn của y. Nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, triết gia và thánh nhân, là minh chứng cho khả

energy of Manas than with the other two—Atma and Buddhi—which make up the triad of soul energies.

It has not been sufficient for Man merely to apprehend the energy of Manas—he has had to learn to fashion it into energy patterns which themselves are endowed with life. The ability to construct in Manas constitutes the creative imagination; not the random effects resulting from outer sensory stimuli, but through conscious and dispassionate use of the energy of Manas.

Ordinary imagination is beyond conscious control. It is aroused and furthered by the senses and its products often modify, amplify or inhibit our actions. The creative imagination is a faculty that is developed patiently through the science of meditation. Through the control of the senses, the activity of the mind is slowed until thoughts become actually ‘spaced out’ and then, in the space between thoughts, it is possible to construct abstract forms of thought out of the energy of Manas. If we construct an abstraction in the region of the brow, say the image of a cross, there will be an immediate input of energy from the level of the soul or higher Self. If we change the image to another visualised form, say that of a lotus bud, there will again be an input of energy from the soul but of a different quality than that which surged in with the construction of the cross. Many individuals of high spiritual standing constantly build abstract forms into their auras throughout the day. This ‘high thinking’ is an energising procedure and is an aspect of true meditation. Whole new sciences of mind are beginning to emerge which will help Man take a giant step in the unfoldment of his consciousness in the new Age of Aquarius. Certain developments in this New Age are already beginning to affect

năng này. Con người có khả năng làm việc với năng lượng của Manas hơn là với hai năng lượng kia—Atma và Buddhi—tạo nên bộ ba năng lượng linh hồn.

Con người nếu chỉ đơn thuần nắm bắt được năng lượng của Manas là chưa đủ—y phải học cách biến nó thành các dạng năng lượng mà bản thân chúng được phú cho sự sống. Khả năng xây dựng trong Manas cấu thành sự tưởng tượng sáng tạo; không phải là những hiệu ứng ngẫu nhiên do kích thích giác quan bên ngoài, mà thông qua việc sử dụng năng lượng của Manas một cách có ý thức và vô tư.

Sự tưởng tượng thông thường nằm ngoài tầm kiểm soát của ý thức. Nó được khơi dậy và thúc đẩy bởi các giác quan và các sản phẩm của nó thường sửa đổi, khuếch đại hoặc ngăn cản hành động của chúng ta. Tưởng tượng sáng tạo là một khả năng được phát triển một cách kiên nhẫn thông qua khoa học thiền định. Thông qua sự kiểm soát của các giác quan, hoạt động của tâm trí bị chậm lại cho đến khi các ý nghĩ thực sự trở nên ‘chia cách ra’ và sau đó, trong khoảng trống giữa các ý nghĩ, có thể tạo ra các hình thức trừu tượng của ý nghĩ từ năng lượng của Manas. Nếu chúng ta xây dựng một hình ảnh trừu tượng, chẳng hạn như hình ảnh cây thánh giá, ở vùng trán, thì sẽ có một nguồn năng lượng ngay lập tức được đưa vào từ cấp độ linh hồn hoặc Bản ngã cao hơn. Nếu chúng ta thay đổi hình ảnh sang một hình thức trực quan khác, chẳng hạn như búp sen, thì sẽ lại có một nguồn năng lượng đầu vào từ linh hồn nhưng có chất lượng khác với năng lượng dâng lên khi xây dựng cây thánh giá. Nhiều cá nhân có địa vị tâm linh cao liên tục xây dựng các hình thức trừu tượng vào hào quang của họ suốt cả ngày. ‘Suy nghĩ cao siêu’ này là một thủ tục tiếp thêm năng lượng và là một khía cạnh của thiền định thực sự. Toàn bộ khoa học tâm trí mới đang bắt đầu xuất hiện sẽ giúp Con người tiến một bước khổng lồ

the collective aura of Mankind. The impacts of electricity during the last one hundred years of its conscious use by mankind is having an effect on his aura and on the underlying etheric body.*

* See this treatise in my book *Esoteric Healing, Part One*

Buddhi

When Man was ensouled, a thread of energy linked him to the plane of Buddhi whereon may be found the 'Heart of God'. The anchorage for this thread in the etheric body is the Heart chakra. When we exercise the faculty of Buddhi in our waking consciousness there is an immediate input of the energy of Buddhi into this centre. From this centre the energy is distributed to all parts of the aura and from there into the collective aura of the race.

What is the nature of Buddhi? It is easier to account for it through its effects upon us than to give a finite description of it. Any act of true compassion exercises the faculty for bringing down Buddhi into the aura ... compassion for all living things, the practice of harmlessness, and of selfless love. These traits in a human personality are indicative of the presence of a strong Heart chakra.

Learning to discriminate what is part of your eternal Self is a Buddhist process. The experience of a flash of intuition is a sign of an active Heart centre. When we are suddenly aware of some great momentary truth there is an insurge of energy from the soul and this registers in our consciousness as intuition. It

trong việc khai mở tâm thức của mình trong Thời đại Bảo Bình mới. Một số phát triển nhất định trong Thời đại Mới này đã bắt đầu ảnh hưởng đến hào quang chung của Nhân loại. Các tác động của điện trong suốt một trăm năm qua được nhân loại sử dụng có ý thức đang ảnh hưởng đến hào quang của nó và thể dĩ thái bên dưới.*

* Xem chuyên luận này trong cuốn sách *Chữa bệnh bí truyền, Phần một của tôi*

Bồ đề

Khi Con người được ban cho linh hồn (phú linh), một sợi dây năng lượng đã liên kết anh ta với cõi Bồ đề, nơi có thể tìm thấy 'Trái tim của Thượng đế'. Nơi neo đậu của sợi chỉ này trong thể dĩ thái là luân xa tim. Khi chúng ta thực hành khả năng của Buddhi trong tâm thức tỉnh táo của mình, sẽ có một nguồn năng lượng của Buddhi ngay lập tức được đưa vào trung tâm này. Từ trung tâm này, năng lượng được phân phối đến tất cả các phần của hào quang và từ đó đi vào hào quang tập thể của nhân loại.

Bản chất của Buddhi là gì? Việc giải thích nó thông qua các tác động của nó đối với chúng ta sẽ dễ dàng hơn là đưa ra một mô tả hữu hạn về nó. Bất kỳ hành động nào của lòng trắc ẩn thực sự đều rèn luyện khả năng đưa Buddhi vào hào quang... lòng trắc ẩn đối với mọi sinh vật, thực hành vô tổn hại và tình thương vị tha. Những đặc điểm này trong tính cách con người là dấu hiệu cho thấy sự hiện diện của luân xa tim mạnh mẽ.

Học cách phân biệt điều gì thuộc về Chân Ngã vĩnh cửu của bạn là một tiến trình Bồ đề. Trải nghiệm một tia trực giác thoáng chốc là dấu hiệu của một luân xa Tim đang hoạt động. Khi chúng ta bất ngờ nhận biết một chân lý vĩ đại trong khoảnh khắc, tức thì có một luồng năng lượng từ linh hồn tuôn nhập và điều này ghi

may happen only once or twice a year, but it is a reminder of the divinity within you. In the emerging subrace (the sixth) this faculty will be highly developed. Just as we, today, exercise the faculty of 'active intelligence', Man of the future will exercise his intuition. Some of us have intuitive auras which merely means a functioning of the Heart chakra that has an organised area of the aura in front of the brow called 'the sacred square inch'. This acts as a screen on to which visualised symbols and images spontaneously occur—the conversion of Buddhist impulses into readable information. The visualising of a crystal ball inside the aura, in a coincidental position with this sensitive part of the aura (i.e., in the sacred square inch between the eyebrows), will enhance the faculty.

nhận trong tâm thức của chúng ta như là trực giác. Điều đó có thể chỉ xảy ra một hoặc hai lần trong một năm, nhưng đó là một sự nhắc nhở về thiên tính bên trong bạn. Trong giống dân phụ đang xuất hiện (giống dân phụ thứ sáu), năng lực này sẽ được phát triển cao độ. Cũng giống như chúng ta ngày nay vận dụng năng lực của “trí tuệ linh hoạt”, Con Người của tương lai sẽ vận dụng trực giác của mình. Một số người trong chúng ta có hào quang trực giác, điều này đơn giản có nghĩa là luân xa Tim vận hành, vốn tạo thành một khu vực có tổ chức trong hào quang phía trước tán được gọi là “tắc vương thiêng liêng”. Nó hoạt động như một màn ảnh, trên đó các biểu tượng và hình ảnh được hình dung xuất hiện một cách tự phát — tức là sự chuyển đổi các xung động Bồ đề thành thông tin có thể đọc được. Việc hình dung một quả cầu pha lê bên trong hào quang, tại vị trí trùng hợp với phần nhạy cảm này của hào quang (tức là trong tắc vương thiêng liêng giữa hai chân mày), sẽ làm tăng cường năng lực ấy.

Atma

The energy of Atma makes up the third of the triad interpenetrating the soul and its causal body. Atma is the manifestation of the divine Will and is rarer in its fullest expression than the other two. Whereas some emotion may rise within us, the Atma or Will is felt to descend upon us. All three energies are Fire in some of its manifestations, but of the three, Atma can be the most concentrated. There are notable expressions of it in men who have performed tasks on the frontiers of human endeavour, like Moses in the desert at Sinai, Ghandi leading the forces of passive resistance in India, Scott of the Antarctic, etc.; men whose persistence and divinity of will are unquestioned. Roger Bannister, a medically qualified doctor, cabinet minister and fine

Năng lượng của Atma tạo thành phần thứ ba của bộ ba thâm nhập vào linh hồn và thể nguyên nhân của nó. Atma là biểu hiện của Ý chí thiêng liêng và hiếm khi được biểu hiện đầy đủ nhất so với hai biểu hiện còn lại. Trong khi một số cảm xúc có thể trỗi dậy trong chúng ta, thì Atma hay Ý chí được cảm nhận đang giáng xuống chúng ta. Cả ba năng lượng đều là Lửa trong một số biểu hiện của nó, nhưng trong ba năng lượng, Atma có thể được tập trung nhiều nhất. Có những biểu hiện đáng chú ý về nó ở những người đàn đã thực hiện các nhiệm vụ ở biên giới của nỗ lực con người, như Moses trong sa mạc ở Sinai, Ghandi lãnh đạo lực lượng kháng cự thụ động ở Ấn Độ, Scott ở Nam Cực, v.v.; những người có sự bền bỉ và ý chí thiêng liêng là điều không cần bàn

sportsman, was the first man to run the mile in under four minutes. In achieving his goal, he described how an energy came into play when he was under the greatest pressure:

[For a description of Man's evolution, see my book *Anthropogeny*.

The secret of a champion runner is MENTAL POWER: by tapping this source, the champion takes more out of himself than he knew he possessed. This mental source is at the roots of most great athletic performances.

He described how, near the winning post when his energies were flagging, a great force entered him and bore him onwards to the post.

The three energies we have described best express themselves in the three vehicles of the personality as follows:

Manas.....the Mental Body

Buddhi.....the Emotional Body

Atma.....the Physical Body

Characteristics of Colour in the Aura

Man is anchored in two worlds. The aura is the link between both. C.W. Leadbeater described the nature of the interplay between the worlds in terms of the aura in his book *Man, Visible and Invisible*. The book is somewhat fanciful and detailed but it does give a fine insight into the veritable 'milieu' of energies that interpenetrate Man:

An outburst of anger will charge the whole aura with deep red flashes on a dark ground,

cải. Roger Bannister, một bác sĩ có trình độ y khoa, bộ trưởng nội các và vận động viên thể thao giỏi, là người đầu tiên chạy một dặm dưới bốn phút. Để đạt được mục tiêu của mình, ông đã mô tả năng lượng đã phát huy tác dụng như thế nào khi anh ấy phải chịu áp lực lớn nhất:

[Để biết mô tả về sự tiến hóa của Con người, hãy xem cuốn sách *Anthropogeny* của tôi.

Bí quyết của một nhà vô địch chạy là SỨC MẠNH TINH THẦN: bằng cách khai thác nguồn này, nhà vô địch khai thác được nhiều hơn bản thân mình mà anh ta biết mình sở hữu. Nguồn tinh thần này là gốc rễ của hầu hết các màn trình diễn thể thao tuyệt vời.

Anh ấy mô tả làm thế nào, gần cột chiến thắng khi năng lượng của anh ấy đang giảm dần, một lực lượng lớn đã xâm nhập vào anh ấy và đưa anh ấy tiếp tục đến cột.

Ba năng lượng mà chúng ta đã mô tả biểu lộ tốt nhất trong ba hiện thể của phạm ngã như sau:

Manas.....Thể trí

Buddhi.....cơ thể cảm xúc

Atma..... thể xác

Đặc điểm của Màu sắc trong Hào quang

Con người bị neo giữ trong hai thế giới. Hào quang là mối liên kết giữa cả hai. CW Leadbeater đã mô tả bản chất của sự tương tác giữa các thế giới dưới dạng hào quang trong cuốn sách *Man, Visible and Invisible* của ông. Cuốn sách có phần tưởng tượng và chi tiết nhưng nó cung cấp một cái nhìn sâu sắc về 'môi trường' thực sự của các năng lượng thâm nhập vào Con người:

Một cơn giận dữ bùng phát sẽ khiến toàn bộ hào quang lóe lên những tia sáng đỏ thẫm trên

while sudden terror will, in a moment, change everything to a ghastly grey.

Remembering that the colours of the aura are symbolic rather than actually ‘seen,’ we could correlate colours and emotions in the following way: Rose pure affection; Brilliant Red anger and force; Dirty Red passion and sensuality; Yellow of the purest lemon colour the highest type of intellectual activity; Orange intellect used for selfish ends, pride and ambition; Brown avarice. Green is a colour of varied significance. Its root meaning is the placing of one’s self in the position of another, but not empathy. In its lower aspects it represents deceit and jealousy; higher up in the emotional gamut it signifies adaptability; and at its very highest—almost the colour of foliage—sympathy, the very essence of thinking for other people. In some shades green stands for the lower intellectual and critical faculties, merging into yellow. Blue indicates religious feeling and devotion, its various shades being said to correspond to different degrees of devotion, rising from fetishism to the loftiest religious idealism. Purple represents psychic faculty, spirituality, regality, and spiritual power arising from knowledge and occult pre-eminence. One should make one’s own correspondences where possible. Most of the relationships above have proved true for me and seem to fit well with the appropriate Rays. The author remembers the first “colouring” he ever saw. It was around the head of a very prominent artist in Cape Town, South Africa, and it was the intellectual ‘pale lemon,’ described above. You may find the description of the red strains of aura in that fine little book by Lobsang T. Rampa, *The Third Eye*:

nền đất tối, trong khi nổi kinh hoàng bất ngờ sẽ trong giây lát biến mọi thứ thành một màu xám xịt kinh hoàng.

Hãy nhớ rằng các màu sắc của hào quang mang tính biểu tượng hơn là thực sự “nhìn thấy”, chúng ta có thể liên hệ màu sắc và cảm xúc theo cách sau: màu hồng biểu lộ tình cảm trong sáng; màu đỏ rực rỡ biểu lộ sự giận dữ và mãnh lực; màu đỏ sậm biểu lộ dục vọng và tính xác thịt; màu vàng tươi của quả chanh tinh khiết biểu lộ loại hoạt động trí tuệ cao nhất; màu cam biểu lộ trí tuệ được sử dụng cho những mục đích ích kỷ, sự kiêu ngạo và tham vọng; màu nâu biểu lộ lòng tham. Màu xanh lục là một màu có nhiều ý nghĩa khác nhau. Ý nghĩa gốc của nó là đặt bản thân vào vị trí của người khác, nhưng không phải là sự đồng cảm. Trong những khía cạnh thấp hơn, nó biểu lộ sự dối trá và ghen tuông; ở bậc cao hơn trong cung bậc cảm xúc, nó biểu lộ sự thích nghi; và ở mức cao nhất của nó — gần như màu lá cây — nó biểu lộ sự cảm thông, bản chất cốt lõi của việc nghĩ cho người khác. Ở một số sắc thái, màu xanh lục biểu trưng cho những năng lực trí tuệ thấp hơn và phê phán, hòa lẫn vào màu vàng. Màu xanh lam biểu lộ tình cảm tôn giáo và lòng sùng kính, các sắc thái khác nhau của nó được cho là tương ứng với các cấp độ sùng kính khác nhau, từ sự sùng bái vật tổ đến chủ nghĩa lý tưởng tôn giáo cao cả nhất. Màu tím biểu lộ năng lực thông linh, tính tinh thần, sự vương giả và quyền năng tinh thần phát sinh từ tri thức và sự ưu việt trong huyền bí học. Người ta nên tự xây dựng các tương ứng của riêng mình khi có thể. Hầu hết những mối liên hệ nêu trên đều được chứng nghiệm là đúng đối với tôi và dường như cũng phù hợp với các Cung tương ứng. Tác giả nhớ lại lần đầu tiên Ông từng thấy một “màu sắc” của hào quang. Đó là quanh đầu của một nghệ sĩ rất nổi tiếng ở Cape Town, Nam Phi, và đó là màu vàng nhạt trí tuệ, như đã mô tả ở trên. Các bạn có thể tìm thấy phần mô tả về những sắc đỏ của hào

quang trong cuốn sách nhỏ tuyệt vời của Lobsang T. Rampa, *The Third Eye*:

Out of the door, I hurried ... approaching me was a figure smothered in blue smoke, shot through with flecks of angry red. I uttered a squeak of alarm and dashed back into the room. The others looked up at my horrified expression. "There's a man on fire in the corridor," I said. The Lama hurried out but came back smiling. "Lobsang, that is a cleaner in a temper. His aura is smoky blue and he is not evolved, and the flecks of red are the temper impulses showing."

Ra khỏi cửa, tôi vội vã... đến gần tôi là một bóng người bị bao phủ bởi làn khói xanh, bị bắn ra bởi những vệt đỏ giận dữ. Tôi thốt lên một tiếng ré lên báo động và chạy vội vào phòng. Những người khác nhìn lên vẻ mặt kinh hoàng của tôi. "Có một người đàn ông đang bốc cháy trong hành lang," tôi nói. Lạt ma vội vã đi ra ngoài nhưng mỉm cười quay lại. "Lobsang, đó là một người dọn dẹp trong cơn nóng nảy. Hào quang của anh ấy có màu xanh khói và anh ấy chưa tiến hóa, và những đốm đỏ là biểu hiện của những xung động giận dữ."

Odours, Scents and Incense—Mùi, mùi hương và hương

In his earliest days on the planet, Man saw etheric forms clearly, and as his physical brain developed, he continued to have etheric vision but with lessening efficiency. He was developing concurrently a visual equipment of extraordinary complexity in physical matter and it took far longer to elaborate than the other physical senses. Still to this day, the development of Man's eyes remains a contradiction to Darwinian principles of natural selection. But man retained some of his etheric faculties which could be located quite easily in the etheric matrix of parts of the primitive brain. The sense of smell is very old, and in earlier days the size of the olfactory lobes was much greater in relation to the rest of the brain than it is today. What is more, the roots of the olfactory system end in the regions of the brain closely related to emotion.

Trong những ngày đầu tiên trên hành tinh, Con Người nhìn thấy các hình thể dĩ thái một cách rõ ràng, và khi bộ não hồng trần của y phát triển, y vẫn tiếp tục có thị kiến dĩ thái nhưng với hiệu quả giảm dần. Đồng thời, y cũng đang phát triển một bộ máy thị giác có độ phức tạp phi thường trong vật chất hồng trần, và phải mất một thời gian dài hơn nhiều để hoàn thiện so với các giác quan hồng trần khác. Cho đến ngày nay, sự phát triển của đôi mắt con người vẫn còn là một sự mâu thuẫn đối với các nguyên lý Darwin về chọn lọc tự nhiên. Tuy nhiên, con người vẫn giữ lại được một số năng lực dĩ thái, vốn có thể được định vị khá dễ dàng trong khuôn mẫu dĩ thái của các phần thuộc bộ não nguyên thủy. Khứu giác là một năng lực rất cổ xưa, và trong những ngày đầu, kích thước của các thùy khứu giác lớn hơn rất nhiều so với phần còn lại của bộ não, so với ngày nay. Hơn thế nữa, các rễ của hệ khứu giác kết thúc ở những vùng của bộ não có liên quan mật thiết đến cảm xúc.

Today, most of us sense the subtle worlds not so much through vision but through a

Ngày nay, hầu hết chúng ta cảm nhận các thế giới vi tế không nhiều qua thị giác mà qua một

modified olfaction—a smell, feeling, emotional, sixth sense. In some, this can be highly developed. Our domestic pets often use olfaction in preference to vision and frequently perceive astral and etheric structures which we cannot.

It seems that we each exude a scent of our own, and tracker dogs can follow this up with ease. But it would seem that the sense of smell, where this is located in the corresponding area of the brain which is etheric, locates idiosyncrasies of the aura as well, and that lumped in with the odour of the body we exude auric qualities which some sense along with the odour.

Our state of health, our spiritual standing, the cosmetics we use, the mineral content of our sweat, our thoughts, and our feelings all seem to be, at least in part, expressed along with the odour and fragrance of the body. We still talk about people giving off “an aura of gloom”, or “an odour of sanctity”.

In the medieval period, when the saints occupied in man’s consciousness the position which we today allocate to the “archetypes”, it was said that each saint exuded his own characteristic and existential odour. From early historians we have records that St Catherine exuded the attar of violets; St Cajetan that of orange blossom; St Trevere, lilies; St Teresa, jasmine and orris; and St Lydwine, the bark of cinnamon.

Such fragrances are more suggestive of the aura than of the body secretions. Nor should they be limited only to the spiritual. The confined conditions of trench fighting in World War II forced upon one the odours of a comrade confined with you to a small area of,

dạng khứu giác biến đổi — một mùi, một cảm giác, một cảm xúc, một giác quan thứ sáu. Ở một số người, khả năng này có thể được phát triển rất cao. Những thú nuôi trong nhà của chúng ta thường sử dụng khứu giác hơn là thị giác và thường xuyên tri giác được các cấu trúc cảm dục và dĩ thái mà chúng ta không thể.

Có vẻ như mỗi chúng ta đều toát ra một mùi hương riêng, và những con chó săn có thể dễ dàng lần theo dấu vết này. Nhưng dường như khứu giác, vốn được định vị trong vùng tương ứng của bộ não dĩ thái, cũng xác định những nét đặc thù của hào quang, và cùng với mùi của thể xác, chúng ta còn toát ra những phẩm tính của hào quang, vốn được một số người cảm nhận cùng với mùi ấy.

Tình trạng sức khỏe, trạng thái tinh thần của chúng ta, mỹ phẩm chúng ta sử dụng, hàm lượng khoáng chất trong mồ hôi, suy nghĩ và cảm xúc của chúng ta dường như, ít nhất là một phần, được thể hiện cùng với mùi và hương thơm của cơ thể. Chúng ta vẫn nói về những người tỏa ra “hào quang u ám”, hay “mùi thánh thiện”.

Vào thời trung cổ, khi các vị thánh chiếm giữ vị trí trong tâm thức con người mà ngày nay chúng ta gán cho các “nguyên mẫu”, người ta nói rằng mỗi vị thánh đều toát ra đặc điểm và mùi hiện sinh của riêng mình. Từ các nhà sử học đầu tiên, chúng ta có những ghi chép rằng Thánh Catherine đã toát ra tinh dầu của hoa violet; St Cajetan của hoa cam; St Trevere, hoa loa kèn; St Teresa, hoa nhài và hoa diên vĩ; và St Lydwine, vỏ quế.

Những mùi hương như vậy gợi đến hào quang hơn là những chất tiết ra từ cơ thể. Chúng cũng không nên chỉ giới hạn trong lĩnh vực tinh thần. Các điều kiện hạn chế của chiến đấu trong chiến hào trong Thế chiến thứ hai buộc người ta phải ngửi thấy mùi của một đồng đội

say, a dugout. This could sometimes be a most unpleasant experience; and on others, when the environmental situation might be even worse, it could present no problem at all. Some men have a sweet and pleasant body odour even when they sweat profusely. Others have the opposite. The latter often coincides with very sweaty palms, a sure indication of an astral body that falls short of being integrated.

We have already shown how the 'atmosphere' of a room is contributed to by the auric emissions of everyone in it as well as by others who have used it. The crudest emissions of man are easily detected by our pets. Sometimes a person is also extremely sensitive to these without even being psychic. One such person was the well-known French detective Vidocq, who once said, "Put me into a crowd of a thousand persons, and by the sense of smell alone, I will single out every violator of the moral law." He believed that the different types of criminals could be related to particular odours.

Be that as it may, it certainly is true that any teacher with twenty years' experience can easily point out children in the class who are likely to become criminals in adulthood. It is a pity that this early awareness of risk in a child is not capitalised upon so that the child could have special help in his adolescent years, thus saving the state vast sums of money in maintenance of the grown delinquent in state penitentiaries. The sense involved here, too, is one that pertains to auric rather than visual appearance.

In the esoteric sciences, we relate the odours of the classical incenses to Ray qualities.

bị giam giữ cùng bạn trong một khu vực nhỏ, chẳng hạn như một cái hầm. Điều này đôi khi có thể là một trải nghiệm khó chịu nhất; và đối với những người khác, khi tình hình môi trường có thể còn tồi tệ hơn, nó không thể gây ra vấn đề gì cả. Một số người có mùi cơ thể ngọt ngào và dễ chịu ngay cả khi đổ nhiều mồ hôi. Những người khác thì ngược lại. Điều thứ hai thường trùng hợp với lòng bàn tay ẩm mồ hôi, một dấu hiệu chắc chắn về một thể cảm dục không thể tích hợp được.

Chúng tôi đã chỉ ra cách 'bầu không khí' của một căn phòng được đóng góp bởi sự phát xạ hào quang của mọi người trong đó cũng như của những người khác đã sử dụng nó. Phát thải thô nhất của con người dễ dàng được phát hiện bởi vật nuôi của chúng ta. Đôi khi một người cũng cực kỳ nhạy cảm với những điều này mà không cần phải là nhà ngoại cảm. Một trong những người như vậy là thám tử nổi tiếng người Pháp Vidocq, người đã từng nói: "Hãy đặt tôi vào một đám đông hàng nghìn người, và chỉ bằng khứu giác, tôi sẽ phát hiện ra mọi kẻ vi phạm luật đạo đức". Ông tin rằng các loại tội phạm khác nhau có thể liên quan đến những mùi đặc biệt.

Dù thế nào đi nữa, chắc chắn là bất kỳ huấn sư nào với hai mươi năm kinh nghiệm đều có thể dễ dàng chỉ ra những đứa trẻ trong lớp có khả năng trở thành tội phạm khi trưởng thành. Thật đáng tiếc khi nhận thức sớm về rủi ro này ở một đứa trẻ không được tận dụng để đứa trẻ có thể nhận được sự giúp đỡ đặc biệt trong những năm tuổi vị thành niên, do đó tiết kiệm cho nhà nước một khoản tiền lớn để duy trì những kẻ phạm pháp đã lớn trong các trại giam của bang. Cảm giác liên quan ở đây cũng là một cảm giác liên quan đến hào quang hơn là hình thức bên ngoài.

Trong khoa học bí truyền, chúng ta liên hệ mùi hương cổ điển với các phẩm chất của

Jasmine is related to the Ray of Love-Wisdom and is by far the most popular incense amongst neophytes. It is true, also, that Second Ray souls predominate on the planet at this particular time. Sandalwood is related to the First Ray of Will and Power, a favourite of my friend Swami Rama. With my own Ray affinities, the author has a predilection for cinnamon which is correlated to the Fifth Ray of Concrete Knowledge and, therefore, to other minds, like his own, which are on the Fifth Ray of Analytical Science. The Rays of the incenses may therefore also reflect something of auric qualities and predilections. Readers may find the chart opposite of some assistance.

Cung. Hoa Nhài có liên quan đến Cung Bác Ái – Minh Triết và cho đến nay là loại hương phổ biến nhất đối với những người mới nhập môn. Cũng đúng là các linh hồn của Cung Hai chiếm ưu thế trên hành tinh vào thời điểm đặc biệt này. Gỗ đàn hương có liên quan đến Cung Một Ý chí và Quyền Năng, một cung yêu thích của người bạn Swami Rama của tôi. Với những mối quan hệ về Cung của riêng tôi, tác giả có một sở thích đối với quế, vốn có mối tương quan với Cung Năm của Tri thức Cụ thể và, do đó, với những tâm trí khác, giống như của chính ông, vốn thuộc Cung thứ Năm của Khoa học Phân tích. Do đó, các Cung của trầm hương cũng có thể phản ánh một điều gì đó thuộc tính chất hào quang và những thiên hướng. Độc giả có thể tìm thấy biểu đồ ngược lại với một số hỗ trợ.

HƯƠNG LIỆU	CUNG	LUÂN XA VÀ TUYẾN NỘI TIẾT	MÀU SẮC	CUNG TIA	PHẨM TÍNH	ÁP DỤNG
Hồ Phách	Kim Ngưu Bọ Cạp & Song Tử	Trung tâm giữa hai Xương bả vai	Vàng Kim	Cung IV, Cung II	Hài hòa và Vẻ đẹp Biểu đạt ngệ thuật	Màu thuần và Càng trắng Phục hồi sự cân bằng
Aphrodesia	Bảo Bình Ma Kết & Cự Giải	Xương cùng Tuyến sinh dục	Tím	Cung VII	Ngoài hiện sự chủ quan, Lực lượng ẩn giấu của tự nhiên	Nghị lễ và Phép thuật Khẩn cầu
Quế	Bạch Dương Nhân Mã	Chân mày (Cánh bên phải) Tuyến yên	Đỏ- Cam	Cung V	Tiếp nhận tinh thần Trực giác	Hình dung Sự sáng tạo chủ quan
Frangipanni	Nhân Mã Xử Nữ	Chân mày (Cánh bên trái) Tuyến yên	Cam	Cung V, Cung I	Sáng tạo trí tuệ Nhất tâm	Tập trung Duy trì trí nhớ
Mật Ong	Sư Tử Kim Ngưu & Bọ Cạp	Lá lách	Vàng	Cung VI	Sức sống Tiếp nhận khí	Trầm cảm Thiếu năng lượng
Lài	Song Tử Song Ngư	Tim Tuyến ức	Lam Chàm	Cung II	Tình thương - Minh triết, Trí lương từ bi	Chuyển dịch năng lượng từ Tùng đến Tim; Vị tha
Hoa Sen	Bọ Cạp Thiên Bình	Đáy cột sống Tuyến thượng thận	Trắng	Cung I, Cung IV	Lực dẫn động Quy luật	Kiên trì Khuyến khích
Mộc Lan	Song Ngư Xử Nữ	Tùng thái dương Tuyến tụy	Lam Nhật	Cung VI	Sùng tín cảm xúc Nhảy cảm	Kiểm soát cảm xúc Cân bằng năng lượng
Xạ Hương	Thiên Bình Ma Kết & Cự Giải	Cổ họng Tuyến giáp	Xanh lá	Cung III	Trí tuệ tích cực Giao tiếp	Sáng tạo khách quan Công việc phụng sự
Patchouly	Cự Giải Kim Ngưu & Bảo Bình	Hàm (Alta Major) Thế cảnh	Tím hoa cà	Cung III, Cung VII	Sáng tạo bền bi	Ổn định phẩm giá Tích hợp
Hoa Hồng	Xử Nữ Nhân Mã	Tùng thái dương Tuyến tụy	Hồng	Cung VI	Chủ nghĩa lý tưởng Khát vọng	Tuyệt vọng Vô vọng
Đàn Hương	Ma Kết Bạch Dương & Sư Tử	Đầu Tuyến tụy	Đỏ	Cung I	Ý chí và Quyền năng Sự quyết tâm	Lãnh đạo Minh triết của tâm nhìn

Bản quyền © 1982 Douglas M. Baker

6. Auric Exchanges—Trao đổi Hào Quang

Rejuvenation of the Aura—Hồi sinh hào quang

Through the centuries, Man has always sought an elixir that would prolong his life. Every conceivable remedy has been considered, and with the advent of modern biochemistry there have been attempts to explain rejuvenation in scientific ways.

Every conceivable food has been recommended to prolong life. More recently, emphasis has been placed upon a cholesterol-free diet. Businessmen, in particular, have been admonished to eat less animal protein and saturated fats in order to prevent the development of pathology in the walls of the arteries. This is usually a sign of old age, but may develop early. The results of such dietary changes have not been very encouraging. There is still no indication that high cholesterol really causes arterial disease. The Eskimo lives off a diet of seal meat and blubber and does not show any extraordinary affinity for heart and arterial disease. Thirty years ago, the rage was to graft monkey glands on old men to rejuvenate them and there were whispers that Chancellor Adenauer and the Duke of Windsor had been doctored in this way. The environs of places like the Caucasus Mountains have been examined for an explanation as to why the inhabitants there are long-lived. All in all, these practices and many others do not seem to have prolonged life very much.

Modern medicine has raised the span of life in general, but we are nowhere near to reaching 150 years, which is said to be the age that Man should live to. It is just as well that we do not reach such advanced years yet. Humanity is not ready for this development. Already people are retiring at fifty with prospects of

Qua nhiều thế kỷ, Con người luôn tìm kiếm một loại thuốc trường sinh kéo dài tuổi thọ của mình. Mọi biện pháp khắc phục có thể tưởng tượng được đã được xem xét, và với sự ra đời của hóa sinh hiện đại, đã có những nỗ lực giải thích sự trẻ hóa theo những cách khoa học.

Mọi thực phẩm có thể tưởng tượng được đã được khuyến khích để kéo dài cuộc sống. Gần đây, người ta đã nhấn mạnh vào chế độ ăn không có cholesterol. Đặc biệt, các doanh nhân được khuyên nên ăn ít protein động vật và chất béo bão hòa để ngăn ngừa sự phát triển của bệnh lý trong thành động mạch. Đây thường là dấu hiệu của tuổi già, nhưng có thể phát triển sớm. Kết quả của những thay đổi chế độ ăn uống như vậy không được khuyến khích lắm. Vẫn chưa có dấu hiệu nào cho thấy cholesterol cao thực sự gây ra bệnh động mạch. Người Eskimo sống bằng chế độ ăn kiêng thịt hải cẩu và mỡ và không biểu hiện bất kỳ mối quan hệ bất thường nào đối với bệnh tim và động mạch. Ba mươi năm trước, người ta nổi cơn thịnh nộ về việc ghép tuyến khỉ vào người già để trẻ hóa họ và có những lời xì xào rằng Thủ tướng Adenauer và Công tước xứ Windsor đã được chữa bệnh theo cách này. Các vùng lân cận của những nơi như dãy núi Kavkaz đã được kiểm tra để giải thích tại sao cư dân ở đó sống lâu. Nhìn chung, những thực hành này và nhiều thực hành khác dường như không kéo dài tuổi thọ cho lắm.

Y học hiện đại đã nâng cao tuổi thọ nói chung, nhưng chúng ta còn lâu mới đạt đến 150 tuổi, được cho là độ tuổi mà Con người nên sống. Thật tốt khi chúng ta chưa đạt đến những năm tháng tiên tiến như vậy. Nhân loại chưa sẵn sàng cho sự phát triển này. Mọi người đã nghỉ hưu ở tuổi 50 với triển vọng sống sót đến 100

surviving until one hundred years of age. But such people are not ready for this extension of years—they are not equipped for it. Boredom soon sets in. The passing of the years becomes tedious. What is needed is for Man to equip himself whilst still young in a variety of hobbies and crafts and for him to devote himself to helping the rest of humanity along its way. For such a standard of behaviour to be reached, in which there is concern for all humanity, it is necessary to know something of the esoteric sciences so that subjective states may be reached and the creative streams of the collective unconscious of mankind tapped. The care and conditioning of the aura is also important if the physical body and its sensory faculties are to remain efficient in advanced years.

tuổi. Nhưng những người như vậy chưa sẵn sàng cho việc kéo dài nhiều năm này—họ không được trang bị cho điều đó. Chán nản sớm bắt đầu. Năm tháng trôi qua trở nên tẻ nhạt. Điều cần thiết là Con người phải trang bị cho mình ngay từ khi còn trẻ nhiều sở thích và nghề thủ công và để y cống hiến hết mình để giúp đỡ phần còn lại của nhân loại trên con đường của mình. Để đạt được một tiêu chuẩn hành vi như vậy, trong đó có mối quan tâm đến toàn thể nhân loại, cần phải biết một số điều về khoa học bí truyền để có thể đạt được các trạng thái chủ quan và khai thác các dòng sáng tạo của vô thức tập thể của nhân loại. Việc chăm sóc và điều hòa hào quang cũng rất quan trọng nếu cơ thể vật lý và các khả năng cảm giác của nó vẫn hoạt động hiệu quả trong những năm tuổi già.

Rejuvenation through Auric Exchanges—Trẻ hóa thông qua trao đổi Hào quang

The person should live in a place where interests, climate, and company can refresh his aura. Old people should particularly seek out the young. When approached for advice on how to deal with the interminable boredom of old age, the author has advised widows and widowers to seek out some group or even a single person which has youth on its side and to assist the chosen one towards a better life ... perhaps with the help for education or the raising of children under optimum conditions. Surrounding yourself with youth in your advancing years helps you to stay young, and the mechanism of this works via the aura.

Con người nên sống ở một nơi mà sở thích, khí hậu và bằng hữu có thể làm tươi mới hào quang của y. Người già đặc biệt nên tìm đến người trẻ. Khi được hỏi xin lời khuyên về cách đối diện với sự buồn chán bất tận của tuổi già, tác giả đã khuyên các góa phụ và góa phụ nên tìm đến một nhóm hoặc thậm chí một cá nhân nào đó có tuổi trẻ bên mình và giúp đỡ người được chọn ấy hướng đến một đời sống tốt đẹp hơn... có lẽ bằng sự hỗ trợ cho việc học hành hoặc nuôi dạy con cái trong những điều kiện tối ưu. Bao quanh mình bằng tuổi trẻ trong những năm tháng xế chiều giúp bạn duy trì sự trẻ trung, và cơ chế của điều này hoạt động thông qua hào quang.

Grandchildren love to visit their grandparents and the grandparents themselves reciprocate. Children derive very useful energies which act on their higher centres when they co-mingle with the aged, and the aged draw vitalising energies from the young, especially at the

Cháu chắt rất thích đến thăm ông bà và chính ông bà cũng đáp lại tình cảm ấy. Trẻ em tiếp nhận những năng lượng rất hữu ích, vốn tác động lên các luân xa cao hơn của chúng khi chúng hoà nhập với người già, và người già thì rút được những năng lượng tiếp sinh lực từ

etheric level.

The story is told that when Hermippus, an ancient Roman, was very old he learnt the secret of maintaining unabated vigour and strength. He cut himself off from the aged and feeble around him and sought out young, active and healthy companions, taking part in their games, their pursuits and their studies. In this way, he lived to the ripe old age of one hundred and fifty-three!

From the viewpoint of the occult sciences, it would have to be admitted that there are many ways of establishing links between the young and the old in such a way that there can be constant interplay between the two. True teaching, in the end, is really seduction at the mental and emotional levels. The young pupil falls in love with the teacher's beliefs or, if you wish, with his syllabus. Sometimes the rapport between teacher and pupil is entirely detached from any emotional or mental involvement, but that is rare. More often there are profound links in the continuum of the planetary aura that ensure energy exchanges that are refreshing to the teacher and "enwisdoming" for the pupil. Sometimes a physical love may develop which adds to the energy exchanges.

Anyone holding within his aura a witness or testimony of his beloved, such as a relic like hair or blood-stained fabric, has a powerful channel connecting him or her to the object of affection. In ancient days, drinking the blood of the slain hero endowed he who sipped with the hero's attributes: his courage, his initiative, etc., and the mechanism whereby this was established was through the aura. The occult foundations for sex and the act of

người trẻ, đặc biệt là ở bình diện dĩ thái.

Người ta kể rằng khi Hermippus, một người La Mã cổ đại, đã rất già, ông khám phá ra bí quyết duy trì sức sống và sức mạnh không suy giảm. Ông tách mình khỏi những người già nua và yếu đuối quanh mình và tìm đến những bạn đồng hành trẻ trung, năng động và khỏe mạnh, cùng tham gia vào các trò chơi, theo đuổi và việc học hành của họ. Bằng cách này, ông đã sống đến tuổi thọ cao hiếm có là một trăm năm mươi ba!

Từ quan điểm của các khoa học huyền bí, phải thừa nhận rằng có nhiều cách để thiết lập mối liên kết giữa người trẻ và người già sao cho có thể có sự tác động qua lại thường xuyên giữa đôi bên. Sự dạy dỗ đích thực, sau cùng, thực sự là một sự cuốn hút ở các bình diện thể trí và cảm xúc. Người học trò trẻ đem lòng yêu những niềm tin của người thầy, hay nếu bạn muốn, yêu chính giáo trình của ông. Đôi khi, sự tương hợp giữa thầy và trò hoàn toàn tách biệt khỏi bất kỳ sự liên quan nào về cảm xúc hay thể trí, nhưng điều đó là hiếm. Thông thường hơn, có những mối liên kết sâu sắc trong trường liên tục của hào quang hành tinh, vốn bảo đảm cho những sự trao đổi năng lượng vừa đem lại sự tươi mới cho người thầy vừa đem lại sự "khai minh" cho người trò. Thỉnh thoảng, một tình yêu thể xác có thể phát triển, bổ sung thêm vào những sự trao đổi năng lượng đó.

Bất cứ ai giữ trong hào quang của mình một nhân chứng hoặc bằng chứng về người mình yêu, chẳng hạn như một di vật như tóc hoặc vải dính máu, đều có một kênh mạnh mẽ kết nối anh ta hoặc cô ta với đối tượng của tình cảm. Vào thời cổ đại, việc uống máu của người anh hùng đã hy sinh sẽ ban cho người uống máu những thuộc tính của người anh hùng: lòng dũng cảm, sự chủ động của anh ta, v.v., và cơ chế theo đó điều này được thiết lập là

love-making involve exchange of auric materials and energies. Living with someone involves an automatic exchange of this sort. This is true not only of husband and wife who, through the years, begin to grow to look like each other, but also between, say, a man and his dog.

thông qua hào quang. Những nền tảng huyền bí cho tình dục và hành động làm tình liên quan đến việc trao đổi chất liệu và năng lượng hào quang. Sống chung với ai đó liên quan đến sự trao đổi tự động kiểu này. Điều này không chỉ đúng với vợ chồng, những người mà qua nhiều năm bắt đầu trở nên giống nhau, mà còn đúng giữa một người đàn ông và con chó của anh ta.

Regeneration of the Aura—Tái tạo hào quang

There are many ways in which one may regenerate the aura. Taking a break from it all, going on a vacation—any sort of change, especially if it brings us closer to nature or into the company of those we love—will revitalise the aura. Those who are intellectual will have the aura stimulated by reading a new book, or seeing the latest play. New things, in astrology, are ruled by Venus. New things are clothed in a numinous energy; they attract us and give us joy. We buy a new motor car and feel good when we take it out for a spin. We don't even want to let anyone drive it for the first few weeks and then the novelty wears off: we have exhausted the numinous energies. Venus also rules youth and rejuvenation. Rejuvenation always begins in the aura.

Có nhiều cách để tái sinh hào quang. Nghỉ ngơi, đi du lịch — bất kỳ sự thay đổi nào, đặc biệt nếu nó đưa chúng ta đến gần thiên nhiên hơn hoặc ở trong vòng bạn bè, người thân mà ta yêu mến — sẽ làm hào quang được tiếp sinh lực. Những ai thiên về trí tuệ sẽ có hào quang được kích thích bởi việc đọc một cuốn sách mới, hay xem một vở kịch mới. Những điều mới mẻ, trong chiêm tinh học, được sao Kim cai quản. Những điều mới mẻ khoác lên mình một năng lượng thiêng, chúng hấp dẫn chúng ta và mang lại cho chúng ta niềm vui. Chúng ta mua một chiếc xe hơi mới và cảm thấy dễ chịu khi lái nó lần đầu. Trong vài tuần đầu, ta thậm chí không muốn ai khác lái nó, rồi sau đó sự mới lạ phai nhạt: chúng ta đã tiêu hao hết những năng lượng thiêng liêng ấy. Sao Kim cũng cai quản tuổi trẻ và sự hồi xuân. Sự hồi xuân luôn bắt đầu trong hào quang.

As we grow older and the ordinary drives no longer exercise their hold upon our attention, the eternal processes of evolution begin to take over once more as they had done in early childhood and the aura seeks to strengthen itself in its own ways as old age sets in. One way it does this is to urge the personality by subtle injunctions to seek out places which were dear to it during youth. Walking once more in amongst the gardens and houses we inhabited in our youth gives us pleasure, a

Khi chúng ta già đi và những thúc đẩy thông thường không còn chi phối sự chú ý của mình nữa, các tiến trình vĩnh cửu của tiến hoá lại bắt đầu tái chiếm quyền kiểm soát, như chúng đã từng làm trong thuở ấu thơ, và hào quang tìm cách tự củng cố theo những cách riêng của nó khi tuổi già đến. Một trong những cách đó là thúc giục phạm ngã, qua những mệnh lệnh tinh tế, tìm đến những nơi mà nó từng yêu quý trong thời thanh xuân. Một lần nữa đi dạo giữa những khu vườn và ngôi nhà mà ta đã từng

little sense of wonder and no little energy reinforcement of the aura.

Queen Victoria frequented places in which she had dwelt as a child and later in her marriage years. She kept photographs of her children and of features of her times. These not only gave the nation, after her death, a very valuable heritage in the form of her photographic collections, but also gave the aging queen opportunities to refresh her aura by perusing them. Our present Queen, Elizabeth II, derives the same sort of joy and refreshment with her stamp collections.

Queen Victoria even had models made of her children's limbs and kept rooms in her palaces unchanged where her family had lived. She was constantly revitalised by her memories and the silent testimonies of her beloved photographs. Patriarchs and matriarchs both derive energies from their large families, especially the younger members. Some families will have dozens of grandchildren and there are always lively attempts made to introduce the grandchildren to their aged forbears, and this is good for the latter who become the central hub of a great energy wheel, the orbiting family.

sống khi còn trẻ mang lại cho chúng ta niềm vui, một chút cảm giác kỳ diệu và không ít sự bổ sung năng lượng cho hào quang.

Nữ hoàng Victoria thường lui tới những nơi bà từng sống khi còn nhỏ và cả trong những năm tháng hôn nhân sau này. Bà giữ những bức ảnh của con cái và những hình ảnh đặc trưng của thời đại mình. Những điều này không chỉ mang lại cho đất nước, sau khi bà qua đời, một di sản rất quý giá dưới dạng các bộ sưu tập ảnh của bà, mà còn cho vị nữ hoàng già nua những cơ hội để làm tươi mới hào quang của mình bằng cách ngắm nhìn chúng. Nữ hoàng hiện tại của chúng ta, Elizabeth II, cũng có cùng loại niềm vui và sự tươi mới đó với bộ sưu tập tem của bà.

Nữ hoàng Victoria thậm chí còn cho làm những mô hình từ tay chân của con cái mình và giữ nguyên những căn phòng trong cung điện nơi gia đình bà đã từng sống. Bà liên tục được tiếp sinh lực bởi những ký ức và những bằng chứng lặng lẽ của những bức ảnh yêu quý. Các vị gia trưởng và mẫu hệ đều rút được năng lượng từ những gia đình đông đúc của họ, đặc biệt là từ các thành viên trẻ tuổi. Một số gia đình có đến hàng chục cháu chắt, và luôn có những nỗ lực đầy hứng khởi nhằm đưa các cháu chắt đến với những bậc cao niên, và điều này thật tốt cho những người sau, vốn trở thành trục trung tâm của một bánh xe năng lượng vĩ đại, tức là gia đình quay quanh họ.

The Aura of Nations—Hào quang của các quốc gia

We are not surprised that a nation has a distinctive aura of its own. The aura evolves with the nation itself. As people gather around heroes, they sing their praises. Their works become incorporated into the mythology and legends of the land. The hero himself acts as an archetype, a gateway for energies arising in

Chúng ta không ngạc nhiên khi một quốc gia có một hào quang riêng biệt của nó. Hào quang tiến hóa cùng với chính quốc gia ấy. Khi người dân tụ họp quanh những anh hùng, họ ca ngợi công đức của các vị. Các công trình của họ trở thành một phần trong thần thoại và truyền thuyết của đất nước. Bản thân người anh hùng

the unconscious realms of man's psyche.

As the nation matures, so does its aura. Devices like a monarchy, a capital city, insignia, poetry of a patriotic nature, foreign wars, national projects, collective suffering, etc., all help to intensify the national aura. Eventually, national characteristics emerge, a common law, language, folkways and mores. A stranger has only to live within the aura of a nation to be profoundly affected by it. When immigrants are actually born in their adopted land, they quickly adapt themselves to its ways. The attitude of the personality has something to do with this, but much of the change is due to the sharing of the nation's aura.

When a country is very old, its institutions exert a strong effect on its inhabitants and the aura of that nation may affect those of other nations. Just as a human personality has its own qualities, so too does a nation, and they are like the qualities of the human personality to such an extent that we can apply a Ray analysis to both. We talk of human personalities having a mental body, an emotional/astral body, and a physical body and we can discover quite easily which Ray "rules" which body. My own *The Seven Rays—Key to the Mysteries* explains these matters clearly.

đóng vai trò như một nguyên hình, một cánh cửa cho những năng lượng phát sinh từ các cảnh giới vô thức của tâm thức con người.

Khi quốc gia trưởng thành, hào quang của nó cũng vậy. Những phương tiện như chế độ quân chủ, thủ đô, quốc huy, thi ca mang tính yêu nước, chiến tranh với ngoại bang, các công trình quốc gia, những đau khổ tập thể, v.v..., tất cả đều góp phần làm tăng cường hào quang quốc gia. Cuối cùng, các đặc tính dân tộc xuất hiện: luật pháp chung, ngôn ngữ, tập quán và phong tục. Một người ngoại quốc chỉ cần sống trong hào quang của một quốc gia cũng sẽ chịu ảnh hưởng sâu đậm của nó. Khi người nhập cư thực sự được sinh ra trong vùng đất đã chọn, họ nhanh chóng thích ứng với các tập quán của nó. Thái độ của phạm ngã có liên quan phần nào đến điều này, nhưng phần lớn sự thay đổi là do sự chia sẻ hào quang của quốc gia.

Khi một đất nước đã rất lâu đời, các định chế của nó tạo ra một ảnh hưởng mạnh mẽ lên dân cư của nó và hào quang của quốc gia đó có thể tác động đến các quốc gia khác. Cũng như phạm ngã con người có những phẩm tính riêng, một quốc gia cũng vậy, và chúng tương tự đến mức chúng ta có thể áp dụng một phân tích về Cung cho cả hai. Chúng ta nói về các phạm ngã con người có một thể trí, một thể cảm dục/cảm dục, và một thể xác, và chúng ta có thể dễ dàng khám phá Cung nào "cai quản" thể nào. Tác phẩm *The Seven Rays—Key to the Mysteries* của tôi giải thích rõ ràng những vấn đề này.

CÁC TƯƠNG ỨNG CỦA BẢY CUNG CỦA BẢY CUNG * Con người Trung bình ** Cưỡi trên Đường Đạo

CHẤT LƯỢNG	I	II	CÁC DẤU HIỆU HOÀNG ĐẠO	HÀNH TINH	THỨC ĂN	ÂM ĐIỀU	CHÍNH TRỊ
QUALITY	Chí Nguyên và Quyền lực Lực	Love Wis- dom	Active Intelli- gence	Art and Har- mony thru Conflict	Concrete Knowledge and Science	Devotion and Ideal- ism	Ceremonial Order and Ritual
MÀU SẮC	Bác Ái và Minh Triết	Xanh Da Cây	Green	Yellow	Chất Béo	Blue Rose	Violet
CÁC DẤU HIỆU HOÀNG ĐẠO	Nghệ Thuật và Hài Hòa qua	Gemini Pisces Virgo Leo	Libra Can- cer Capri- corn	Taurus Scorpio Sagittarius	Aquarius Leo Capricorn Sagittarius	Sùng Tín và Chủ Nghĩa Lý Tưởng	Cancer Aries Aquarius Cap- ricorn
HÀNH TINH	*Sun ** Uranus	* Jupiter ** Neptune	* Earth ** Saturn	* Mercury ** Mercury	* Venus ** Venus	*Mars *** Jupiter	*Moon ** Earth
THỨC ĂN	Protein	Fats	Carbo- hydrate	Unknown	Vitamin	Water	Chủ nghĩa Đầu sỏ
ÂM ĐIỀU	DOH	SOH	FAH	ME	RE	TE	Chuyên chế Thần quyền
CHÍNH TRỊ	Chủ nghĩa Phát xít	Democracy	Socialism	Quô nghĩa Thành phố	Oligarchy	Thù nghĩa Despotism	Chủ nghĩa Cộng sản

BẢY CUNG TƯƠNG ỨNG (Nửa thứ 2)

CUNG	I	II	III	IV	V	VI	VII
KHÍ	Nitrogen	Oxygen	Hydrogen	Carbon- dioxide	Ammonia	Incense- laden	Nitrous Oxide
GIÁC QUAN	Thị giác	Trực giác	Thính giác	Vị giác	Concrete Xúc giác	Đau	Mùi
CÔI	Adi & Atmic	Tâm thức chân ngã	Hạ trí	Bồ đề	Concrete mind	Cảm dục	Physical Dĩ thái
NƠI DÀNH CHO NERV	Đại não	Não giữa	Hành tủy	Cerebellum	Hệ Thần kinh Ngoại vi	Hệ Thần kinh Giao cảm	Para- Phó giao cảm
TUYẾN NỘI TIẾT	Tuyến tòng	Tuyến ức	Tuyến giáp	Tiểu não	Tuyến yên	Tuyến tụy	Tuyến sinh dục
HỖN QUỐC GIA	India China	UK USA	Unknown	Tuyến thượng Germany	France	Italy Spain	Russia
PHẨM NGÃ QUỐC GIA	UK Germany	USA Brazil	China France	Iustria Italy	Austria	USA Russia	Spain
HÌNH DẠNG	Circle	Tam giác	Square	Sphale (Squared)	Sphere (thấu kính)	Cube	Tây Ban Nha
LUÂN XA	Head	Heart	Cổ họng	Đase od đáy cột sống	Brow	Tùng thái dương	Hình kim tự tháp
GIỚI	Shamballa	Thánh Đoàn	Deva	Nhân loại	Animal	Plant	Mineral

Great Britain has a personality on the Ray of Will and Power and a Soul that responds to the Second Ray of Love-Wisdom. The latter is the Ray of the teacher, and Britain occupies such a role in the community of nations. Germany has a First Ray Soul and a personality on the Ray of Art and Harmony through Conflict (the Fourth Ray).

Vương quốc Anh có một phẩm ngã trên Cung của Ý chí và Quyền năng và một Linh hồn đáp ứng với Cung Hai của Bác ái-Minh triết. Cung sau là Cung của người thầy, và nước Anh đảm nhận vai trò như vậy trong cộng đồng các quốc gia. Nước Đức có một Linh hồn Cung Một và một phẩm ngã trên Cung của Nghệ thuật và Sự hài hoà qua Xung đột (Cung Bốn).

The Rays operate via the auras of organisms at all levels. Nations, planets, solar systems—all have auras and the qualities of their auras can be expressed in terms of the Seven Rays. (See my book *Esoteric Psychology, The Seven Rays*.) There is another auric matter of great importance related to the Rays. We can trace sympathies which exist between organisms that have similar Rays. The diamond is on the First Ray. So is the horse, Fascism, the colour flame-red, and the planet Mercury. Thus, by means of the Rays we can trace correspondences between organisms. This is very helpful in such matters as healing and teaching. First Ray types make good leaders, explorers, frontiersmen and archeologists. Sixth Ray types, on the Ray of Devotion and Idealism, make poor scientists but good clergymen.

Các Cung vận hành thông qua hào quang của các sinh thể ở mọi cấp độ. Các quốc gia, hành tinh, hệ mặt trời—tất cả đều có hào quang, và những phẩm tính của hào quang ấy có thể được diễn đạt bằng các Cung. (Xem tác phẩm *Esoteric Psychology, The Seven Rays* của tôi.) Có một vấn đề khác về hào quang có tầm quan trọng lớn liên quan đến các Cung. Chúng ta có thể truy nguyên những sự đồng cảm tồn tại giữa các sinh thể có cùng Cung. Kim cương thuộc Cung Một. Con ngựa, chủ nghĩa Phát xít, màu đỏ lửa, và hành tinh Thuỷ tinh cũng vậy. Do đó, nhờ các Cung mà chúng ta có thể truy tìm các sự tương ứng giữa các sinh thể. Điều này rất hữu ích trong những vấn đề như chữa trị và giảng dạy. Những người thuộc Cung Một là những nhà lãnh đạo, nhà thám hiểm, người khai phá và nhà khảo cổ học giỏi. Những người thuộc Cung Sáu, trên Cung của Lòng sùng tín và Chủ nghĩa lý tưởng, thì không phải là những nhà khoa học giỏi nhưng lại là những mục sư tốt.

Compatibility and Incompatibility of Auras—Khả năng tương thích và không tương thích của các Hào Quang

Sometimes we cannot account for a feeling of antagonism that rises in us when we meet someone for the first time. You just know that you will not hit it off with that person and that there is, therefore, no point in persisting with the relationship. When such an antagonism exists between members of a family or between two employees in a business it can be extremely disruptive and unpleasant. Some people even react to their environments adversely. Others, like those who retire, cannot go on living without the energies they derived from their former conditions in employment and may literally waste away. Some even manifest what appear to be ‘allergic’ responses to such situations and come out in spots or show signs of being in

Đôi khi chúng ta không thể lý giải được một cảm giác đối kháng nảy sinh trong mình khi lần đầu gặp một ai đó. Bạn chỉ biết rằng mình sẽ không thể hoà hợp với người ấy và do đó chẳng có lý do gì để cố gắng duy trì mối quan hệ. Khi sự đối kháng như vậy tồn tại giữa các thành viên trong một gia đình hoặc giữa hai nhân viên trong một doanh nghiệp, nó có thể gây rối loạn và khó chịu cực độ. Một số người thậm chí còn phản ứng tiêu cực với môi trường xung quanh. Những người khác, như những người về hưu, không thể tiếp tục sống thiếu những năng lượng mà họ đã nhận được từ điều kiện làm việc trước đây, và có thể sẽ dần hao mòn. Một số người thậm chí còn biểu lộ những phản ứng tưởng chừng như “dị ứng” trước những tình huống như vậy và nổi mẩn hoặc có

shock. Exhaustive tests reveal no actual physical basis for their responses and we must then assume allergy at the auric level. We do react to each others' auras.

There may be, of course, the opposite of antagonism between the auras such as compatibility and affinity. Usually karma is at the basis of these auric responses and the horoscope can give fairly detailed pointers to causes. Karma is the name given to that great law of nature which redresses. To every action there is a reaction. Set in motion a pendulum and it will swing back to you. Set in motion a cause in your life and there will follow, inevitably, but not always rapidly, an effect. The appropriateness of the effect and its timing is governed by the law of karma. The 'spread' of the particular cause and effect may be over many lives. The impact of the effect may be purely physical or it may be emotional, mental and even spiritual. When it is related to the latter, it is effective usually through the aura. Where bad karma exists between two people, or two races, it may lie just below the level of consciousness and there will be a rancour between the two when they confront each other. We are all prone to this unless we have especially good karma.

In such a situation, we feel all sorts of strange urgings and inhibitions which cannot be accounted for in terms of ordinary psychology. It is wise for young couples to have the charts of both parties compared for incompatibilities which are karmic and may operate at deep levels. "His moon" and "her sun" are usually examined in the chart and if they do not actually form a 'square' aspect, then a go-ahead may be given to the marriage.

dấu hiệu bị sốc. Những cuộc kiểm tra kỹ lưỡng cho thấy không có cơ sở thể chất thực sự nào cho những phản ứng đó, và khi ấy chúng ta phải giả định rằng đó là dị ứng ở mức độ hào quang. Quả thật, chúng ta phản ứng với hào quang của nhau.

Tất nhiên, cũng có thể tồn tại điều ngược lại với sự đối kháng giữa các hào quang, như sự hoà hợp và đồng cảm. Thông thường, nghiệp quả là nền tảng của những phản ứng hào quang này, và lá số chiêm tinh có thể chỉ ra khá chi tiết những nguyên nhân. Nghiệp quả là tên gọi dành cho định luật vĩ đại của thiên nhiên vốn điều chỉnh sự công bằng. Mọi hành động đều có phản ứng. Đặt một con lắc chuyển động và nó sẽ đung đưa trở lại về phía bạn. Khởi động một nguyên nhân trong đời bạn và tất yếu sẽ có một hậu quả theo sau, nhưng không phải lúc nào cũng nhanh chóng. Tính thích đáng của hậu quả và thời điểm xảy ra của nó được chi phối bởi định luật nghiệp quả. "Phạm vi" của nguyên nhân và hậu quả cụ thể có thể trải rộng qua nhiều kiếp sống. Tác động của hậu quả có thể hoàn toàn là thể chất hoặc có thể là cảm xúc, trí tuệ và thậm chí cả tinh thần. Khi liên quan đến những điều sau, nó thường biểu lộ qua hào quang. Khi có nghiệp quả xấu giữa hai người, hoặc hai giống dân, nó có thể nằm ngay dưới mức ý thức và sẽ có sự oán hận giữa họ khi họ đối diện nhau. Tất cả chúng ta đều dễ mắc phải điều này, trừ khi chúng ta có nghiệp quả đặc biệt tốt.

Trong một tình huống như vậy, chúng ta cảm thấy đủ loại thôi thúc và sự ức chế kỳ lạ không thể giải thích bằng tâm lý học thông thường. Thật khôn ngoan cho các cặp đôi trẻ khi so sánh lá số của cả hai bên để xem có những bất hoà mang tính nghiệp quả hay không, vốn có thể tác động ở các tầng sâu. "Mặt trăng của người này" và "Mặt trời của người kia" thường được xem xét trong lá số, và nếu chúng không thực sự tạo thành một khía cạnh "vuông góc"

These two ‘planets’ are called luminaries, the sun giving direct light and the moon reflecting light, hence, through light, their affinities with matters that are auric.

We can usually speak very well for our own auric responses. The author has sometimes been confronted, perhaps on lecture tour, by a complete stranger who has had the ability to raise, literally, the hairs on the back of his neck. This tells him immediately that there is bad karma, probably of very ancient origin and whilst there would be no outward show on his part of such auric incompatibility, he would make sure that such a person plays no strategic role in his own life in the future or, if he must, then it should be regulated to occur when he, the author, is in a position of strength to deal with it.

thì có thể cho phép tiến tới hôn nhân. Hai “hành tinh” này được gọi là các thiên thể sáng, Mặt trời chiếu sáng trực tiếp và Mặt trăng phản chiếu ánh sáng, do đó, thông qua ánh sáng, chúng có mối liên hệ với những vấn đề thuộc về hào quang.

Chúng ta thường có thể nói rất rõ về những phản ứng hào quang của chính mình. Tác giả đôi khi đã đối diện, có lẽ trong một chuyến đi giảng, với một người lạ hoàn toàn, người có khả năng khiến cho lông gáy của Ông dựng đứng lên. Điều này nói với Ông ngay lập tức rằng có nghiệp quả xấu, có lẽ có từ thời rất xa xưa, và mặc dù Ông sẽ không biểu lộ ra ngoài bất kỳ dấu hiệu nào về sự bất hoà hào quang như vậy, Ông sẽ chắc chắn rằng người đó sẽ không đóng vai trò chiến lược nào trong đời Ông sau này, hoặc nếu buộc phải có, thì nó phải diễn ra trong điều kiện mà Ông, tức tác giả, đang ở vị thế đủ mạnh để đối diện với nó.

The Influences of Karma—Ảnh hưởng của nghiệp quả

The bible truly states “Whatever a man sows, that shall he also reap.” Too frequently, we reap through the sensitive parts of our aura even to the extent of being made ill. In the horoscope, Saturn is the signifier of karma of long standing that brings sorrow and suffering or of good karma of ancient origin that shows as rewards in old age. On the other hand, Mars is the signifier of karma of short standing, going back perhaps only a few lives. When Mars is adversely related to the planet Uranus in the horoscope, then that karma tends to surface as the tendency to be ‘accident prone’¹. Fortunately, accident proneness shows up quite early in life because the karma behind it is not of long standing. It is easily recognisable in children and very special considerations have to be given to that child and his behaviour by the watchful

Kinh Thánh quả thật đã nói: “Người gieo giống nào thì sẽ gặt giống ấy.” Quá thường xuyên, chúng ta gặt hái qua những phần nhạy cảm của hào quang, thậm chí đến mức bị sinh bệnh. Trong lá số chiêm tinh, Thần tinh (Saturn) là hành tinh biểu thị nghiệp quả lâu đời, vốn mang lại đau khổ và phiền muộn, hoặc là nghiệp quả tốt có nguồn gốc cổ xưa, được biểu lộ như phần thưởng vào tuổi già. Mặt khác, Hỏa tinh (Mars) là hành tinh biểu thị nghiệp quả ngắn hạn, có lẽ chỉ trở lại vài kiếp sống. Khi Hỏa tinh có mối liên hệ bất lợi với hành tinh Thiên Vương tinh (Uranus) trong lá số, thì nghiệp quả ấy có khuynh hướng trở lên thành xu hướng “dễ gặp tai nạn”. May thay, khuynh hướng dễ gặp tai nạn này thường bộc lộ khá sớm trong đời, vì nghiệp quả đứng đằng sau nó không thuộc loại lâu đời. Nó có thể dễ dàng được nhận ra nơi trẻ em, và cần phải có

parents. They can usually absorb much of this karmic situation through their own receptiveness and stability. Much of it is taken in through the parents' auras unconsciously. They may be only faintly aware of these processes through experiencing an uneasiness in the child's presence or through feeling for him when he suffers in any way from his accident proneness. Most of these unexpressed empathies are in the aura but they may, unconsciously, tax the nervous systems of the parents.

những lưu tâm đặc biệt đối với đứa trẻ ấy và hành vi của nó từ những bậc cha mẹ cảnh giác. Thông thường, họ có thể hấp thu phần lớn tình huống nghiệp quả này thông qua sự tiếp nhận và sự ổn định của chính họ. Nhiều phần của nó được hấp thu một cách vô thức qua hào quang của cha mẹ. Họ có thể chỉ mơ hồ nhận biết những tiến trình này thông qua việc cảm thấy bất an trong sự hiện diện của đứa trẻ hoặc thông qua sự đồng cảm dành cho nó khi nó chịu bất kỳ đau khổ nào từ khuynh hướng dễ gặp tai nạn của mình. Phần lớn những sự đồng cảm không được biểu lộ này tồn tại trong hào quang, nhưng chúng cũng có thể, một cách vô thức, gây gánh nặng cho hệ thần kinh của cha mẹ.

Shared Auras—Hào quang chia sẻ

Extraordinary things may occur when auras are shared with other individuals. In true healing, the aura of the healer must merge with that of his patient. The two auras become one. In the combined aura, the healer becomes the North Pole and the vortex of the complex. The patient becomes the South Pole and torrent of the same complex. Vast currents of energy flow from the psyche of the healer into the South Polar Region which interpenetrates the patient. The patient's aura is 'flushed out' with the energies of the healer. The patient's natural vital processes are revived and he returns to health. This is very elementary in healing.

Những điều phi thường có thể xảy ra khi các hào quang được chia sẻ với những cá nhân khác. Trong sự chữa lành chân chính, hào quang của người chữa lành phải hoà nhập với hào quang của bệnh nhân. Hai hào quang trở thành một. Trong hào quang hợp nhất ấy, người chữa lành trở thành Cực Bắc và xoáy tâm của toàn thể phức hợp. Bệnh nhân trở thành Cực Nam và dòng xoáy của cùng phức hợp đó. Những dòng năng lượng to lớn tuôn chảy từ tâm thức của người chữa lành vào Vùng Cực Nam vốn thâm nhập vào bệnh nhân. Hào quang của bệnh nhân được "tẩy sạch" bằng những năng lượng của người chữa lành. Các tiến trình sinh lực tự nhiên của bệnh nhân được hồi sinh và y trở lại tình trạng khoẻ mạnh. Đây là điều rất sơ đẳng trong chữa lành.

However, on the debit side the same sort of thing may occur where one person's aura may encroach on that of another's and, again, the two auras become one, more or less on a permanent basis. This occurs in many cases of homosexuality, especially in the male where a

Tuy nhiên, ở phương diện bất lợi, điều tương tự có thể xảy ra khi hào quang của một người xâm nhập vào hào quang của người khác và, một lần nữa, hai hào quang trở thành một, ít nhiều trên cơ sở thường trực. Điều này xảy ra trong nhiều trường hợp đồng tính luyến ái,

dominant mother may thus encroach on her son's aura quite unwittingly. Sometimes this is made easier when the father of the boy is away for long periods or is deceased and where the son fills the vacuum for the mother's attention. Normally, a boy is attracted to the father's ways and mannerisms in what is known as the apprenticeship complex. This is very healthy: the boy wants to become an engine-driver or milkman, like his daddy. He absorbs masculinising qualities from his father's aura. When he is fully adult and male, the father's influence wanes and the boy's aura is fully independent and male. The sharing of an aura between mother and son confers extraordinary sensitivity during the feminising processes and the changes occurring may escape detection until after puberty. If the father's influence is not re-established by this time, the homosexuality is usually irreversible.

The same pattern of events may occur in the relationship between father and daughter, but it is usually masked and its effects are not nearly so severe. The recent tendencies of women to wear men's clothes anyway and to become involved in what were formerly male occupations, covers up what might have been a more obvious problem.

đặc biệt ở nam giới, nơi một người mẹ có tính cách áp đảo có thể vô tình xâm nhập vào hào quang của con trai mình. Đôi khi điều này càng dễ xảy ra khi người cha của cậu bé vắng mặt trong thời gian dài hoặc đã qua đời, và khi đó người con trai lấp đầy khoảng trống trong sự chú ý của người mẹ. Thông thường, một cậu bé bị thu hút bởi những thói quen và tác phong của cha trong cái gọi là phức hợp tập sự. Điều này rất lành mạnh: cậu bé muốn trở thành một người lái tàu hay một người giao sữa giống như cha mình. Cậu hấp thụ những phẩm tính nam tính hoá từ hào quang của cha. Khi trưởng thành hoàn toàn và là một người đàn ông, ảnh hưởng của người cha giảm dần và hào quang của cậu trở nên độc lập và mang tính nam hoàn toàn. Sự chia sẻ một hào quang giữa mẹ và con trai mang lại một độ nhạy cảm phi thường trong suốt tiến trình nữ tính hoá, và những thay đổi xảy ra có thể thoát khỏi sự phát hiện cho đến sau tuổi dậy thì. Nếu ảnh hưởng của người cha không được tái lập vào thời điểm đó, đồng tính luyến ái thường là không thể đảo ngược.

Cùng một mô thức sự kiện có thể xảy ra trong mối quan hệ giữa cha và con gái, nhưng nó thường bị che giấu và tác động của nó không nghiêm trọng đến thế. Xu hướng gần đây của phụ nữ mặc quần áo nam và tham gia vào những công việc trước kia vốn dành cho nam giới, đã che phủ đi điều vốn có thể là một vấn đề hiển nhiên hơn.



Hào quang chung của gia đình

7. Dissemination of the Aura—Sự lan toả của hào quang

Dissemination of the aura may be achieved through simple exercises, some of them based on the science of yoga; but there can be no extensive dissemination without radical changes in the ways of thinking and especially so through the modification of attitudes. In astrology, attitudes come under the rulership of the First House in the horoscope and this is coincidentally the house which is the Home of the Soul. Those who practise yoga, however, can often be grossly misled into believing they are affecting their auric growth purely through physical gymnastics. Some believe that the achievement of robust health is synonymous with spiritual well-being. We have, all of us, known the glories of physical perfection through our lives in the bodies provided by the great Lemurian civilisations. However, whereas mastery of the physical body was the target of spiritual unfoldment in those days, it is no longer so in this age.

The author once lectured to a prominent yoga group in Johannesburg where his words were enthusiastically received. However, the following morning the leader of the group was inundated with phone calls from pupils enquiring how they could begin the practice of Raja Yoga. My words had stimulated them to seek further. The leader had bragged how she could bring robust health to all her flock and how they would “sleep like horses” after practising her methods. The true aim for our own root race is very different from this. Robust health is welcome, but not at the expense of sensitivity. In this day and age, a sensitive physical instrument, receptive to the dictates of its immortal self, the Soul, is now required. Sleeping like a horse is hardly conducive to receptivity. Even with a sensitive physical vehicle, many have great difficulty in remembering the content of their

Sự lan toả của hào quang có thể đạt được thông qua những bài tập đơn giản, một số dựa trên khoa học yoga; nhưng không thể có sự toả rộng rãi nếu không có những thay đổi căn bản trong cách tư duy, và đặc biệt là qua sự điều chỉnh các thái độ. Trong chiêm tinh học, thái độ thuộc sự cai quản của Nhà Thứ Nhất trong lá số, và trùng hợp thay, đây chính là nhà vốn là Nhà của Linh hồn. Tuy nhiên, những người thực hành yoga thường có thể bị lầm lạc nặng nề khi tin rằng họ đang ảnh hưởng đến sự phát triển hào quang của mình chỉ bằng những bài tập thể dục. Một số tin rằng đạt được sức khỏe cường tráng đồng nghĩa với sự an lạc tinh thần. Tất cả chúng ta, đều đã từng biết đến vinh quang của sự toàn hảo thể chất qua những kiếp sống trong các thể xác được ban cho bởi những nền văn minh Lemuria vĩ đại. Tuy nhiên, trong khi làm chủ thể xác là mục tiêu của sự khai mở tinh thần vào thời ấy, thì ngày nay điều đó không còn đúng nữa.

Tác giả từng có một buổi thuyết giảng trước một nhóm yoga nổi tiếng ở Johannesburg, nơi lời nói của ông đã được đón nhận đầy nhiệt thành. Tuy nhiên, sáng hôm sau, lãnh đạo của nhóm bị ngập trong các cuộc gọi từ học viên, hỏi xem họ có thể bắt đầu thực hành Raja Yoga như thế nào. Lời nói của tôi đã khích lệ họ tìm kiếm thêm. Vị lãnh đạo ấy đã khoe khoang rằng bà có thể mang lại sức khỏe cường tráng cho toàn thể môn sinh của mình và rằng họ sẽ “ngủ như ngựa” sau khi thực hành các phương pháp của bà. Nhưng mục tiêu đích thực cho giống dân gốc của chúng ta thì rất khác. Sức khỏe cường tráng là điều đáng quý, nhưng không phải với cái giá phải trả là sự nhạy cảm. Trong thời đại ngày nay, một khí cụ thể chất nhạy cảm, tiếp nhận những mệnh lệnh từ chân ngã bất tử của nó, tức Linh hồn, là điều được đòi hỏi. Ngủ như ngựa thì khó mà thuận lợi cho sự tiếp nhận. Ngay cả khi có một thể xác

dreams, the substance of their meditations, etc. were individuals blessed with a high receptivity to the Soul and they rarely possessed robust physical bodies as history shows. Their auras were extensive and of the highest quality. We must, even as personalities, accept that different laws begin to govern man, once he treads the path of return and that the criterion of his existence alters too. We must, for instance, be prepared to sacrifice robust health, or trade it in for 'sensitive health.'

nhạy cảm, nhiều người vẫn gặp khó khăn lớn trong việc ghi nhớ nội dung giấc mơ, nội dung các cuộc tham thiền, v.v... Những cá nhân được ban phúc lành với sự tiếp nhận cao đối với Linh hồn hiếm khi sở hữu những thể chất cường tráng, như lịch sử cho thấy. Hào quang của họ rộng lớn và thuộc phẩm chất cao nhất. Ngay cả với tư cách phàm ngã, chúng ta phải chấp nhận rằng những định luật khác bắt đầu chi phối con người, một khi y bước đi trên con đường trở về, và tiêu chuẩn cho sự hiện hữu của y cũng thay đổi. Chúng ta, chẳng hạn, phải sẵn sàng hy sinh sức khoẻ cường tráng, hay đánh đổi nó để có được "sức khoẻ nhạy cảm."

The Example of the Saint—Gương Thánh

In the ideal of the saint and, indeed, in the ideal saint himself, we have a living lesson on dissemination of the aura. Sidney Ransom, the well-known theosophist, wrote a revealing article in 'The Theosophist' of September 1958 which is relevant here. He wrote that the list of virtues necessary for entry into the Kingdom of Heaven is the series of brief challenging sentences called 'The Beatitudes'. "Blessed are the poor" almost foretold the teaching of St Francis. Later saints have proved the truth of that other beatitude: "Blessed are ye, when men shall revile you, and persecute you, and shall say all manner of evil against you falsely ..." And the hope of some modern saints is to be found in that brief prophecy: "Blessed are the peacemakers."

There is little doubt that one of the required virtues of a saint is that he must learn to live together with his fellow-saints, learn to co-operate on all planes, to work and play together, and all "to the glory of God". The science of community living, even without

Trong hình mẫu của vị thánh và, thật vậy, trong chính vị thánh lý tưởng, chúng ta có một bài học sống động về sự phổ truyền của hào quang. Sidney Ransom, nhà Thông Thiên Học nổi tiếng, đã viết một bài báo tiết lộ trong *The Theosophist* tháng 9 năm 1958 có liên quan đến điều này. Ông viết rằng danh sách các đức hạnh cần thiết để được bước vào Nước Trời chính là chuỗi những câu ngắn gọn đầy thách thức gọi là "Các Mối Phúc". "Phước cho ai nghèo khó" gần như đã tiên báo giáo huấn của Thánh Francis. Các thánh nhân sau này đã chứng minh chân lý của mỗi phúc khác: "Phước cho các người, khi người ta lăng mạ các người, bắt bớ các người, và vì Ta mà vu khống đủ điều gian ác chống lại các người..." Và niềm hy vọng của một số vị thánh hiện đại được tìm thấy trong lời tiên tri ngắn gọn ấy: "Phước cho ai kiến tạo hoà bình."

Không còn nghi ngờ gì nữa, một trong những đức hạnh cần có của một vị thánh là Ngài phải học cách sống cùng nhau với các huynh đệ thánh nhân, học cách hợp tác trên mọi bình diện, cùng nhau làm việc và vui chơi, tất cả đều "vì vinh quang của Thượng đế." Khoa học

any saintliness, is valuable, but no lasting Utopia will exist unless both these elements are present.

In the case of St. Augustine, his efforts, like those of other saints, were directed to the conquering of fleshy desires, but when this victory had in a large measure been reached, he quickly saw that the next enemies to be fought were pride and arrogance, and whether from personal experience, or from reading biographies, we know how many subtle and unexpected ways pride rears its ugly head!

The opposite of pride is humility, but we need to be careful as to what kind of humility is being aimed at. The essence of true humility is that it is entirely natural, without any possible trace of pose—the humility which a young amateur astronomer would possibly have when surveying the majestic sky with a small boy's telescope. What has been called “false modesty” is but a distressing social lapse and is, of course, but a form of the old besetting sin of pride. Humility is often learnt by the hard way of experiencing what it feels like to be humiliated, even as the hard and quickest way of learning the meaning of justice may be to experience some treatment of injustice. So what the saints were striving after may sometimes be indicated in the very experiences they suffered— and sometimes rejoiced in.

An early form of humility is, of course, just ordinary plain vanity!—being vain, for example, as to one's appearance. If pride is the sin “by which angels fell,” as Cardinal Wolsey found, we need not be unduly ashamed at owning to one or other of the innumerable

về đời sống cộng đồng, ngay cả khi không có sự thánh thiện, cũng rất giá trị, nhưng sẽ không bao giờ tồn tại một Utopia bền vững nếu thiếu cả hai yếu tố này.

Trong trường hợp của Thánh Augustine, những nỗ lực của Ngài, giống như những vị thánh khác, được hướng đến việc chinh phục những dục vọng xác thịt, nhưng khi chiến thắng này đã đạt được ở mức độ lớn, Ngài nhanh chóng nhận ra rằng những kẻ thù tiếp theo cần phải chiến đấu là sự kiêu hãnh và ngạo mạn, và dù từ kinh nghiệm cá nhân hay từ việc đọc tiểu sử, chúng ta đều biết bao nhiêu cách tinh vi và bất ngờ mà sự kiêu hãnh có thể ngóc đầu dậy!

Điều đối nghịch với kiêu hãnh là khiêm nhường, nhưng chúng ta cần cẩn trọng xem loại khiêm nhường nào mới là điều nhắm đến. Bản chất của sự khiêm nhường đích thực là hoàn toàn tự nhiên, không hề có chút giả vờ nào — đó là sự khiêm nhường mà một nhà thiên văn trẻ có thể có khi quan sát bầu trời hùng vĩ bằng kính viễn vọng của một cậu bé. Cái gọi là “giả khiêm tốn” chỉ là một sự sa sút đáng buồn về mặt xã hội và, dĩ nhiên, chỉ là một hình thức khác của tội lỗi xưa cũ — kiêu hãnh. Khiêm nhường thường được học qua con đường khó khăn là trải nghiệm cảm giác bị hạ nhục, cũng như cách khó khăn và nhanh nhất để học ý nghĩa của công bằng có thể là trải nghiệm một sự đối xử bất công nào đó. Vậy nên, những gì các vị thánh khao khát hướng tới đôi khi có thể được chỉ ra ngay trong những kinh nghiệm mà các Ngài đã chịu đựng — và đôi khi vui mừng trong đó.

Một hình thái sớm của khiêm nhường, dĩ nhiên, chỉ là sự phù phiếm đơn giản! — ví dụ, sự tự mãn về vẻ bề ngoài của mình. Nếu kiêu hãnh là tội lỗi “khiến các thiên thần sa ngã,” như Hồng y Wolsey từng nhận ra, thì chúng ta cũng không cần quá xấu hổ khi thừa nhận một

ways in which it appears.

The biographies of many cardinals suggest how great were the temptations arrogantly to love power, influence and social status, and how it was pride that brought about the fall; pride of one's own achievements, and sometimes pride in one's nation or church.

What a saint says in a sermon or prayer in an assembly may not always be in accord with what he is and how he acts in private life; but when the outer and the inner are in accord, then the sayings of such a saint may be accepted as true teaching indeed. Such a saint was St Francis:

Lord, make me an instrument of your Peace —

Where there is hatred let me sow love;

Where there is injury, pardon;

Where there is doubt, faith;

Where there is despair, hope;

Where there is darkness, light;

Where there is sadness, joy.

Disciplines for Processing the Aura

The neophyte often worries too much about the disciplines needed to process the aura. They are really very simple and are usually undertaken in the normal course of everyday living. But a guideline is needed. Basic, perhaps, is the importance of attitudes. A very large part of our daily living is taken up by the

trong vô số cách mà nó biểu lộ.

Tiểu sử của nhiều hồng y cho thấy những cảm dỗ to lớn khiến họ ngạo mạn yêu thích quyền lực, ảnh hưởng và địa vị xã hội, và chính sự kiêu hãnh đã đưa đến sự sa ngã; kiêu hãnh về thành tựu của bản thân, và đôi khi là kiêu hãnh về quốc gia hay giáo hội của mình.

Điều mà một vị thánh nói trong một bài giảng hay một lời cầu nguyện trước công chúng không phải lúc nào cũng phù hợp với bản chất và hành vi của Ngài trong đời sống riêng tư; nhưng khi cái bên ngoài và cái bên trong hài hòa, thì lời nói của một vị thánh như vậy mới có thể được chấp nhận là giáo huấn chân chính. Một vị thánh như thế chính là Thánh Francis:

Lạy Chúa, xin hãy biến con thành khí cụ của Bình An Ngài —

Nơi nào có hận thù, xin cho con gieo Tình thương;

Nơi nào có tổn thương, xin cho con gieo Tha thứ;

Nơi nào có hoài nghi, xin cho con gieo Đức tin;

Nơi nào có tuyệt vọng, xin cho con gieo Hy vọng;

Nơi nào có bóng tối, xin cho con gieo Ánh sáng;

Nơi nào có buồn sầu, xin cho con gieo Niềm vui.

Kỷ luật để Xử lý Hào quang

Người sơ cơ thường lo lắng quá mức về những kỷ luật cần thiết để xử lý hào quang. Thực ra chúng rất đơn giản và thường được thực hiện trong tiến trình sống hằng ngày. Nhưng một chỉ dẫn là cần thiết. Có lẽ, căn bản là sự quan trọng của thái độ. Một phần rất lớn trong đời sống hằng ngày của chúng ta bị chi phối bởi

attitudes we adopt, our outlooks, policies and intentions. The most important attitude of all is that of 'harmlessness'. By being meticulous about hurting nobody with our thoughts, words and deeds, we immediately reduce the load of our karma and introduce an expansive factor into the aura. The outermost reaches of the aura are extended so that the ring-pass-not of it becomes more voluminous and our presence is 'felt' at greater and greater distances and by more and more creatures. It is said of the Lord Buddha, that his aura could be felt to a radius of three miles.

Overwork can inhibit, even damage the aura. True, we may vary the work to reduce the burden on any one spot in the aura, but this is not nearly as effective as taking short rests or diverting oneself with joyful tasks (exercise merely for the sake of it alone is not recommended). Sir Francis Bacon, an earlier incarnation of the Count St Germain, and a Master of the Wisdom, recommended "lucid intervals and happy pauses" for the dynamic aura. Robert Browning, poet, and formerly the English Master, also recommended light tasks to his disciples, tasks that are a joy, like gardening, to refresh the aura. He also thought that a walk through the market place each day was a refreshing act which reduced auric tensions. Reading and writing regularly, and certainly study itself, make auric impacts on those parts of it related to the face, the sundial of man. The breath of intellect soon removes the blankness of a callow life and introduces character into Man's sundial.

những thái độ mà chúng ta chọn, quan điểm, chính sách và ý định của mình. Thái độ quan trọng nhất trong tất cả chính là "vô tổn hại". Bằng cách tỉ mỉ để không làm tổn thương ai bằng ý nghĩ, lời nói và hành động của mình, chúng ta lập tức giảm bớt gánh nặng nghiệp quả và đưa vào hào quang một yếu tố mở rộng. Những ranh giới ngoài cùng của hào quang được kéo dài ra để vòng-giới-hạn của nó trở nên rộng lớn hơn, và sự hiện diện của chúng ta được "cảm nhận" ở những khoảng cách ngày càng xa hơn và bởi ngày càng nhiều sinh linh hơn. Người ta nói rằng hào quang của Đức Phật có thể được cảm nhận trong một bán kính ba dặm.

Làm việc quá sức có thể ức chế, thậm chí làm tổn hại hào quang. Đúng là chúng ta có thể thay đổi công việc để giảm bớt gánh nặng trên một điểm nào đó trong hào quang, nhưng điều này không hiệu quả bằng việc nghỉ ngơi hoặc làm mới bản thân bằng những công việc vui vẻ (tập thể dục chỉ vì bản thân nó thì không được khuyến khích). Sir Francis Bacon, một kiếp trước của Bá tước St Germain, và là một Chân sư Minh triết, đã khuyên "những khoảng nghỉ sáng suốt và những giây phút hạnh phúc" để duy trì một hào quang năng động. Robert Browning, thi sĩ, và nguyên là một Chân sư người Anh, cũng đã khuyên các đệ tử của mình nên có những công việc nhẹ nhàng, vui vẻ, như làm vườn, để làm mới hào quang. Ông cũng nghĩ rằng việc đi dạo qua chợ mỗi ngày là một hành động làm tươi mới, giúp giảm căng thẳng hào quang. Đọc và viết thường xuyên, và dĩ nhiên cả việc học tập, tạo ra những tác động hào quang lên những phần liên quan đến khuôn mặt, vốn là đồng hồ mặt trời của con người. Hơi thở của trí tuệ nhanh chóng xóa bỏ sự trống rỗng của một cuộc đời non nớt và đưa vào đồng hồ mặt trời của Con Người tính cách đích thực.

Acquiring and Maintaining Mental Integration—Có được và duy trì sự tích hợp trí tuệ

Garrulous old ladies and gossiping pensioners on the benches in the park may appear harmless enough but this talk may harden certain areas of the aura that feed prana to the cerebral cortex of the brain and hasten, relentlessly, the onset of senility. The habit of writing a few passages each day in the spiritual or psychological diary enhances the capacity for exactness. The mental body, through the habit of writing, lines itself up more precisely with the matrix of the etheric body which interpenetrates the physical structures and energises them.

Neglect of writing not only leads to poor spelling but to lack of precise thinking and poor co-ordination of the mental body with the other two. Keeping a spiritual diary carefully each day rewards us with infusions of energy from the mental plane and, depending on the spiritual quality of the thoughts behind the entries, energies from the higher, spiritual planes as well.

Some comments of Francis Bacon on the art of reading are relevant here. He said that some books are to be tasted, others to be swallowed, and some few to be chewed and digested. That is, some books are to be read only in parts; others to be read but not curiously; and some few to be read wholly, and with diligence and attention. Some books may also be read by deputy, and extracts made of them by others. To these comments, the author would add that the writing out of two or three quotations of high merit in the spiritual diary from a book like *The Voice Of The Silence* has enormous effects upon the disseminating aura.

Francis Bacon also wrote that “Reading maketh a full man; conference, a ready man;

Những bà lão lảm lời và những người hưu trí nhiều chuyện trên các băng ghế trong công viên có thể trông như vô hại, nhưng những câu chuyện đó có thể làm cứng lại những khu vực nhất định của hào quang vốn cung cấp prana cho vỏ não của bộ não và thúc đẩy, một cách không thương xót, sự khởi phát của chứng lú lẫn. Thói quen viết vài đoạn mỗi ngày trong nhật ký tinh thần hay tâm lý làm tăng năng lực chính xác. Thể trí, nhờ thói quen viết, tự sắp xếp chính xác hơn với khuôn mẫu của thể dĩ thái vốn thâm nhập vào cấu trúc thể chất và tiếp sinh lực cho chúng.

Sự lơ là việc viết không chỉ dẫn đến chính tả kém mà còn dẫn đến sự thiếu chính xác trong tư duy và sự phối hợp kém giữa thể trí với hai thể còn lại. Việc giữ một cuốn nhật ký tinh thần một cách cẩn thận mỗi ngày mang lại cho chúng ta sự tuôn đổ năng lượng từ cõi trí, và tùy thuộc vào phẩm chất tinh thần của những tư tưởng đứng sau các ghi chép, còn có cả năng lượng từ những cõi tinh thần cao hơn nữa.

Một số nhận xét của Francis Bacon về nghệ thuật đọc sách có liên quan ở đây. Ông nói rằng có những cuốn sách chỉ để nếm, có những cuốn để nuốt, và có một số ít để nhai và tiêu hóa. Nghĩa là, có những cuốn chỉ nên đọc từng phần; có những cuốn nên đọc nhưng không quá tò mò; và có một số ít cần được đọc toàn bộ, với sự siêng năng và chú tâm. Một số sách cũng có thể được đọc gián tiếp, và trích đoạn của chúng được ghi lại bởi người khác. Vào những nhận xét này, tác giả muốn thêm rằng việc chép ra hai hay ba câu trích dẫn có giá trị cao trong nhật ký tinh thần từ một cuốn như *The Voice Of The Silence* có tác động to lớn đến hào quang phổ truyền.

Francis Bacon cũng đã viết rằng: “Đọc sách tạo nên một con người đầy đủ; đàm luận tạo nên

and writing an exact man.” He said, “Histories make men wise; poets, witty; the mathematics, subtile; natural philosophy, deep; moral, grave; logic and rhetoric, able to contend.”

The impacts of such disciplines upon the personality of the reader, have no explanation except in terms of the mechanism of the aura.

một con người linh hoạt; và viết lách tạo nên một con người chính xác.” Ông nói: “Lịch sử làm cho con người khôn ngoan; thi ca làm con người dí dỏm; toán học làm con người tinh tế; triết học tự nhiên làm con người sâu sắc; luân lý làm con người nghiêm trang; logic và tu từ làm con người có khả năng tranh luận.”

Tác động của những kỷ luật như vậy lên phạm ngã của người đọc không có lời giải thích nào khác ngoài cơ chế của hào quang.

Concentration Exercise for Disseminating the Aura—Bài tập tập trung để phát tán hào quang

Concentration, as an exercise, is performed in the morning at the very earliest moment possible after the aspirant awakes. He must not arise to open blinds or perform any other unnecessary act. If the body is comfortable, he should at once relax and commence to concentrate. This is very important, as the spirit has just returned from the desire, or astral, world at the moment of waking, and at that time the conscious touch with that world is more easily regained than at any other time of the day.

We remember that during sleep the currents of the desire body flow, and its vortices move and spin with enormous rapidity. But as soon as it enters the dense body, its currents and vortices are almost stopped by the dense matter and the nerve currents of the vital body which carry messages to and from the brain. It is the object of this exercise to still the dense body to the same degree of inertia and insensibility as in sleep, although the spirit within is perfectly awake, alert, and conscious. Thus we make a condition where the sense centres of the desire body can begin to revolve while inside the dense body.

Tập trung, như một bài tập, được thực hiện vào buổi sáng vào thời khắc sớm nhất có thể ngay sau khi người chí nguyện thức dậy. Y không được ngồi dậy để mở rèm cửa hay làm bất kỳ hành động không cần thiết nào khác. Nếu thân thể thoải mái, y nên lập tức thư giãn và bắt đầu tập trung. Điều này rất quan trọng, vì tinh thần vừa mới trở về từ thế giới dục vọng, hay cõi cảm dục, vào khoảnh khắc thức giấc, và vào lúc đó sự tiếp xúc có ý thức với thế giới ấy dễ dàng được khôi phục hơn bất kỳ thời điểm nào khác trong ngày.

Chúng ta nhớ rằng trong lúc ngủ, các dòng chảy của thể dục vọng luân lưu, và các xoáy của nó chuyển động và quay với tốc độ khổng lồ. Nhưng ngay khi nó nhập vào thể đậm đặc, các dòng chảy và các xoáy hầu như bị dừng lại bởi chất liệu đậm đặc và các dòng thần kinh của thể sinh lực, vốn truyền tải thông tin đến và đi từ bộ não. Mục đích của bài tập này là khiến cho thể đậm đặc bất động ở cùng mức độ trì trệ và vô cảm như trong giấc ngủ, mặc dù tinh thần bên trong hoàn toàn tỉnh táo, linh hoạt và có ý thức. Như vậy chúng ta tạo ra một trạng thái trong đó các trung tâm giác quan của thể dục vọng có thể bắt đầu quay vòng trong khi vẫn ở bên trong thể đậm đặc.

Concentration is a word that puzzles many and carries meaning to but few, so we will endeavour to make its significance clear. The dictionary gives several definitions, all applicable to our idea. One is “to draw to a centre”; another, from chemistry, “to reduce to extreme purity and strength by removing valueless constituents.” Applied to our problem, one of the above definitions tells us that if we draw our thoughts to a centre, a point, we increase their strength on the principle that the power of the sun’s rays is increased when focused to a point by means of a magnifying glass. By eliminating from our mind for the time being all other subjects, our whole thought power is available for use in attaining the object or solving the problem on which we are concentrating. We may become so absorbed in our subject that if a cannon were fired above our heads we would not hear it. People may become so lost in a book that they are oblivious to all else, and the aspirant to spiritual sight must acquire the faculty of becoming equally absorbed in the idea he is concentrating upon so that he may shut out the world of sense from his consciousness and give his whole attention to the spiritual world. When he learns to do that he will see the spiritual side of an object or idea illuminated by spiritual light, and thus he will obtain a knowledge of the inner nature of things undreamt of by a worldly individual. When that point of abstraction has been reached the sense centres of the desire body commence to revolve slowly within the dense body and will thus make a place for themselves. This in time will become more and more defined, and it will require less and less effort to set them going.

The subject of concentration may be any high and lofty ideal, but should preferably be of

“Tập trung” là một từ khiến nhiều người bối rối và chỉ có ít người thấu hiểu ý nghĩa của nó, vì vậy chúng ta sẽ nỗ lực làm rõ tầm quan trọng của nó. Từ điển đưa ra nhiều định nghĩa, tất cả đều có thể áp dụng cho ý tưởng của chúng ta. Một định nghĩa là “hội tụ vào một trung tâm”; một định nghĩa khác, trong hoá học, là “giảm đến mức tinh khiết và mạnh mẽ tối đa bằng cách loại bỏ các thành phần vô giá trị.” Áp dụng cho vấn đề của chúng ta, một trong những định nghĩa trên cho biết rằng nếu chúng ta tập trung tư tưởng vào một trung tâm, một điểm, thì chúng ta gia tăng sức mạnh của chúng theo nguyên lý rằng năng lực của các tia mặt trời được tăng cường khi hội tụ vào một điểm bằng kính lúp. Bằng cách loại bỏ khỏi tâm trí trong một thời gian mọi đối tượng khác, toàn bộ năng lực tư tưởng của chúng ta sẽ sẵn có để sử dụng nhằm đạt được mục tiêu hoặc giải quyết vấn đề mà ta đang tập trung. Chúng ta có thể trở nên quá đắm chìm vào đối tượng của mình đến mức nếu một khẩu pháo được bắn ngay trên đầu, chúng ta cũng không nghe thấy. Con người có thể trở nên quá lạc vào một cuốn sách đến nỗi không nhận biết gì ngoài nó, và người chí nguyện cho thị kiến tinh thần phải đạt được khả năng đắm chìm hoàn toàn vào ý tưởng mà y đang tập trung để có thể loại bỏ thế giới giác quan khỏi tâm thức và dồn toàn bộ sự chú ý vào thế giới tinh thần. Khi y học được điều đó, y sẽ thấy được khía cạnh tinh thần của một đối tượng hay ý tưởng được soi sáng bởi ánh sáng tinh thần, và như thế y sẽ đạt được tri thức về bản chất nội tại của sự vật mà người thế tục không bao giờ mơ tưởng đến. Khi điểm ly trần ấy đã đạt tới, các trung tâm giác quan của thể dục vọng bắt đầu quay chậm bên trong thể đậm đặc và như thế tạo cho chúng một chỗ đứng. Điều này theo thời gian sẽ trở nên ngày càng rõ ràng, và sẽ cần ít nỗ lực hơn để làm cho chúng vận hành.

Đối tượng của sự tập trung có thể là bất kỳ lý tưởng cao đẹp nào, nhưng nên thuộc loại có

such a nature that it takes the aspirant out of the ordinary things of sense-, beyond time and space; and an excellent formula is the first five verses of St John's gospel. Taking them as a subject, sentence by sentence, morning after morning, will in time give the aspirant a wonderful insight into the beginning of our universe and the method of creation—an insight far beyond any book learning.

After a time, when the aspirant has learned to unwaveringly hold before him for about five minutes the idea upon which he is concentrating, he may try to suddenly drop the idea and leave a blank, thinking of nothing else and simply waiting to see if anything enters the vacuum. In time the sights and scenes of the desire world will fill the vacant space. After the aspirant has become used to that he may demand this, that, or the other thing to come before him. It will come, and then he may investigate it.

The main point, however, is that by following the above instructions the aspirant is purifying himself. His aura commences to shine and will, without fail, draw the attention of a teacher who will depute someone to give help when required for the next step in advancement. Even if months or years should go by and bring no visible result, rest assured that no effort has been in vain; the Great Teachers see and appreciate our efforts. They are just as anxious to have our assistance as we are to work. They may see reasons which make it inexpedient for us to take up work for humanity in this life or at this time. Sometime the hindering conditions will pass, and we shall be admitted to the light where we can see for ourselves.

thể đưa người chí nguyện thoát khỏi những điều bình thường của giác quan, vượt ngoài thời gian và không gian; và một công thức tuyệt hảo chính là năm câu đầu tiên của Phúc âm Thánh Gioan. Đem chúng ra làm đề tài, từng câu một, buổi sáng này nối tiếp buổi sáng khác, sẽ dần dần mang lại cho người chí nguyện một sự thấu hiểu tuyệt vời về sự khởi nguyên của vũ trụ chúng ta và phương pháp sáng tạo — một sự thấu hiểu vượt xa bất kỳ kiến thức sách vở nào.

Sau một thời gian, khi người chí nguyện đã học được cách giữ vững không lay chuyển trong khoảng năm phút ý tưởng mà y đang tập trung, y có thể thử buông bỏ ý tưởng ấy đột ngột và để tâm trống rỗng, không nghĩ gì khác và đơn giản chờ xem liệu có điều gì nhập vào khoảng không đó không. Theo thời gian, những cảnh tượng và hình ảnh của thế giới dục vọng sẽ tràn ngập không gian trống rỗng ấy. Khi người chí nguyện đã quen thuộc với điều đó, y có thể đòi hỏi điều này, điều kia xuất hiện trước mặt. Nó sẽ đến, và rồi y có thể khảo sát nó.

Điểm chính yếu, tuy nhiên, là bằng cách tuân theo những chỉ dẫn trên, người chí nguyện đang tự thanh luyện mình. Hào quang của y bắt đầu toả sáng và chắc chắn sẽ thu hút sự chú ý của một vị Thầy, Ngài sẽ cử ai đó đến giúp khi cần cho bước tiến kế tiếp. Ngay cả khi nhiều tháng hay nhiều năm trôi qua mà không mang lại kết quả hiển nhiên, hãy tin chắc rằng không một nỗ lực nào là vô ích; Các Đại Huân Sư thấy và trân trọng nỗ lực của chúng ta. Các Ngài cũng khát khao có sự trợ giúp của chúng ta như chúng ta khao khát được phụng sự. Các Ngài có thể thấy những lý do khiến cho việc chúng ta đảm nhận công việc cho nhân loại trong kiếp này hay vào lúc này là chưa thích hợp. Một ngày nào đó, những điều kiện ngăn trở sẽ qua đi, và chúng ta sẽ được bước vào ánh sáng, nơi chúng ta có thể tự mình nhìn thấy.

Silence and the Aura—Im lặng và hào quang

Many people ask, “What can I do? I can’t meditate.” While it is true that meditation, more than any other known discipline, can be the most potent transformer of the aura, there are other faculties that can be developed when meditation cannot. The ability to listen and to suspend judgment on what we hear, is a powerful disseminator of spiritual energies in the aura. It may surprise many that the male lead in the soap opera “Dallas” has a ‘silent’ day once each week in which he suspends all vocal activity completely.

It is profoundly true that the aura grows in strength in conditions of silence. Even the great Masters seek out conditions in which, for much of their time, they can dwell in silence.

It is also true that the nature of the aura is golden (not just its colour) and Man sits constantly within its fine spray. We also say “Silence is golden.” Indeed, silence, the aura and the qualities of gold have powerful correlations. An ancient legend says that digging for treasure must be done in the stillness of night and in perfect silence; to speak one word until the treasure is safely excavated will inevitably cause it to disappear. That is a mystic parable which has reference to the search for spiritual illumination. If we gossip or recount to others the experiences of our concentration period, we lose them; for they cannot bear vocal transmission and will fade into nothingness. By meditation we must extract from them a full knowledge of the underlying cosmic laws. Then the experience itself will not be recounted, for we shall see that it is but the husk which hid the kernel of

Nhiều người hỏi: “Tôi có thể làm gì? Tôi không thể tham thiền.” Dù đúng là tham thiền, hơn bất kỳ kỷ luật nào khác, có thể là tác nhân chuyển hoá mạnh mẽ nhất của hào quang, vẫn còn những năng lực khác có thể được phát triển khi việc tham thiền không thể thực hiện. Năng lực biết lắng nghe và hoãn lại sự phán đoán về những gì ta nghe được là một phương tiện phổ truyền mạnh mẽ các năng lượng tinh thần trong hào quang. Nhiều người có thể ngạc nhiên khi biết rằng nam diễn viên chính trong vở kịch truyền hình nhiều tập *Dallas* có một ngày “im lặng” mỗi tuần, trong đó ông hoàn toàn ngưng mọi hoạt động phát ngôn.

Điều vô cùng đúng đắn là hào quang tăng trưởng sức mạnh trong điều kiện tĩnh lặng. Ngay cả các Chân sư vĩ đại cũng tìm kiếm những điều kiện trong đó, phần lớn thời gian của Các Ngài, Các Ngài có thể sống trong tĩnh lặng.

Cũng đúng là bản chất của hào quang là vàng (không chỉ là màu sắc) và Con Người luôn ngồi trong màn sương tinh tế của nó. Chúng ta cũng nói “Im lặng là vàng.” Thật vậy, sự im lặng, hào quang và các phẩm tính của vàng có mối tương quan mạnh mẽ. Một truyền thuyết cổ kể rằng việc đào kho báu phải được thực hiện trong tĩnh lặng của đêm và trong sự im lặng tuyệt đối; chỉ cần thốt ra một từ trước khi kho báu được khai quật an toàn thì nó tất yếu sẽ biến mất. Đó là một dụ ngôn thần bí ám chỉ việc tìm kiếm sự soi sáng tinh thần. Nếu chúng ta ngồi lê đôi mách hay kể lại cho người khác nghe những trải nghiệm trong giai đoạn tập trung, chúng ta sẽ đánh mất chúng; vì chúng không thể chịu đựng sự truyền đạt bằng lời nói và sẽ tan biến thành hư vô. Qua tham thiền, chúng ta phải trích xuất từ những trải nghiệm ấy một tri thức đầy đủ về các định luật vũ trụ nền tảng. Khi đó chính trải nghiệm sẽ không

worth. The law is of universal value as will be at once apparent, for it will explain facts in life, and teach us how to take advantage of certain conditions and to avoid others. The law may be freely stated at the discoverer's discretion for the benefit of humanity. The experience which revealed the law then will appear in its true light as of only passing interest and unworthy of further notice. Therefore, the aspirant should regard everything that happens during concentration as sacred and should keep it strictly to himself.

If there is nothing else you can do but learn to sit in silence, you will find rewards enough in that process that will reassure you that your aura has begun to disseminate hugely. Silent periods enable the soul to grasp its vehicles and to enhance their aura.

Finally, beware of regarding the exercises as a burdensome task. Estimate them at their true worth: they are our highest privileges. Only when thus regarded can we do them justice and reap from them their full benefits.

còn được kể lại, vì chúng ta sẽ thấy nó chỉ là vỏ bọc che giấu hạt nhân giá trị. Định luật là giá trị phổ quát, điều này sẽ hiển nhiên ngay tức thì, vì nó sẽ giải thích những sự kiện trong đời, và dạy chúng ta cách tận dụng những điều kiện nhất định và tránh những điều khác. Định luật có thể được phát biểu công khai tùy theo quyết định của người khám phá, vì lợi ích của nhân loại. Khi ấy, trải nghiệm vốn đã hé lộ định luật sẽ được nhìn nhận đúng trong ánh sáng thật sự của nó như chỉ là mối quan tâm thoáng qua và không đáng để lưu ý thêm. Do đó, người chí nguyện nên coi mọi điều xảy ra trong suốt quá trình tập trung là điều thiêng liêng và nên giữ kín cho riêng mình.

Nếu không thể làm gì khác ngoài việc học cách ngồi trong tĩnh lặng, bạn cũng sẽ tìm thấy đủ phần thưởng trong tiến trình ấy để trấn an rằng hào quang của bạn đã bắt đầu phổ truyền một cách to lớn. Những khoảng thời gian im lặng cho phép linh hồn nắm bắt các vận cụ của nó và nâng cao hào quang của chúng.

Cuối cùng, hãy cẩn trọng đừng coi các bài tập như một gánh nặng. Hãy đánh giá chúng đúng với giá trị thực: đó là những đặc quyền cao cả nhất của chúng ta. Chỉ khi được nhìn nhận như thế, chúng ta mới có thể thực hiện chúng một cách xứng đáng và gặt hái đầy đủ lợi ích từ chúng.

8. Classical References to the Aura— Tài liệu tham khảo cổ điển về hào quang

There are many occult traditions about the human aura and mythology and religions have classical allusions to it. It was said that the aura of the Buddha extended some nine miles and his disciples could feel his presence at a great distance. When Moses descended from the Mountain of Sinai, the children of Israel noted an extraordinary light around him that was so intense that he could not be looked upon as he bore the stone tablets with the Ten Commandments inscribed upon them. Paul, on the way to Damascus, experienced a blinding light during his conversion to Christianity. The Golden Fleece is a mythological reference to the aura. Fleeces were used to trap gold in the mountain streams of Colchis. Man himself is a trap for the golden energies of the aura. The aura of the Christ was seen during the transfiguration of Jesus, when his raiment shone with a brightness that could not be equaled. The nimbus, seen around the heads of the Holy Family and of many of the saints in Renaissance pictures, is a tribute to their auras.

Medieval saints were surrounded with clouds of light. Some said that whilst he was at the altar, or kneeling in prayer, a brightness darted from the face of St John of the Cross:

In Christian art, round the heads of saints and the sacred characters is to be found portrayed the halo or nimbus which is supposed to represent the aura; sometimes the luminous cloud is shown around the whole of the body as well as the head, when it is called the aureola. It is also thought that the colours of the body and the clothing in medieval paintings and stained glass are intended to portray the auric colours of the individual...

Có nhiều truyền thống huyền bí về hào quang của con người, và thần thoại cũng như các tôn giáo đều có những ám chỉ kinh điển về nó. Người ta nói rằng hào quang của Đức Phật lan rộng đến chín dặm và các đệ tử của Ngài có thể cảm nhận sự hiện diện của Ngài từ một khoảng cách rất xa. Khi Moses từ Núi Sinai xuống, con cái Israel nhận thấy một ánh sáng phi thường quanh ông, đến nỗi họ không thể nhìn thẳng vào ông khi ông mang theo các bia đá khắc Mười Điều Răn. Phao-lô, trên đường đến Damascus, đã trải nghiệm một luồng sáng chói lòa trong lúc cải đạo sang Kitô giáo. Bộ lông Cừ Vàng là một ám chỉ mang tính thần thoại về hào quang. Người ta dùng lông cừu để giữ lại vàng trong các dòng suối núi ở Colchis. Con người tự thân cũng là một chiếc bẫy giữ lấy những năng lượng vàng của hào quang. Hào quang của Đức Christ đã được nhìn thấy trong sự biến hình của Đức Jesus, khi y phục của Ngài chiếu sáng với một độ rực rỡ không gì sánh được. Vầng hào quang, được nhìn thấy quanh đầu của Thánh Gia và của nhiều vị thánh trong các bức họa thời Phục Hưng, là sự tôn vinh dành cho hào quang của họ.

Các thánh nhân Trung cổ được bao quanh bởi những đám mây ánh sáng. Người ta nói rằng khi Ngài ở bàn thờ hoặc đang quỳ cầu nguyện, một luồng sáng từ gương mặt của Thánh Gioan Thánh Giá bùng phát ra.

Trong nghệ thuật Kitô giáo, quanh đầu của các vị thánh và những nhân vật thiêng liêng thường được vẽ vòng hào quang hoặc vầng sáng, vốn được cho là đại diện cho hào quang; đôi khi đám mây sáng được thể hiện quanh toàn thân cũng như quanh đầu, khi đó nó được gọi là hào quang toàn thể (aureola). Người ta cũng cho rằng màu sắc của cơ thể và y phục trong các bức tranh Trung cổ và tranh kính màu nhằm diễn tả màu sắc hào quang của cá

The crowns and distinctive head-dresses worn by the kings and queens and priests of antiquity, are said to be symbolic of the aura.

In many of the sacred books of the East representations of the great teachers and holy men are given with the light extending around the whole of the body. Instances of this may be found in the temple caves of India and Ceylon, in the Japanese Buddhistic books, also in Egypt, Greece, Mexico and Brazil.*

* *Encycopaedia Of Occultism* by Lewis Spence. Citadel Press, New Jersey.

The Christ Force—Mãnh lực Christ

It is hard to find direct references to the aura in Christian teachings but this is understandable when there is so much wrong thinking about the nature of Christ. The Christ force may be better expressed as the movement of that energy we associate with healing and teaching. In a sense, all living things are receptive to it and are renewed by it according to the way in which their purpose on earth is in accord to the Divine Plan. The aura is a force-field in which the cosmic energies of the Christ have free-play as compared to the actual physical body wherein there is anything but freedom of Christ force to express itself effectively and invisibly. In healing, no matter how brilliant the presiding doctor, he merely assists in the process. This is true also of teachers and the act of teaching. In the end, wisdom is gained through a process of unveiling or in letting the Christ force through, rather than as a result of, say, repetitive learning. Even without the intervention of the healer and teacher the Christ force still acts as one of the archetypal streams that constantly raises living things

nhân... Những vương miện và mũ đội đặc trưng của các vua chúa và tư tế thời cổ đại được cho là tượng trưng cho hào quang.

Trong nhiều sách thiêng liêng của phương Đông, các hình ảnh mô tả những bậc đạo sư và các bậc thánh nhân thường được thể hiện với ánh sáng lan toả quanh toàn thân. Có thể tìm thấy những ví dụ như vậy trong các hang động đền thờ ở Ấn Độ và Tích Lan, trong các sách Phật giáo Nhật Bản, cũng như ở Ai Cập, Hy Lạp, Mexico và Brazil.

Encycopaedia Of Occultism của Lewis Spence, Citadel Press, New Jersey.

Rất khó để tìm thấy những tham chiếu trực tiếp về hào quang trong các giáo huấn Kitô giáo, nhưng điều này có thể hiểu được khi có quá nhiều sự hiểu sai về bản chất của Đức Christ. Lực Christ có thể được diễn đạt tốt hơn như là sự chuyển động của năng lượng mà chúng ta liên kết với sự chữa lành và giảng dạy. Theo một nghĩa nào đó, mọi sinh thể đều tiếp nhận được năng lượng này và được đổi mới bởi nó tùy theo mức độ mà mục đích sống trên trần gian của chúng phù hợp với Thiên Cơ. Hào quang là một trường mãnh lực trong đó các năng lượng vũ trụ của Đức Christ được tự do vận hành, so với thể xác hồng trần, nơi mà hầu như không có sự tự do để Lực Christ có thể biểu lộ một cách hiệu quả và vô hình. Trong chữa lành, bất kể vị bác sĩ chủ trì tài giỏi đến đâu, ông ta chỉ đơn thuần hỗ trợ tiến trình. Điều này cũng đúng với các huấn sư và hành động giảng dạy. Sau cùng, minh triết đạt được qua một tiến trình vén mở hay cho phép Lực Christ tuôn chảy, hơn là kết quả của, chẳng hạn, việc học tập lặp đi lặp lại. Ngay cả khi không có sự can thiệp của người chữa lành và người thầy, Lực Christ vẫn hoạt động như một

towards Truth, Beauty and Goodness.

Through the comprehension that man is basically a unit of energy (manifesting as bodies within the aura), we come to accept that “the Christ” is a cosmic force, not an anthropomorphic being, an aspect of Love-Wisdom and that the religious interpretations of this fact in terms of an historical personage like Jesus are merely masks hiding the divine.

H.P. Blavatsky was always very clear about this matter. She said:

I deny ‘in toto,’ the Christ invented by the Church, as well as all the doctrines, all the interpretations, and all the dogmas, ancient and modern, concerning that personage ... I have the keenest aversion for the ‘Christolatry’ of the Churches. I hate those dogmas and doctrines which have degraded the ideal Christos by making of it an absurd and grotesque anthropomorphic fetish. Jesus, crucified, was nothing but an illusion, and his story an allegory. For me Jesus Christ, i.e., the Man-God of the Christians, copied from the Avatars of every country, from the Hindu Krishna as well as the Egyptian Horus, was never an historical person. He is a deified personification of the glorified type of the great Hierophants of the Temples, and his story as told in the New Testament is an allegory.

And again she said that a divine Christ (or Christos) never existed under a human form outside the imagination of the blasphemers who have carnalised a universal and entirely impersonal principle.

trong những dòng chảy nguyên hình liên tục nâng đỡ mọi sinh thể hướng về Chân lý, Cái Đẹp và Điều Thiện.

Qua sự thấu hiểu rằng con người về căn bản là một đơn vị năng lượng (biểu lộ thành các thể trong hào quang), chúng ta đi đến sự chấp nhận rằng “Đức Christ” là một mãnh lực vũ trụ, không phải một hữu thể nhân hình, mà là một phương diện của Bác Ái-Minh triết; và rằng những diễn giải tôn giáo về sự thật này dưới hình thức một nhân vật lịch sử như Jesus chỉ là những chiếc mặt nạ che giấu điều thiêng liêng.

H.P. Blavatsky luôn luôn rất rõ ràng về vấn đề này. Bà nói:

“Tôi phủ nhận *hoàn toàn* ‘Đức Christ’ do Giáo hội sáng chế, cũng như tất cả các giáo lý, mọi diễn giải và mọi giáo điều, cổ xưa lẫn hiện đại, liên quan đến nhân vật đó... Tôi cực kỳ ghét sự ‘sùng bái Christ’ của các Giáo hội. Tôi căm ghét những giáo điều và giáo lý đã làm suy đồi hình mẫu lý tưởng của Christos bằng cách biến nó thành một ngẫu tượng nhân hình lố bịch và phi lý. Jesus bị đóng đinh chẳng là gì ngoài một ảo ảnh, và câu chuyện về ông chỉ là một ngụ ngôn. Với tôi, Jesus Christ, tức là Con Người-Thần của các Kitô hữu, được sao chép từ các Đấng Hoá Thân ở mọi quốc gia, từ Krishna của Ấn Độ cũng như Horus của Ai Cập, chưa bao giờ là một nhân vật lịch sử. Ông ta là sự nhân cách hoá được thần thánh hoá của hình mẫu vinh quang của các Đại Tế sư của Đền thờ, và câu chuyện về ông được kể trong Tân Ước chỉ là một ngụ ngôn.”

Và bà lại nói rằng một Đức Christ thiêng liêng (hay Christos) chưa bao giờ hiện hữu dưới một hình tượng nhân loại bên ngoài trí tưởng tượng của những kẻ phạm thượng đã vật chất hoá một nguyên lý phổ quát và hoàn toàn vô ngã.

There are several ways by which the Christ force can be encouraged into the auric force fields of Man. The holding of the consciousness in the region of the brow and the focus of attention on any object visualised within the “sacred square inch” of the brow, opens the aura to a tremendous input of the Christ force which can then be channelled to others in healing and teaching. St Paul put it clearly: If thine eye be single, thy whole body shall be filled with light. If you bring both your eyes to a single point in concentration you will be flooded with the light of the Christ force.

Có nhiều cách để Lực Christ có thể được khích lệ tuôn nhập vào các trường hào quang của Con Người. Việc giữ tâm thức trong vùng ấn đường và tập trung sự chú ý vào bất kỳ đối tượng nào được hình dung trong “tấc vuông thiêng liêng” của ấn đường mở ra hào quang để tiếp nhận một dòng nhập vào to lớn của Lực Christ, vốn sau đó có thể được dẫn truyền đến người khác trong sự chữa lành và giảng dạy. Thánh Phao-lô đã nói rõ: “*Nếu mắt ngươi chỉ là một, thì cả thân thể ngươi sẽ tràn đầy ánh sáng.*” Nếu bạn tập trung cả hai mắt vào một điểm duy nhất, bạn sẽ được tràn ngập bởi ánh sáng của Lực Christ.

Hylozoism and the Aura—Hoạt vật luận và hào quang

In his work *The Jewel in the Lotus* the author has given seven great postulates which lie at the basis of human growth out of his own kingdom into the higher. The first of these is that of Hylozoism. It proposes that all things are alive, from the tiniest atom to the greatest planet. This is not a new idea. Aristotle taught it and so did the Christian church leader Origen. It is a postulate that must be ‘realised’ and the moment we can conceive that a thing lives, say a piece of quartz crystal, then our consciousness unites somewhat with that other living being and there is a corresponding growth of our own aura into its:

Trong tác phẩm *The Jewel in the Lotus*, tác giả đã đưa ra bảy tiên đề vĩ đại làm nền tảng cho sự trưởng thành của con người vượt ra khỏi vương quốc của y để bước vào những cảnh giới cao hơn. Tiên đề đầu tiên trong số đó là Hylozoism. Nó khẳng định rằng mọi sự đều sống động, từ nguyên tử nhỏ bé nhất cho đến hành tinh vĩ đại nhất. Đây không phải là một ý tưởng mới. Aristotle đã dạy điều đó và nhà lãnh đạo Kitô giáo Origen cũng vậy. Đây là một tiên đề cần phải được “thực chứng,” và ngay khoảnh khắc chúng ta có thể quan niệm rằng một sự vật sống động, chẳng hạn một mảnh tinh thể thạch anh, thì tâm thức của chúng ta phần nào hợp nhất với sinh thể sống kia, và có một sự tăng trưởng tương ứng của chính hào quang chúng ta vào trong hào quang của nó:

O Hidden Life! vibrant in every atom;

Ôi Sự sống Ẩn giấu! rung động trong mọi nguyên tử;

O Hidden Light! shining in every creature;

Ôi Ánh sáng Ẩn giấu! chiếu sáng trong mọi sinh thể;

O Hidden Love! embracing all in oneness;

Ôi Tình thương Ẩn giấu! ôm trọn tất cả trong sự duy nhất;

May each who feels himself one with Thee

*Nguyện cho mỗi người cảm thấy mình là một với
Ngài*

Know that he is therefore one with every other.

*Biết rằng nhờ đó y cũng là một với mọi sinh linh
khác.*

Shanti Kumar

Shanti Kumar